

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

PHẦN I: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2025

a. Thuận lợi:

- b. Khó khăn:**

- 1/15

đến thiếu nhân sự kỹ thuật cao và công cụ dụng cụ để thực hiện công việc, Công ty phải thuê nhân sự ngoài, làm tăng chi phí, giảm cạnh tranh.

Nhận thức được các khó khăn, thuận lợi trên, Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động trong công tác điều hành, bám sát các mục tiêu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, phân đầu hoàn thành kế hoạch được giao, kết quả đạt được như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ TH/KH(%)
I	Doanh thu	297,04	387,00	130,29%
I.1	<i>Doanh thu các Hợp đồng thường xuyên và phát sinh PV Power</i>	152,46	189,70	124,43%
1	Doanh thu SCTX	149,46	147,71	
2	Doanh thu phát sinh	3,00	41,99	
I.2	<i>Doanh thu phát triển dịch vụ ngoài</i>	140,89	176,56	125,32%
1	Doanh thu dịch vụ kỹ thuật	65,85	122,68	186,31%
2	Doanh thu cung cấp vật tư	74,60	53,44	71,64%
3	Doanh thu cho thuê VPHN	0,44	0,44	100%
I.3	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	3,70	2,66	71,89%
I.4	<i>Thu nhập khác</i>		2,13	
I.5	<i>Doanh thu OEM</i>		15,95	
II	Tổng chi phí	278,99	368,22	131,98%
III	Lợi nhuận trước thuế	18,05	18,78	104,04%
IV	Lợi nhuận sau thuế	14,44	14,94	103,46%
V	Các khoản phải nộp NSNN	18,75	21,85	118,43%
VI	Các khoản đã nộp NSNN	18,75	25,45	135,73%

Đánh giá tình hình thực hiện:

- ❖ **Doanh thu:** Tổng giá trị thực hiện năm 2025 là 387,00/297,04 tỷ đồng, đạt 130,29% kế hoạch, tăng 89,96 tỷ đồng so với kế hoạch, trong đó:
 - Doanh thu SCTX **giảm 1,75 tỷ đồng do:**
 - Hợp đồng Cà Mau 1&2: Giảm 2,55 tỷ đồng do dừng máy trên 31 ngày.
 - Hợp đồng Nhơn Trạch 2: Tăng 0,80 tỷ đồng theo thực tế thực hiện (do ghi nhận doanh thu SCTX từ 15-31/12/2024 sang năm 2025).
 - Doanh thu phát sinh của các Hợp đồng SCTX **tăng 38,99 tỷ đồng do:**
 - Hợp đồng Cà Mau 1&2: Tăng 5,09 tỷ đồng phát sinh của Hợp đồng thường xuyên.
 - Hợp đồng Nhơn Trạch 1: Tăng 14,12 tỷ đồng chủ yếu do xử lý bất thường RHSC GT11 và xử lý bất thường RHSC GT12 Nhơn Trạch 1.
 - Hợp đồng Vũng Áng 1: (i) Tăng 11,12 tỷ đồng phần phát sinh theo thực tế

thực hiện các SĐBS của HĐ08; (ii) Tăng 8,67 tỷ đồng thực hiện Hợp đồng thay thế sửa chữa giá đỡ hệ thống thang máng cấp khu vực lò hơi tổ máy số 1, số 2 NMT Vũng Áng 1 năm 2025.

- Doanh thu phát triển DVKT kỹ thuật: Đạt 122,68/65,85 tỷ đồng, **tăng 56,83 tỷ đồng** chủ yếu do: Ngoài các HĐ tại Formosa Hà Tĩnh, PVPS thực hiện và ghi nhận doanh thu đối với các gói thầu BDSC định kỳ tại các NMT Sông Hậu 1, Duyên Hải 3, Mông Dương 2, Nghi Sơn 2 BOT,...
- Doanh thu mảng công việc cung cấp vật tư/hàng hóa đạt 53,44/74,60 tỷ đồng, **giảm 21,16 tỷ đồng** so với kế hoạch theo thực tế thực hiện cung cấp vật tư/hàng hóa/ác quy cho Duyên Hải 3, Mông Dương 1, Thăng Long,...
- Doanh thu hoạt động tài chính **giảm 1,04 tỷ đồng** theo thực tế.
- Thu nhập khác ghi nhận **tăng 2,13 tỷ đồng**, chủ yếu do tăng thu nhập đối với khoản phải trả khách hàng Công ty Design và Công ty OCD.
- Doanh thu từ nhà thầu OEM của Hợp đồng Nhơn Trạch 1 **tăng 15,95 tỷ đồng (không tạo ra lợi nhuận)**.
- ❖ **Chi phí:** 368,22/278,99 tỷ đồng, đạt 131,98% kế hoạch.
- ❖ **Lợi nhuận trước thuế:** 18,78/18,05 tỷ đồng, đạt 104,04% kế hoạch do yếu tố doanh thu tăng/giảm nêu trên.

Công ty đã tăng cường công tác phát triển dịch vụ (ký kết và thực hiện thêm nhiều hợp đồng mới), tối ưu hóa sử dụng nguồn nhân lực hiệu quả trong phát triển dịch vụ và SCĐK các NMT; đồng thời tiết kiệm, tiết giảm tối đa các khoản mục chi phí quản lý; giãn tiến độ thực hiện đầu tư/mua sắm một số tài sản/trang thiết bị chưa thực sự cần thiết,... nhằm gia tăng lợi nhuận/hiệu quả sản xuất kinh doanh; mặt khác vẫn duy trì ổn định chế độ, tiền lương, thu nhập cho người lao động.

- ❖ **Chỉ tiêu nộp ngân sách Nhà nước:** Số đã nộp 22,45/18,75 tỷ đồng, đạt 135,73% kế hoạch.

2. Các hoạt động chính của Công ty

2.1. Công tác bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện

- Thực hiện công tác BDSC thường xuyên, đột xuất và xử lý sự cố các NMT Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2 và NMT Vũng Áng 1, hoàn thành 100% khối lượng công việc so với kế hoạch đề ra, đảm bảo các nhà máy vận hành an toàn, hiệu quả, đạt độ khả dụng và độ tin cậy cao.
- Hoàn thành công tác xử lý bất thường RHSC GT11, GT12 NMT Nhơn Trạch 1.
- Phát triển dịch vụ kỹ thuật trong ngành và ngoài ngành, trong năm 2025, PVPS đã thực hiện các công việc chính như sau:

- + Thực hiện hợp đồng thường xuyên 03 năm xường năng lượng, xường công dụng (3R, 3D) và hợp đồng bảo dưỡng nhà máy Luyện cốc, hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa nhà máy Thiêu kết tại Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh.
- + Cung cấp dịch vụ bảo trì BOP tổ máy 2 - NMD Nghi Sơn 2.
- + Đại tu quạt; Tiểu tu gói trục máy phát - Đợt 2, NMD Mông Dương.
- + Đại tu Van; Đại tu C&I; Tiểu tu C&I, NMD Thăng Long.
- + Cung cấp dịch vụ sửa chữa Hệ thống Tuabin - Máy phát và hệ thống phụ trợ tổ máy S1 – NMNĐ Duyên Hải 3.
- + Thực hiện các hợp đồng tại NMNĐ Sông Hậu 1 gồm: Cung cấp dịch vụ trung tu Tuabin hạ áp Tổ máy S1 và S2 NMNĐ Sông Hậu 1; Cung cấp dịch vụ đại tu 19 van điều khiển Tuabin tổ máy S1 và S2 NMNĐ Sông Hậu 1.
- + Thực hiện bảo dưỡng kiểm tra định kỳ Turbin máy phát của Nhà máy điện Formosa Nhơn Trạch.
- + Thực hiện Hợp đồng Cung cấp dịch vụ sửa chữa hệ thống Tuabin – Máy phát và hệ thống phụ trợ Tổ máy S3 NMNĐ Duyên Hải 3 mở rộng.
- + Thực hiện hợp đồng gói thầu: Cung cấp, lắp đặt các trang thiết bị ATTT giai đoạn 1 để đảm bảo tuân thủ các quy định về ATTT cấp độ 3 đối với Hệ thống điều khiển phân tán (DCS) của NMD Nhơn Trạch 1.
- + Thực hiện hợp đồng dịch vụ quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Nhà máy Cà Mau (năm 2025).
- + Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa định kỳ hệ thống điện tự dùng các Tổ máy, thí nghiệm và kiểm định hệ thống relay bảo vệ, các thiết bị điện – NMNĐ Thái Bình 2.
- + Thực hiện và nghiệm thu các hợp đồng BDSC tại Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 2 gồm: Sửa chữa bơm nước; Sửa chữa bơm chân không; Sửa chữa thường xuyên NMNĐ Mông Dương 2 năm 2025; BDSC quạt hướng trục và quạt ly tâm NMNĐ Mông Dương 2 năm 2025; Bảo dưỡng sửa chữa hệ thống BOP-Bộ phận nước làm mát và FGD; Bảo dưỡng sửa chữa hệ thống BOP-Bộ phận thải xỉ.
- + Thực hiện các hợp đồng cung cấp vật tư, hàng hóa: Cung cấp Vật tư và dịch vụ Đại tu Hệ thống APH và GGH - Tổ máy S1 NMNĐ Duyên Hải 3; Cung cấp, lắp đặt ắc quy cho NMNĐ Mông Dương 1; Thực hiện hợp đồng cấp hàng hóa cho NMNĐ Thăng Long.

2.2. Công tác đầu tư mua sắm

- Trong năm 2025, PVPS thực hiện đầu tư mua sắm là: 9,22/9,56 tỷ đồng, đạt 96,5% kế hoạch, trong đó:
- + Mua sắm công cụ dụng cụ: 8,07/8,1 tỷ đồng, đạt 99,5% kế hoạch.
- + Mua sắm trang thiết bị phục vụ sản xuất tại các chi nhánh: 0,02/0,02 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.
- + Mua sắm phục vụ công tác quản lý: 0,14/0,23 tỷ đồng, đạt 61,1% kế hoạch.

- + Mua sắm phương tiện: 0,99/1,2 tỷ đồng, đạt 82,5% kế hoạch.

2.3. Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Triển khai giao kế hoạch đào tạo năm 2025 cho các đơn vị thực hiện, trong đó chú trọng tăng cường bồi dưỡng kèm cặp nội bộ tại các Chi nhánh. Công ty đã thông qua kế hoạch chi tiết công tác đào tạo nội bộ năm 2025 tại các Chi nhánh theo Quy chế đào tạo hiện hành. Thực hiện tổng số lượt đào tạo 274/274 người, đạt 100% kế hoạch với tổng kinh phí 1.460/1.550 triệu đồng, đạt 94,26% kế hoạch, trong đó:

- + Đào tạo thường xuyên cho 120 lượt người với tổng kinh phí 0,38 triệu đồng.
- + Đào tạo tiếng Anh giao tiếp cho 67 lượt người, chi phí 0,32 tỷ đồng.
- + Đào tạo chuyên sâu cho 21 lượt người với tổng kinh phí 0,56 tỷ đồng.
- + Đào tạo nâng bậc, tái đào tạo cho 66 lượt người với tổng kinh phí là 0,2 tỷ đồng.

2.4. Công tác lao động

a. Công tác tổ chức nhân sự:

Tính đến thời điểm 31/12/2025, Công ty có 441 lao động, cụ thể như sau:

- + Ban lãnh đạo (HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và KTT): 08 người.
- + Bộ phận Kiểm toán nội bộ: 01 người.
- + 05 phòng chức năng: 56 người.
- + 04 Chi nhánh: 376 người.

b. Công tác quản lý và sử dụng lao động

➤ Tăng giảm trong kỳ:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Ghi chú
1	Lao động đầu kỳ	Người	428	
2	Lao động tăng trong kỳ	Người	79	
3	Lao động giảm trong kỳ	Người	66	
4	Lao động cuối kỳ	Người	441	

➤ Cơ cấu lao động:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025
I	Theo giới tính	Người	441
1	Nam	-	398
2	Nữ	-	43
II	Theo độ tuổi	Người	441

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025
1	Dưới 30 tuổi	-	55
2	31-39 tuổi	-	166
3	40-49 tuổi	-	180
4	50-55 tuổi	-	31
5	Trên 55 tuổi	-	9
6	Tuổi bình quân	-	39.3
III	Theo trình độ đào tạo	Người	441
1	Tiến sỹ	-	0
2	Thạc sỹ	-	23
3	Đại học	-	199
4	Cao đẳng	-	65
5	Trung cấp	-	84
6	CNKT + Lái xe	-	70
7	Lao động phổ thông	-	0

➤ **Công tác quản lý lao động:**

- Công ty đã rà soát, giao định biên cho các phòng, đơn vị với định biên lao động toàn Công ty năm 2025 là 514 người.
- Công ty đã thực hiện đầy đủ và kịp thời giải quyết thôi việc, chuyển công tác/kí mới HĐLĐ; giải quyết nghỉ hưởng chế độ hưu trí, luân chuyển/bổ nhiệm lại/bổ nhiệm mới theo đúng quy định, phù hợp với tình hình SXKD.
- Công ty đã giải quyết thôi việc, chuyển công tác đối với 66 nhân sự.
- Thực hiện ký hợp đồng lao động có thời hạn 12 tháng trở lên đối với lao động mới tiếp nhận.
- Công tác hồ sơ cán bộ: quản lý, sắp xếp, bổ sung hồ sơ CBCNV Công ty và kê khai lý lịch cán bộ theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Đánh giá: Công tác quản lý lao động được triển khai theo quy chế quy định của Đảng, Nhà nước, Tổng công ty và Công ty, đảm bảo tính kịp thời, hiệu quả phục vụ cho nhiệm vụ chính trị và triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.5. Công tác tiền lương, thưởng và chế độ chính sách cho CBCNV

- Quyết toán quỹ tiền lương năm 2024 và xây dựng kế hoạch quỹ tiền lương năm 2025.
- Thực hiện chi trả lương cho CBCNV theo Quy chế trả lương số 108/QĐ/DVKT-HĐQT ngày 25/6/2024; thực hiện đánh giá tập thể,

CBCNV theo Quy chế được ban hành kèm theo Quyết định số 109/QĐ/DVKT-HĐQT ngày 25/6/2024 của Hội đồng Quản trị Công ty.

- HĐQT Công ty đã có Quyết định số 22/QĐ/DVKT-HĐQT ngày 18/02/2025 về việc phê duyệt bổ sung và ban hành Quy chế trả lương cho CBCNV kỹ thuật cao.
- Xây dựng và ban hành Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng cho người quản lý Công ty theo Quyết định số 132/QĐ/DVKT-HĐQT ngày 15/8/2025 và sửa đổi Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng người quản lý theo Quyết định số 175/QĐ/DVKT-HĐQT ngày 18/11/2025.
- Triển khai nâng lương định kỳ năm 2025 cho CBCNV Công ty.
- **Kết quả thực hiện:**
 - + Lao động bình quân: 428 người.
 - + Tiền lương bình quân: 21,28 triệu đồng/người/tháng.
 - + Thu nhập bình quân: 24,11 triệu đồng/người/tháng.
 - Thực hiện chi trả các khoản phụ cấp độc hại, trợ cấp ăn ca, thưởng an toàn theo đúng quy định.

2.6. Công tác an toàn sức khỏe môi trường, phòng chống cháy nổ

Trong năm 2025, công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ (ATVSLĐ-PCCN) của Công ty luôn được quan tâm. Công ty đã đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường, không để xảy ra vụ tai nạn lao động và sự cố cháy nổ, không có người bị mắc bệnh nghề nghiệp. Hội đồng ATVSLĐ Tổng Công ty đã chấm điểm công tác ATVSLĐ-PCCN tại Công ty năm 2025, đạt 98/100 điểm, đủ tiêu chuẩn để đạt danh hiệu “Bảo đảm an toàn - vệ sinh lao động xuất sắc”. Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

- Tổ chức các kỳ huấn luyện ATVSLĐ, kiểm tra sát hạch an toàn điện định kỳ; Kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; Kiểm tra công tác ATVSLĐ, PCCN & BVMT.
- Tổ chức đo kiểm môi trường lao động, khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; Thực hiện công tác xét thưởng an toàn, bồi dưỡng hiện vật định kỳ hàng tháng.
- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.
- Tổ chức hưởng ứng tháng hành động ATVSLĐ, PCCN, BVMT năm 2025.
- Tăng cường công tác an ninh, an toàn, PCCN trong mùa khô, dịp tết Dương lịch, tết Nguyên đán, lễ 30/4-01/5, lễ Quốc khánh 02/9.
- Giám sát an toàn trong hoạt động BDSC thường xuyên và các kỳ sửa chữa lớn của Công ty tại các NMĐ Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1&2, Vũng Áng 1,

Formosa Hà Tĩnh, Formosa Nhơn Trạch, Nghi Sơn 2, Mông Dương 2, Thái Bình 2, Sông Hậu 1, Duyên Hải 3, Duyên Hải 3 mở rộng...; Cập nhật các hoạt động sửa chữa trong ngày, nhắc nhở người lao động tuân thủ các quy định trong công tác ATSKMT, đặc biệt các công việc có nguy cơ cao gây mất an toàn lao động, nguy cơ cháy nổ, và ảnh hưởng đến môi trường.

Báo cáo Tổng Công ty, Sở Y tế, Sở Nội vụ địa phương thông kê định kỳ về ATVSLĐ, PCCN và tình hình tai nạn lao động của Công ty.

2.7. Công tác khoa học công nghệ

- Ngay từ đầu năm, Công ty đã triển khai công tác phát động phong trào công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ cho toàn thể CBCNV.
- Hội đồng sáng kiến thực hiện thông báo, phổ biến các nội dung liên quan đến công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật do Tổng công ty định hướng.
- Năm 2025, Công ty có 29 sáng kiến cải tiến kỹ thuật được công nhận/cấp giấy chứng nhận (CNCM 11 sáng kiến; CNNT 10 sáng kiến; CNHT 07 sáng kiến; P.KTAT 01 sáng kiến), mang lại lợi ích về thời gian, hiệu quả kinh tế trong công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.8. Các hoạt động tổ chức đoàn thể, an sinh xã hội, chăm lo đời sống

- Công tác an sinh xã hội:
 - + Trong năm 2025, công tác an sinh xã hội của đơn vị tập trung vào công tác chăm lo đời sống cho CBCNV trong dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025. Kết quả: Hỗ trợ kinh phí tổ chức chương trình Tết sum vầy - Xuân Nghĩa tình Dầu khí nhân dịp Tết Ất Tỵ với tổng số tiền là 52 triệu đồng; Hỗ trợ tổ chức các giải thể thao, hội thao, bữa ăn công đoàn: 71,5 triệu đồng; Hỗ trợ CBCNV Công ty bị bệnh hiểm nghèo và bị tai nạn với số tiền 06 triệu đồng. Mua bánh Trung thu cho CBCNV: 205,578 triệu đồng; Tặng quà và mừng tuổi cho 430 CBCNV nhân dịp tết Nguyên đán với tổng số tiền là 253,5 triệu đồng; Chi hỗ trợ người lao động thực hiện công tác sửa chữa lớn các nhà máy điện Nghi Sơn 1, Duyên Hải 3 với tổng số tiền: 18,1 triệu đồng. Tặng quà cho 05 người lao động tại Chi nhánh Hà Tĩnh nhân dịp bàn giao và gắn biển nhà “Mái ấm Công đoàn Dầu khí”: 2,5 triệu đồng.
 - + Thực hiện phát động của Tổng Công ty, Công ty đã kêu gọi toàn thể CBCNV làm thêm để tạo nguồn kinh phí thực hiện các hoạt động của Tập đoàn, bao gồm: (i) Ủng hộ, hỗ trợ đồng bào bị thiên tai, bão lũ và các hoạt động an sinh khác; (ii) Ủng hộ Quỹ tương trợ Dầu khí; (iii) Ủng hộ hoạt động “Vì thế hệ trẻ” của Đoàn thanh niên Tập đoàn và “Nghĩa tình đồng đội” của Hội Cựu chiến binh với tổng số tiền cho 03 đợt là 413,61 triệu đồng.
- Công tác chăm lo đời sống CBCNV và các phong trào đoàn thể:

- + Công ty đã thực hiện việc trích nộp, đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ và thực hiện các chế độ chính sách khác cho CBCNV Công ty theo đúng quy định của Nhà nước. Tính đến 31/12/2025, số lao động tham gia BHXH tại đơn vị là 422 người, hàng tháng trích nộp khoảng 1,48 tỷ đồng.
- + Giải quyết chế độ ốm, đau, thai sản... đầy đủ theo quy định.
- + Tham gia BHXH điện tử, nộp hồ sơ qua mạng và qua bưu điện.
- + Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo đúng quy định.
- + Lập kế hoạch và bố trí nghỉ phép cho người lao động năm 2025.
- + Tổ chức chương trình nghỉ mát năm 2025 cho NLĐ.
- + Mua và hướng dẫn sử dụng bảo hiểm con người kết hợp mức trách nhiệm cao cho CBCNV Công ty năm 2025; Mua BHNT cho lao động kỹ thuật cao năm 2025.
- + Thực hiện chi từ quỹ phúc lợi cho toàn thể CBCNV Công ty với tổng số tiền là 1.942,8 triệu đồng, cụ thể: chi cho người lao động nhân dịp Tết Nguyên đán và đầu xuân Ất Tỵ năm 2025; Kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8/3; Quốc tế thiếu nhi 1/6; Tổ chức sinh nhật; Tặng quà cho thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sỹ; Tết Trung thu; Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10; Hỗ trợ chăm sóc sắc đẹp đối với nữ cán bộ nhân viên; trợ cấp Hưu trí...

Đánh giá: Công ty đã thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động; Khen thưởng, phúc lợi, ăn ca, chế độ BHXH: Các chế độ chính sách đối với người lao động được giải quyết đầy đủ, kịp thời. Số người tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN đạt 100%, thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN đúng Luật BHXH Việt Nam.

2.9. Công tác thi đua, khen thưởng

Trong năm 2025, Công ty đã báo cáo Hội đồng Thi đua khen thưởng Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam xét, trình Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng quốc gia Việt Nam và Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam khen thưởng các danh hiệu thi đua năm 2025, cụ thể như sau:

- Đối với tập thể: 05 tập thể lao động tiên tiến, 03 tập thể lao động xuất sắc, 04 tập thể Giấy khen Tổng Công ty, 04 tập thể Giấy khen Tập đoàn.
- Đối với cá nhân: 07 cá nhân Bằng khen Bộ Tài chính, 110 cá nhân Chiến sỹ thi đua cơ sở, 20 cá nhân Giấy khen Tập đoàn, 92 cá nhân Giấy khen Tổng Công ty, 396 cá nhân Lao động tiên tiến.
- Khen thưởng đột xuất: khen thưởng cho các tập thể, cá nhân đã có thành tích trong công tác ATVSLĐ-PCCN năm 2024 và khen thưởng cho cá nhân và đội thi đạt giải tại Hội thao ATVSLĐ-PCCN lần thứ XV năm 2025; khen thưởng cho CBCNV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong dịp lễ 30/4

& 01/5/2025; khen thưởng cho tập thể và các cá nhân CNNT hoàn thành tốt công tác xử lý khẩn RHS C tổ máy GT12 NMD Nhơn Trạch 1; vinh danh các cá nhân tiêu biểu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập Chi nhánh Hà Tĩnh (26/01/2015 – 26/01/2025); khen thưởng cho tập thể và cá nhân hoàn thành tốt công tác Trung tu/đại tu tổ máy số 02 Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 năm 2024; Khen thưởng cho các tập thể hoàn thành tốt công tác BDSC tại NMNĐ Duyên Hải 3 HD số 86/HD-NDDH-TTID-PVPS.25; Khen thưởng cho tập thể các nhóm đã hoàn thành tốt HD86 về việc gói thầu 02PTV-SCL-2025: Cung cấp dịch vụ sửa chữa hệ thống tuabin-máy phát và hệ thống phụ trợ - Tổ máy S1 NMNĐ DH3; Khen thưởng cho CNHT trong công tác thực hiện Hợp đồng Formosa Hà Tĩnh.

3. Đánh giá chung và bài học kinh nghiệm

3.1. Đánh giá chung:

- Hoàn thành các công tác BDSC thường xuyên, đột xuất và xử lý các sự cố, tồn tại, bất thường thiết bị/hệ thống các NMD Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, Vũng Áng 1 và Formosa Hà Tĩnh.
- Thực hiện công tác bảo dưỡng SCĐK đạt/vượt tiến độ thống nhất với Chủ đầu tư, đặc biệt trong năm 2025, PVPS đã hình thành năng lực thực hiện BDSC lớn 2 công việc TBH-MPĐ gam máy 600 MW trong cùng một thời điểm.
- PV Power Services đã nỗ lực và hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, doanh thu đạt trên 130% kế hoạch được giao và lợi nhuận thực hiện đạt trên 104% kế hoạch.
- Công tác phát triển dịch vụ ngoài tiếp tục được đẩy mạnh, tích cực tìm kiếm, mở rộng hợp đồng dịch vụ nhằm nâng cao doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

3.2. Tồn tại và bài học kinh nghiệm:

a) Tồn tại:

- Tình trạng người lao động nghỉ việc, chuyển công tác do nhiều nguyên nhân (chuyển qua các NMD, dự án công nghiệp mới...) vẫn còn tiếp diễn.
- Thiếu nguồn nhân lực kỹ thuật cao để dự nguồn cho các dự án có thể sẽ tiếp nhận trong tương lai gần. Nhân sự kỹ thuật còn hạn chế về tiếng Anh nên khó tiếp cận được nhiều mảng công việc.
- Tỷ trọng lao động gián tiếp, trái ngành nghề,... vẫn còn cao so với các đơn vị hoạt động cùng lĩnh vực, trong khi đặc thù công việc BDSC đòi hỏi lực lượng kỹ thuật chuyên sâu và nhiều kinh nghiệm thực tiễn..

b) Bài học kinh nghiệm:

- Cần kịp thời nhận thức, nhận diện các điểm yếu, tồn tại, đặc biệt là các

công việc có tính “nút thắt cổ chai” trong tổ chức và hoạt động của Công ty như: Cơ cấu nhân lực bất cập, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm của lực lượng lao động kỹ thuật chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực hiện BDSC cấp độ đại tu thiết bị dây chuyền sản xuất điện trong bối cảnh thị trường dịch vụ kỹ thuật cạnh tranh; đồng thời, cơ sở vật chất/CCDC máy móc thi công cần tiếp tục được đầu tư, hoàn thiện.

- Trên cơ sở đó, cần xây dựng và triển khai các giải pháp đồng bộ, khả thi nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tối ưu cơ cấu lao động, tăng cường năng lực thi công và nâng cao năng suất lao động.

PHẦN II: KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2026

1. Một số nhiệm vụ chính:

- Thực hiện bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, đột xuất/khắc phục bất thường/sự cố của các NMD Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, NMD Vũng Áng 1 và NMD Formosa Hà Tĩnh theo Hợp đồng đã ký, đảm bảo an toàn, tiến độ, chất lượng và hiệu quả.
- Thực hiện công tác sửa chữa định kỳ các nhà máy điện trong Tổng công ty đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn.
- Tăng cường công tác xúc tiến, tìm kiếm, ký kết và thực hiện Hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật cho các khách hàng/Chủ đầu tư mới ngoài các Hợp đồng đã ký phù hợp với năng lực/kinh nghiệm của Công ty nhằm tối ưu hóa sử dụng nguồn nhân lực, tài sản và máy móc/công cụ dụng cụ để gia tăng doanh thu, lợi nhuận, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như cải thiện đời sống CBCNV của Công ty. Đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu doanh thu DVKT ngoài SCXT trên 50% tổng doanh thu kế hoạch năm 2026 (420 tỷ đồng).
- Rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện Chiến lược phát triển của PVPS đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với các mục tiêu kế hoạch của từng giai đoạn; Xây dựng kế hoạch phù hợp theo định hướng của Tổng công ty làm cơ sở quản lý và triển khai thực hiện.
- Chủ động rà soát, đánh giá công tác chuyển đổi số của đơn vị phối hợp cùng Tổng công ty; đề xuất giải pháp về lĩnh vực chuyển đổi số, quản lý dữ liệu thông tin để triển khai thực hiện, đảm bảo thống nhất toàn bộ hệ thống Tổng công ty và đơn vị.
- Tập trung nâng cao công tác quản lý, quản trị điều hành hoạt động của Công ty. Kiểm soát tốt và tiết giảm tối đa các khoản chi phí (đặc biệt chi phí quản lý, chi phí mua ngoài); Quản lý và sử dụng vốn, tài sản an toàn, đúng mục đích đảm bảo hoạt động SXKD có hiệu quả; Thực hiện công tác đầu tư/mua sắm tài sản/trang thiết bị, CCDC đáp ứng kịp thời phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện, đảm bảo tính pháp lý, theo quy định hiện hành của Công ty và Nhà nước.
- Nâng cao công tác quản lý, thực hiện tốt các hợp đồng, dịch vụ ngoài các đơn vị Tổng công ty; lập phương án kinh doanh và quản lý thực hiện đảm bảo lợi nhuận từ hoạt động cung cấp dịch vụ từ 6-10%, từ hoạt động cung cấp vật tư từ 3-6%.
- Thực hiện các biện pháp về lao động – tiền lương và đổi mới doanh nghiệp, đảm bảo quỹ lương hàng năm, nâng cao thu nhập cho CBCNV, người lao

động. Chú trọng công tác đào tạo nội bộ (đào tạo thực hành khâu tháo lắp và căn chỉnh, đánh giá chất lượng thiết bị) để rút ngắn cách biệt về tay nghề trong đội ngũ người lao động, đặc biệt trong công tác vận hành kỹ thuật, quản lý và BDSC thiết bị, nhà máy điện.

- Đảm bảo chăm lo đời sống cho người lao động, tăng cường hoạt động các phong trào đoàn thể trong toàn Công ty; khen thưởng, phúc lợi, ăn ca, chế độ BHXH đảm bảo đầy đủ theo quy định.
- Chuẩn bị cho công tác sửa chữa định kỳ năm 2027 theo kế hoạch.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông giao.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026:

- Tổng doanh thu: 420,02 tỷ đồng, trong đó:
 - + Doanh thu các Hợp đồng trong PV Power là: 230,73 tỷ đồng (trong đó doanh thu SCTX là 190,16 tỷ đồng; phát sinh 8 tỷ đồng; SCĐK 32,22 tỷ đồng).
 - + Doanh thu phát triển kinh doanh dịch vụ ngoài các HĐ BDSC đã ký với Tổng Công ty: 187,64 tỷ đồng.
 - + Doanh thu hoạt động tài chính: 2,0 tỷ đồng.
- Tổng chi phí: 401,46 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 18,56 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 14,85 tỷ đồng.
- Tỷ lệ chia cổ tức: 7,9%.
- Nộp ngân sách nhà nước: 22,43 tỷ đồng.
- Lao động bình quân: 470 người.
- Kế hoạch đào tạo: 318 lượt người.
- Kinh phí đào tạo: 3,12 tỷ đồng.
- Kế hoạch mua sắm TSCĐ, TTB: 5,47 tỷ đồng.
- Mua sắm CCDC, VTTH: 11,94 tỷ đồng.

3. Các yếu tố ảnh hưởng đến Kế hoạch SXKD năm 2026:

- Doanh thu dự kiến của các hợp đồng BDSC thường xuyên trong kế hoạch SXKD đều được xây dựng thiên cao khi đấu thầu lại. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, hợp đồng BDSC thường xuyên NMĐ Vũng Áng 1 chưa đấu thầu, hợp đồng BDSC thường xuyên NMĐ Cà Mau 1&2 đã chào thầu từ thời điểm tháng 11/2025 nhưng chưa có kết quả, hợp đồng BDSC thường xuyên NMĐ Nhơn Trạch 1 đang trong quá trình chấm thầu, chưa có kết quả. Các yếu tố này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu, lợi nhuận năm 2026.

- Tỷ trọng lao động gián tiếp, trái ngành nghề... còn cao so với các đơn vị hoạt động cùng lĩnh vực (không có nhiều lao động kỹ thuật chuyên ngành sát DVKT BDSC thiết bị dây chuyền nhà máy điện ở bộ máy điều hành Công ty đã kinh qua làm thực tế/trực tiếp công việc BDSC, đặc biệt là cấp độ BDSC đại tu thiết bị). Lực lượng lao động trực tiếp có xu hướng chuyển dịch sang các nhà máy điện, nhà máy công nghiệp khác, ảnh hưởng lớn tới công tác phát triển dịch vụ của Công ty cũng như hoạt động bảo dưỡng sửa chữa tại các nhà máy hiện hữu.
- Áp lực chỉ tiêu doanh thu DVKT ngoài SCTX trên 50% tổng doanh thu kế hoạch năm 2026 trong bối cảnh (thường các tổ máy/nhà máy điện có quy luật dừng máy thực hiện sửa chữa vào các tháng mùa mưa trong năm từ tháng 7-11 hàng năm) hiện chưa đạt năng lực triển khai 2 công việc BDSC lớn trong cùng một thời điểm và phải thông qua đấu thầu cạnh tranh.
- Nhận thức, nhận diện của một bộ phận người lao động trước thách thức/khó khăn, điểm mạnh/cơ hội/thời cơ và con đường phát triển phía trước của PVPS còn chưa bám sát so với môi trường, thực tế đòi hỏi công việc DVKT hàng ngày của PVPS, đặc biệt trước yêu cầu phải phát triển PVPS trong bối cảnh toàn bộ công việc SXKD của PVPS có được đều phải thông qua đấu thầu cạnh tranh gay gắt (hiện trên thị trường có gần 20 đơn vị DVKT, trong đó đa phần là đơn vị tư nhân).
- Hiện nay, thị trường dịch vụ kỹ thuật có nhiều đơn vị tham gia, cạnh tranh đấu thầu ngày càng gay gắt, mặt bằng giá dịch vụ kỹ thuật ở mức thấp. Do đó, việc đảm bảo tỷ suất lợi nhuận của hoạt động cung cấp dịch vụ từ 6-10%, hoạt động cung cấp vật tư từ 3-6% là một thách thức lớn đối với PVPS.

4. Giải pháp thực hiện kế hoạch:

- Tăng cường công tác xúc tiến, tìm kiếm, ký kết và thực hiện Hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật cho các khách hàng/Chủ đầu tư mới ngoài các Hợp đồng đã ký, phù hợp với năng lực/kinh nghiệm của Công ty nhằm tối ưu hóa sử dụng nguồn nhân lực, tài sản và máy móc/công cụ dụng cụ để gia tăng doanh thu, lợi nhuận, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như cải thiện đời sống CBCNV của Công ty. Đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu doanh thu DVKT ngoài SCTX trên 50% tổng doanh thu kế hoạch năm 2026 (420 tỷ đồng).
- Chuẩn bị công tác nhân sự phù hợp để thực hiện tốt việc xây dựng phạm vi công việc, biện pháp thi công, quy trình BDSC chi tiết, phương án kinh doanh, phương án bảo dưỡng sửa chữa để đảm bảo mọi nguồn lực luôn sẵn sàng khi thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa.
- Tăng cường rà soát, phân loại công nợ và đôn đốc khách hàng thanh toán theo tiến độ hợp đồng nhằm nâng cao hiệu quả thu hồi công nợ và đảm bảo dòng tiền cho Công ty.

- Tập trung nâng cao công tác quản lý, quản trị điều hành hoạt động của Công ty, rà soát sửa đổi và xây dựng mới đồng bộ các quy chế/quy định nội bộ v.v.. nhằm tạo khung pháp lý phục vụ công tác quản lý, điều hành theo nguyên tắc phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty (gắn chặt với nguyên tắc thị trường DVKT cạnh tranh, tính đặc thù nghề DVKT BDSC thiết bị nhà máy điện/an ninh năng lượng và bảo toàn phát triển vốn chủ).
- Xây dựng phạm vi công việc và kế hoạch tổ chức thực hiện công tác sửa chữa thường xuyên, định kỳ; Rà soát các biện pháp thi công, phân tích an toàn công việc trên cơ sở tuân theo thứ tự ưu tiên: tài liệu của nhà chế tạo gốc, các quy chuẩn của ngành, quy chuẩn quốc gia, quy chuẩn quốc tế trong công tác BDSC nhà máy điện; Đặc biệt lập kế hoạch chuẩn bị đầy đủ và chi tiết, thành lập các Ban chỉ đạo để hoàn thành tốt nhất công tác sửa chữa định kỳ các Nhà máy điện theo kế hoạch nêu trên.
- Thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ để giảm thiểu các rủi ro có thể xảy ra, có phương án ngăn ngừa, xử lý kịp thời, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa nhằm nâng cao độ an toàn, tin cậy và khả dụng của thiết bị, tổ máy.
- Kiểm soát tốt và tiết giảm tối đa các khoản chi phí một cách phù hợp (đặc biệt chi phí quản lý, chi phí dịch vụ mua ngoài); quản lý giám sát chặt chẽ chi phí, thực hiện công tác đầu tư/mua sắm tài sản/trang thiết bị, CCDC để đảm bảo đáp ứng kịp thời công việc công tác bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện, đảm bảo tính pháp lý, theo quy định hiện hành của Công ty và Nhà nước.
- Triển khai có hiệu quả các hành lang trong quy chế lương để kịp thời động viên, khuyến khích người lao động giỏi làm việc hiệu quả hơn nữa (thực hiện tốt xếp loại hoàn thành công việc hàng tháng; áp dụng lương hiệu quả và nâng lương định kỳ).

Ban Giám đốc kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026 với các nội dung trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông (để b/cáo);
- HĐQT;
- Ban KS;
- Các PGĐ Cty (e-copy);
- Lưu: VT, KTKH (TTNA-01b). *✍*

GIÁM ĐỐC

[Signature]

Vũ Anh Tuấn

Số: 41/BC-DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ
Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động Hội đồng Quản trị và từng thành viên HĐQT trong năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 như sau:

I. Đánh giá chung tình hình hoạt động SXKD của Công ty năm 2025

Trong năm vừa qua, để thực hiện và đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra, Hội đồng Quản trị đã nỗ lực, chỉ đạo quyết liệt và Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD mà Quý cổ đông giao.

Năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã chủ động lên kế hoạch từ đầu năm, đề ra các giải pháp cụ thể đồng thời chỉ đạo sát sao Công ty thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất từng tháng, quý. HĐQT chỉ đạo Công ty thực hiện tốt công tác sửa chữa thường xuyên tại: NMD Nhơn Trạch 1, NMD Nhơn Trạch 2, NMD Cà Mau 1&2, Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh; Tham gia đấu thầu và thực hiện sửa chữa định kỳ tại NMD Sông Hậu 1, NMD Duyên Hải, NMD Nghi Sơn 2, NMD Mông Dương và Thăng Long, cùng nhiều nhà máy điện khác... đảm bảo chất lượng, tiến độ đề ra và được các khách hàng đánh giá tốt.

Bằng những chỉ đạo cụ thể, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo tối ưu các khoản mục chi phí để phục vụ tối đa cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhờ những nỗ lực tích cực đó, HĐQT cùng với Ban Giám đốc và tập thể CBCNV toàn Công ty đã đạt được kết quả các chỉ tiêu SXKD như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	KH 2025	Thực hiện 2025	Đạt (%)
I	Tổng doanh thu	297,04	387,00	130,29%
II	Tổng chi phí	278,99	368,22	131,98%
III	Lợi nhuận trước thuế	18,05	18,78	104,04%
IV	Lợi nhuận sau thuế	14,44	14,94	103,46%

II. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty năm 2025

1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty năm 2025 gồm các thành viên sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (chuyên trách), đã nghỉ hưu từ 01/01/2026
2	Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty
3	Ông Hồ Nguyễn Hoàng	Thành viên Hội đồng Quản trị (chuyên trách)
4	Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Thành viên Hội đồng Quản trị (kiêm nhiệm)
5	Ông Vũ Huy An	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

2. Các hoạt động của Hội đồng Quản trị

2.1. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị thực hiện nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT theo thẩm quyền được ban hành trên cơ sở ý kiến thống nhất của đa số thành viên. HĐQT hoạt động tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Với mục tiêu triển khai thực hiện tốt công tác bảo dưỡng thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ góp phần cho các Nhà máy điện vận hành an toàn, ổn định và

hiệu quả, trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Giám đốc tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, an toàn sức khỏe - môi trường, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, tuyệt đối không để xảy ra mất an toàn cho con người và thiết bị.

Ngoài ra, để thực hiện mục tiêu nâng cao tay nghề cho lực lượng lao động của Công ty, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Giám đốc sắp xếp, ổn định bộ máy tổ chức, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; tìm kiếm đối tác, khách hàng mới nhằm nâng cao vị thế của Công ty.

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt sửa đổi nhiều Quy chế quan trọng trong đó có Quy chế trả lương, Quy chế phát triển dịch vụ, Quy chế mua sắm; Tiếp tục triển khai chương trình mua bảo hiểm nhân thọ cho nhân sự kỹ thuật cao của Công ty.

Hội đồng Quản trị tăng cường đôn đốc và giám sát chặt chẽ công tác sửa chữa thường xuyên và xử lý triệt để các bất thường còn tồn tại; công tác mua sắm công cụ dụng cụ theo kế hoạch để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng yêu cầu kế hoạch bảo dưỡng các nhà máy điện.

Chỉ đạo tăng cường công tác đào tạo chuyên môn và đào tạo tiếng Anh, xây dựng đội ngũ kỹ sư, công nhân lành nghề, tạo môi trường lao động an toàn, hiệu quả trong sản xuất.

2.2. Hoạt động của các Thành viên Hội đồng Quản trị

Các Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm đã tham gia đầy đủ các cuộc họp thường kỳ của HĐQT và xem xét, cho ý kiến, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện nhiệm vụ trung thực, cẩn trọng và kịp thời nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

Bên cạnh trách nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, HĐQT đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT tại Quyết định số 107/QĐ-DVKT-HĐQT ngày 19/5/2023, cụ thể như sau:

Ông Bùi Duy Nhị - Chủ tịch Hội đồng Quản trị đến hết ngày 31/12/2025

Ngoài việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chịu trách nhiệm chung về mọi mặt hoạt động của Hội đồng quản trị trước Đại hội đồng cổ đông; chỉ đạo chung việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều

lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty. Ông Bùi Duy Nhị trực tiếp phụ trách và chỉ đạo các lĩnh vực: Xây dựng chiến lược, định hướng phát triển Công ty; Tái cơ cấu, đổi mới và phát triển doanh nghiệp; Kế hoạch SXKD hàng năm của Công ty; Công tác hợp tác quốc tế và đối ngoại; Công tác tổ chức nhân sự; Chế độ chính sách đối với CBCNV; Theo dõi, giám sát, chỉ đạo công tác đầu tư của Công ty; Công tác tài chính kế toán; Công tác phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ; Tổ chức, theo dõi, giám sát, chỉ đạo công tác ban hành, sửa đổi chiến lược, các quy chế, quy định, chính sách chung của Công ty; Quảng bá hình ảnh, thương hiệu của Công ty; Quản lý Người đại diện của Công ty tại các doanh nghiệp khác có vốn góp của Công ty.

Tham gia 04/04 cuộc họp thường kỳ Quý của Hội đồng Quản trị, đã cho ý kiến đầy đủ về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Vũ Anh Tuấn - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

Ngoài việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT và Giám đốc Công ty theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty còn trực tiếp phụ trách và giám sát hoạt động của các Phòng chức năng, các Chi nhánh trực thuộc trong Công ty.

Tham gia 04/04 cuộc họp thường kỳ Quý của Hội đồng Quản trị, đã cho ý kiến đầy đủ về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thành viên Hội đồng Quản trị.

Ông Hồ Nguyễn Hoàng - Thành viên HĐQT chuyên trách

Ngoài việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT, Ông Hồ Nguyễn Hoàng trực tiếp chỉ đạo và phụ trách các lĩnh vực: Công tác đầu tư; Công tác tài chính kế toán; Công tác nghiên cứu khoa học; Sáng kiến cải tiến kỹ thuật; Chế độ chính sách đối với CBCNV; Công tác phát triển dịch vụ; Theo dõi tình hình triển khai các dự án.

Tham gia 04/04 cuộc họp thường kỳ Quý của Hội đồng Quản trị, đã cho ý kiến đầy đủ về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thành viên Hội đồng Quản trị.

Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao - Thành viên HĐQT kiêm nhiệm

Ngoài việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT, Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao trực tiếp chỉ đạo và phụ trách các lĩnh vực: Các Hợp đồng

bảo dưỡng sửa chữa; Công tác thương mại, quản lý đầu thầu mua sắm hàng hóa, vật tư, thiết bị, dịch vụ... phục vụ hoạt động SXKD thường xuyên của Công ty; Công tác kỹ thuật; Công tác an toàn; Công tác phát triển dịch vụ.

Tham gia 04/04 cuộc họp thường kỳ Quý của Hội đồng Quản trị, đã cho ý kiến đầy đủ về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thành viên Hội đồng Quản trị.

Ông Vũ Huy An - Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Ngoài việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Thành viên độc lập HĐQT còn trực tiếp phụ trách và chỉ đạo các lĩnh vực: Công tác đầu tư; Công tác phát triển và mở rộng thị trường của Công ty.

Tham gia 04/04 cuộc họp thường kỳ Quý của Hội đồng Quản trị, đã cho ý kiến đầy đủ về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Tổng kết chung về các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2025, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị đã bám sát tình hình thực tế của Công ty, thể hiện sự đồng thuận cao và là sự tập trung trí tuệ của các thành viên Hội đồng Quản trị; Công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị được tăng cường.

Hội đồng Quản trị chỉ đạo hoạt động Công ty thông qua Quy chế, Quy định, Nghị quyết, Quyết định, và các Công văn, Biên bản các cuộc họp, trong các trường hợp khác thông qua trao đổi trực tiếp. Các vấn đề Ban Giám đốc Công ty đệ trình đều được Hội đồng Quản trị đưa ra quyết định kịp thời đáp ứng hoạt động SXKD của Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty đã họp 04 phiên thường kỳ Quý I, Quý II, Quý III, Quý IV năm 2025. Nội dung chính các cuộc họp: Thông qua thực hiện và kế hoạch sản xuất kinh doanh các quý và năm; Phê duyệt việc sửa đổi các Quy chế, Quy định để phục vụ sản xuất kinh doanh; Chỉ đạo các hoạt động SXKD của Công ty... Thông tin về các cuộc họp định kỳ theo Quý đã được công bố đầy đủ theo quy định.

Ngoài ra, để phục vụ công tác họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo thực hiện chuẩn bị Đại hội. Hội đồng Quản trị đã chủ trì tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 vào ngày 18/4/2025 và Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 vào ngày 25/12/2025.

Hội đồng Quản trị đã tham gia họp giao ban cùng với Ban Giám đốc Công ty chỉ đạo các Phòng, các Chi nhánh trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng Quản trị trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Nội dung các kỳ họp HĐQT cũng như các văn bản Nghị quyết, Quyết định được HĐQT ban hành thể hiện rõ trách nhiệm và quyền hạn của HĐQT theo Điều lệ Công ty và phù hợp với quy định của Pháp luật.

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành 66 Nghị quyết, Quyết định để thực hiện công tác quản trị, điều hành các hoạt động SXKD của Công ty. *(Danh mục các Nghị quyết, Quyết định chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm.)*

4. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời hạn 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

4.1. Giao dịch giữa Công ty, công ty con, Công ty do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Hội đồng Quản trị và những người có liên quan của thành viên đó: *Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm.*

4.2. Giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó Thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời hạn 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Không có.

5. Công tác chỉ đạo, giám sát đối với Ban Giám đốc và bộ máy điều hành

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của đơn vị, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo, giám sát Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị. Chính vì vậy Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, tạo niềm tin cho cổ đông và nền tảng vững chắc cho sự phát triển ổn định của Công ty.

Ban Giám đốc đã chủ động, linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, chủ động thực hiện công tác tiết giảm, tiết kiệm các chi phí.

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban giám đốc hoàn thành tốt Nghị quyết số 67/NQ-ĐHĐCĐ-DVKT ngày 18/4/2025 của Đại hội đồng cổ

đồng thường niên; Nghị quyết số 199/NQ-ĐHĐCĐ-DVKT ngày 25/12/2025 của Đại hội đồng cổ đông bất thường về công tác nhân sự Hội đồng Quản trị: Miễn nhiệm Ông Bùi Duy Nhị - Chủ tịch Hội đồng Quản trị để nghỉ hưu từ ngày 01/01/2026 và Bầu Ông Phùng Văn Đức tham gia Hội đồng Quản trị, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam từ ngày 01/01/2026.

III. Lương, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị

1. Lương, thưởng, thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị chuyên trách:
Thành viên Hội đồng Quản trị hoạt động chuyên trách hoặc tham gia điều hành hoạt động của Công ty, mức lương/ thù lao được hưởng theo quy chế trả lương của Công ty. Cụ thể năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thưởng
1	Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	828.085.271
2	Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	824.848.492
3	Ông Hồ Nguyễn Hoàng	Thành viên HĐQT chuyên trách	652.198.821

2. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao
1	Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Thành viên Hội đồng Quản trị	60.000.000
2	Ông Vũ Huy An	Thành viên độc lập HĐQT	60.000.000

(Nguồn: Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2025)

3. Kế hoạch Lương, thưởng, thù lao năm 2026 của Thành viên Hội đồng Quản trị như sau:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

STT	Chức danh	Số người	Tiền lương/thù lao năm
I	Hội đồng Quản trị		2.645.000.000
1	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1	850.000.000
2	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	1	850.000.000

3	Thành viên HĐQT chuyên trách	1	670.000.000
4	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	1	60.000.000
5	Thành viên độc lập HĐQT	1	60.000.000

4. Chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị: Tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.

IV. Mục tiêu, phương hướng hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2026

1. Mục tiêu

- Chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 đề ra. Cụ thể:

+ Doanh thu đạt:	420,02	Tỷ đồng
+ Lợi nhuận trước thuế đạt:	18,56	Tỷ đồng
+ Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến:	7,9	%

2. Phương hướng hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2026

- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
- Hội đồng Quản trị luôn chú trọng cải tiến phương thức quản lý theo hướng gọn nhẹ và chuyên sâu nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh, đưa Công ty tiếp tục phát triển đáp ứng với kỳ vọng và sự tin tưởng của cổ đông; Hoàn thành đề án tổ chức lại các Phòng/Chi nhánh nhằm nâng cao năng lực điều hành và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục rà soát, sửa đổi/xây dựng mới để hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định phù hợp với tình hình và nâng cao hiệu quả quản trị; Chuẩn hóa tiêu chuẩn chức danh công việc; tổ chức đánh giá chất lượng lao động gắn với yêu cầu thực tiễn sản xuất kinh doanh, làm cơ sở tái cấu trúc và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, qua đó từng bước cải thiện chính sách tiền lương, tiền thưởng và chế độ đãi ngộ đối với người lao động.
- Tăng cường công tác quản lý, quản trị, tiết giảm, tiết kiệm tối đa các chi phí để góp phần nâng cao hiệu quả SXKD..
- Chỉ đạo Công ty tăng cường nhân lực, nâng cao chất lượng bảo dưỡng,

sửa chữa, bảo trì tại các Nhà máy điện để góp phần quan trọng cho các Nhà máy luôn đạt độ khả dụng cao, đảm bảo an toàn, chất lượng và hiệu quả. Tập trung chỉ đạo để hoàn thành tiến độ, chất lượng, hiệu quả an toàn sửa chữa thường xuyên của các nhà máy Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, Cà Mau 1&2, Vũng Áng 1, Formosa Hà Tĩnh; Tham gia đấu thầu thành công và thực hiện hiệu quả sửa chữa định kỳ các Nhà máy điện Cà Mau 1&2, Vũng Áng 1 và tăng cường công tác cung cấp dịch vụ cho các Nhà máy điện Sông Hậu 1, Thái Bình 2

- Thực hiện chế độ đãi ngộ cho CBCNV có tay nghề cao; Tăng cường công tác đào tạo nội bộ cho CBCNV, đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực chuyên môn để đáp ứng yêu cầu về chất lượng dịch vụ, từ đó nâng cao uy tín của Công ty.
- Tiếp tục tìm kiếm các cơ hội phát triển và cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa, cung cấp vật tư, dịch vụ thí nghiệm, hiệu chỉnh tại các nhà máy điện trong và ngoài ngành.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2025 và phương hướng hoạt động chủ yếu năm 2026, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Hội đồng Quản trị (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Ban Giám đốc (e-copy);
- Lưu: VT, HĐQT.

Phụ lục:

- Phụ lục 1: Danh mục NQ, QĐ của HĐQT;
- Phụ lục 2: Danh mục các Hợp đồng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

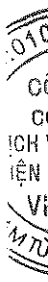
CHỦ TỊCH



Phùng Văn Đức

PHỤ LỤC 1: CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ /APPENDIX 1: RESOLUTIONS AND DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS
(Đính kèm Báo cáo số /BC-DVKT-HĐQT ngày / /2026)
(Attached to Report No. /BC-DVKT in / /2026)

STT/ No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision	Ngày/Date	Nội dung/Content	Tỷ lệ thông qua/Adoption Rate
1	02/NQ-DVKT-HĐQT	06/1/2025	Về việc Tạm giao kinh phí SXKD năm 2025 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam/Regarding the temporary allocation of production and business funds in 2025 of PV Power Services	100%
2	05/NQ-DVKT-HĐQT	16-1-2025	NQ V/v kế hoạch sử dụng Quỹ phúc lợi năm 2025/Resolution regarding plan to use the Welfare Fund in 2025	100%
3	06/QĐ-DVKT-HĐQT	20-1-2025	QĐ V/v Phê duyệt điều chỉnh dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu "Mua bảo hiểm nhân thọ cho CBCNV Công ty năm 2024/Decision on Approval of the adjustment of the estimate and the plan to select the contractor for the bidding package "Buying life insurance for the Company's employees in 2024	100%
4	08/NQ/DVKT-HĐQT	21-1-2025	Tại cuộc họp định kỳ quý IV/2024 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN (phiên họp ngày 15/01/2025)/Resolution at the regular meeting of the Board of Directors of the fourth quarter of 2024 of Company (Meeting on 15/01/2025)	100%
5	09/NQ/DVKT-HĐQT	21-1-2025	V/v Báo cáo tình hình quản trị năm 2024/Report on the governance situation in 2024	100%
6	10/QĐ/DVKT-HĐQT	22-1-2025	QĐ V/v Thông qua phương án đề nghị Ngân hàng Thương mại CP Kỹ thương VN tái cấp hạn mức tín dụng và Dự thảo phụ lục tái cấp hạn mức tín dụng/Decision Approving the plan to request the Joint Stock Commercial Bank for Technological and Commercial Vietnam to re-allocate credit lines and the Draft Appendix to re-grant credit lines	100%
7	11/NQ/DVKT-HĐQT	22-1-2025	NQ V/v phê duyệt kế hoạch SXKD giao sản lượng chi phí thực hiện Hợp đồng LGTM03R và Hợp đồng *LGTM03D năm 2025/Decree approves the production and business plan to assign output and cost for the implementation of the LGTM03R Contract and the *LGTM03D Contract in 2025	100%



 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
 (Red circular stamp with text around the perimeter)

PHỤ LỤC 1: CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/APPENDIX 1: RESOLUTIONS AND DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS

(Đính kèm Báo cáo số /BC-DVKT-HĐQT ngày / /2026)

(Attached to Report No. /BC-DVKT in / /2026)

STT/ No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision	Ngày/Date	Nội dung/Content	Tỷ lệ thông qua/Adoption Rate
8	13/QĐ/DVKT-HĐQT	24-1-2025	QĐ V/v Phê duyệt phương án kinh doanh cung cấp nhân sự hỗ trợ PEMS thực hiện công tác Đại tu NMNĐ Nghi Sơn 2 năm 2025? <i>Decision on approving the business plan to provide personnel to support PEMS to carry out the overhaul of Nghi Sơn 2 Thermal Power Plant in 2025</i>	100%
9	16/NQ/DVKT-HĐQT	10-2-2025	Nghị quyết V/v công tác cán bộ chi nhánh Hà Tĩnh năm 2025/ <i>Resolution on staff work of Ha Tinh branch in 2025</i>	100%
10	20/QĐ-DVKT-HĐQT	12-2-2025	QĐ V/v Phê duyệt định biên lao động Công ty năm 2025/ <i>Decision on approving the Company's labor quota in 2025</i>	100%
11	22/QĐ/DVKT-HĐQT	18-2-2025	QĐ V/v Phê duyệt bổ sung và ban hành Quy chế trả lương cho cán bộ nhân viên kỹ thuật cao Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam/ <i>Decision on approving the supplementation and promulgation of the Regulation on salary payment for high-tech employees of Company</i>	100%
12	24/NQ-DVKT-HĐQT	24-2-2025	Về việc Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam/ <i>Regarding the plan to organize the Annual General Meeting of Shareholders in 2025 of Company</i>	100%
13	47/NQ/DVKT-HĐQT	26-3-2025	NQ v/v bổ nhiệm lại chức danh Kế toán trưởng Công ty/ <i>Resolution on re-appoints the title of Chief Accountant of the Company</i>	100%
14	50/QĐ/DVKT-HĐQT	31-3-2025	QĐ V/v phê duyệt phương án kinh doanh thực hiện gói thầu "02 PTV- SCL- 2025: Cung cấp dịch vụ sửa chữa - Hệ thống Tuabin - Máy phát và hệ thống phụ trợ tổ máy S1 - DH3" của Công ty Nhiệt điện Duyên Hải? <i>Decision approving the business plan to implement the bidding package "02 PTV- SCL- 2025: Providing repair services - Turbine system - Transmitter and auxiliary system of unit S1 - DH3" of Duyên Hai Thermal Power Company</i>	100%

PHỤ LỤC 1: CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / APPENDIX 1: RESOLUTIONS AND DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS
(Đính kèm Báo cáo số /BC-DVKT-HĐQT ngày / /2026)
(Attached to Report No. /BC-DVKT in / /2026)

STT/ No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision	Ngày/Date	Nội dung/Content	Tỷ lệ thông qua/Adoption Rate
15	59/NQ/DVKT-HĐQT	15-4-2025	Nghị quyết tại cuộc họp định kỳ Quý I/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (Phiên họp ngày 10/4/2025)/Resolution at the regular meeting of the Board of Directors of Company in the first quarter of 2025 (Meeting on April 10, 2025)	100%
16	61/QĐ-DVKT-HĐQT	15-4-2025	Quyết định về việc điều chỉnh cơ cấu định biên lao động tại Chi nhánh Nhơn Trạch/Decision on the adjustment of the labor margining structure at Nhơn Trạch Branch	100%
17	62/NQ/DVKT-HĐQT	15-4-2025	NQ V/v Thông qua Chương trình hành động năm 2025 của Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN/Decree Approves the 2025 Action Program of Company	100%
18	63/QĐ/DVKT-HĐQT	16-4-2025	QĐ V/v phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2024 của Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN/Decision to approve the settlement of the salary fund in 2024 of Company	100%
19	67/NQ/HDĐHCHĐ-DVKT	18-4-2025	NQ ĐHĐCHĐ thường niên năm 2025 Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN/Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders in 2025	100%
20	68/QĐ/DVKT/HĐQT	18-4-2025	QĐ V/v phê duyệt phương án kinh doanh Hợp đồng "Bảo dưỡng sửa chữa nhà máy Thiêu kết tại Formosa Hà Tĩnh (Mã công trình *LGTP01N)/Decision to approve the business plan of the Contract "Maintenance and repair of Sintering Plant in Formosa Hà Tĩnh (Project code *LGTP01N)	100%
21	71/NQ/DVKT-HĐQT	23-4-2025	NQ V/v thông qua nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 tại Công ty CP Công nghệ thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí/Decree approves the contents of the Annual Joint Shareholders Meeting in 2025 at PAIC Company	100%
22	72/QĐ-DVKT-HĐQT	23-4-2025	QĐ V/v thành lập Tổ công tác kiểm tra giám sát công tác phát triển dịch vụ năm 2024 và 4 tháng đầu năm 2025/Decision on the establishment of a team of inspectors to inspect and supervise service development in 2024 and the first 4 months of 2025	100%

PHỤ LỤC 1: CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ /APPENDIX 1: RESOLUTIONS AND DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS
(Đính kèm Báo cáo số /BC-DVKT-HĐQT ngày / /2026)
(Attached to Report No. /BC-DVKT in / /2026)

STT/ No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision	Ngày/Date	Nội dung/Content	Tỷ lệ thông qua/Adoption Rate
23	74/QĐ/DVKT-HĐQT	25-4-2025	QĐ v/v phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu "Mua sắm CCDC năm 2025"/Decision approving the estimate and plan to select contractors for the bidding package "Equipment and Tools Procurement in 2025"	100%
24	78/QĐ-DVKT-HĐQT	8-5-2025	QĐ V/v phê duyệt điều chỉnh việc mua bảo hiểm nhân thọ cho CBCNV Công ty/Decision approving the adjustment of the purchase of life insurance for the Company's employees	100%
25	80/QĐ/DVKT-HĐQT	13-5-2025	QĐ V/v bổ nhiệm lại Ông Lê Đình Thái giữ chức Kế toán trưởng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN/Decision to re-appoint Mr. Le Dinh Thai to hold the position of Chief Accountant of Company	100%
26	82/NQ/DVKT-HĐQT	19-5-2025	Nghị Quyết V/v Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN/Resolution V/v Assigning the production and business plan in 2025 of PV Power Services	100%
27	83/QĐ/DVKT-HĐQT	21-5-2025	QĐ về việc phê duyệt PAKD hợp đồng cung cấp vật tư thực hiện Đại tu Hệ thống APH và GGH- Tổ máy S1 DH3/Decision on approving the PAKD of the contract for the supply of materials for the overhaul of the APH and GGH systems - Unit S1 DH3	100%
28	84/NQ/DVKT-HĐQT	21-5-2025	Nghị quyết về việc phê duyệt PAKD gói thầu 14MSHH-SCL-2025; Cung cấp vật tư và dịch vụ Đại tu Hệ thống APH và GGH- Tổ máy S1 DH3 NMNĐ Duyên Hải3/Resolution on approving PAKD bidding package 14MSHH-SCL-2025; Supply of materials and services Overhaul of APH and GGH systems - Unit S1 DH3 Duyên Hai 3 Thermal Power Plant	100%
29	86/NQ/DVKT-HĐQT	27-5-2025	NQ V/v kiện toàn cơ cấu tổ chức tại Chi nhánh Hà Tĩnh/Resolution on consolidates the organizational structure at Ha Tinh Branch	100%
30	87/QĐ-DVKT-HĐQT	28-5-2025	QĐ V/v phê duyệt đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025/Decision approving the auditing unit of financial statements in 2025	100%

PHỤ LỤC 1: CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / APPENDIX 1: RESOLUTIONS AND DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS
 (Đính kèm Báo cáo số /BC-DVKT-HĐQT ngày / /2026)
 (Attached to Report No. /BC-DVKT in / /2026)

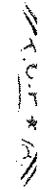
STT/ No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision	Ngày/Date	Nội dung/Content	Tỷ lệ thông qua/Adoption Rate
31	93/QĐ/DVKT-HĐQT	16-6-2025	QĐ V/v Phê duyệt giá khởi điểm thanh lý xe ô tô Toyota Hiace BKS 30M-1816 xe ô tô Ford Transit BKS 29B-07251 và xe ô tô Ford Everest BKS 30K-5550/Decision Approval of the starting price for liquidation of Toyota Hiace BKS 30M-1816, Ford Transit BKS 29B-07251 and Ford Everest BKS 30K-5550	100%
32	99/QĐ/DVKT-HĐQT	23-6-2025	QĐ V/v Phê duyệt Kế hoạch Quỹ tiền lương năm 2025 của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN/Decision approving the 2025 salary fund plan of PV Power Services	100%
33	103/NQ/DVKT-HĐQT	2-7-2025	NQ về việc phê duyệt gia hạn Hợp đồng LTSA với Nhà thầu phục GE Power Vietnam Company Limited/ Resolution on approved the extension of the LTSA Contract with GE Power Vietnam Company Limited Subcontractor	100%
34	107/DVKT-HĐQT	9-7-2025	Nghị quyết tại cuộc họp định kỳ Quý II/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (Phiên họp ngày 04/7/2025)/Resolution at the regular meeting of the second quarter of 2025 of the Board of Directors of PV Power Services (Session on 04/7/2025)	100%
35	111/QĐ/DVKT-HĐQT	15-7-2025	QĐ V/v Thực hiện Phê duyệt và ban hành Quy chế Chi tiêu nội bộ của Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN/ Decision on Approving and promulgating the Internal Expenditure Regulation of PV Power Services	100%
36	113/QĐ-DVKT-HĐQT	17-7-2025	QĐ v/v Quyết toán phương án kinh doanh thực hiện Hợp đồng 07/2024/01/KVPS-PVPS ngày 02/8/2024 về việc “Cung cấp dịch vụ sửa chữa lớn cấp độ B cho tổ máy số 1 Nhà máy Nhiệt Điện BOT Vân Phong 1” của Công ty TNHH Komipo Vân Phong Power Service/Decision on Finalization of the business plan for the implementation of Contract 07/2024/01/KVPS-PVPS dated 02/8/2024 on "Provision of level B major repair services for unit 1 of Van Phong 1 BOT Thermal Power Plant" of Komipo Van Phong Power Service Co., Ltd.	100%

PHỤ LỤC 1: CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/APPENDIX 1: RESOLUTIONS AND DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS
(Đính kèm Báo cáo số /BC-DVKT-HĐQT ngày / /2026)
(Attached to Report No. /BC-DVKT in / /2026)

STT/ No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision	Ngày/Date	Nội dung/Content	Tỷ lệ thông qua/Adoption Rate
37	114/QĐ-DVKT-HĐQT	17-7-2025	QĐ Về việc Quyết toán phương án kinh doanh thực hiện các Hợp đồng trung tu/đại tu Tổ máy số 2 NMINĐ Vũng Áng 1 năm 2024/Decision on the Finalization of the business plan for the implementation of the Contracts for the overhaul/overhaul of Unit 2 of Vung Ang 1 Power Plant in 2024	100%
38	115/NQ-DVKT-HĐQT	18-7-2025	NQ V/v công tác cán bộ tại các Phòng chức năng và Chi nhánh năm 2025/ Resolution on Personnel work at Functional Departments and Branches in 2025	100%
39	117/NQ-DVKT-HĐQT	25-7-2025	NQ V/v công tác cán bộ tại Chi nhánh Hà Tĩnh năm 2025/Resolution on Personnel work at Ha Tinh Branch in 2025	100%
40	120/QĐ/DVKT-HĐQT	1-8-2025	QĐ V/v Phê duyệt và ban hành Quy chế phát triển kinh doanh dịch vụ của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật ĐLDK VN/ Decision on Approving and promulgating the Regulation on business development and services of PV Power Services	100%
41	121/QĐ/DVKT-HĐQT	1-8-2025	QĐ V/v Phê duyệt và ban hành Quy chế mua sắm của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật ĐLDK VN/ Decision on Approving and promulgating the Procurement Regulation of PV Power Services	100%
42	131/NQ/DVKT-HĐQT	15-8-2025	NQ V/v Phê duyệt chủ trương thuê đơn vị tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục hoàn thiện trụ sở văn phòng PV Power Services tại tòa nhà VP của PV Power tại Phố Nguyễn Tuấn/ Resolution on Approving the policy of hiring a consultant to design construction drawings and estimate the completion of PV Power Services' office headquarters at PV Power's office building at Nguyen Tuan Street	100%
43	132/QĐ/DVKT-HĐQT	15-8-2025	QĐ V/v Phê duyệt và ban hành Quy chế trả lương thù lao tiền thưởng Người quản lý Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN/ Decision V/v Approving and promulgating the Regulation on payment of salaries and remuneration for managers of PV Power Services	100%

PHỤ LỤC 1: CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / APPENDIX 1: RESOLUTIONS AND DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS
(Đính kèm Báo cáo số /BC-DVKT-HĐQT ngày / /2026)
(Attached to Report No. /BC-DVKT in / /2026)

STT/ No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision	Ngày/Date	Nội dung/Content	Tỷ lệ thông qua/Adoption Rate
44	133/QĐ/DVKT-HĐQT	22-8-2025	QĐ V/v Quyết toán phương án kinh doanh thực hiện Hợp đồng P.084.2025-PVPS-PEMS ngày 17/01/2025 về việc Cung cấp dịch vụ bảo trì BOP tổ máy 2 - Nhà máy điện Nghi Sơn 2/ Decision on Finalization of the business plan for the implementation of Contract P.084.2025-PVPS-PEMS dated 17/01/2025 on the provision of BOP maintenance services for Unit 2 - Nghi Sơn 2 Power Plant	100%
45	136/NQ/DVKT-HĐQT	8-9-2025	NQ V/v hỗ trợ tiền lương bảo hiểm xã hội cho CBCNV Chi nhánh Đà Nẵng/ Resolution on support for social insurance salaries for employees of Da Nang Branch	100%
46	141/QĐ-DVKT-HĐQT	15-9-2025	QĐ v/v Phê duyệt phương án kinh doanh cung cấp dịch vụ trung tu tuabin hạ áp tổ máy S1 và S2 Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1/ Decision on Approving the business plan to provide overhaul services for low-voltage turbines of units S1 and S2 of Song Hau 1 Thermal Power Plant	100%
47	142/QĐ-DVKT-HĐQT	16-9-2025	QĐ v/v Phê duyệt phương án kinh doanh Gói thầu GT2025-SCĐK-48 “Cung cấp dịch vụ đại tu 19 van điều khiển tuabin tổ máy S1 và S2 NMNĐ Sông Hậu 1” / Decision on approval of the business plan of Package GT2025-SCDK-48 "Providing overhaul services of 19 turbine control valves of units S1 and S2 of Song Hau 1 Thermal Power Plant"	100%
48	145/QĐ-DVKT-HĐQT	19-9-2025	QĐ về việc phê duyệt PAKD Gói thầu 06PTV-SCL-2025: Cung cấp dịch vụ sửa chữa - Hệ thống Tuabin – Máy phát và hệ thống phụ trợ Tổ máy S3 NMNĐ Duyên Hải 3 mở rộng/ Decision on the approval of PAKD Package 06PTV-SCL-2025: Provision of repair services - Turbine system - Generator and auxiliary system of Unit S3 of Duyên Hai 3 Expanded Power Plant	100%
49	149/TB-DVKT-HĐQT	30-9-2025	NQ V/v thanh lý Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ hết khấu hao hư hỏng và không còn giá trị sử dụng/ Resolution on liquidation of fixed assets, tools and tools that have been depreciated and damaged and no longer valid for use	100%



PHỤ LỤC 1: CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / APPENDIX 1: RESOLUTIONS AND DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS
 (Đính kèm Báo cáo số /BC-DVKT-HĐQT ngày / /2026)
 (Attached to Report No. /BC-DVKT in / /2026)

STT/ No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision	Ngày/Date	Nội dung/Content	Tỷ lệ thông qua/Adoption Rate
50	150/NQ-DVKT-HĐQT	30-9-2025	NQ Tại cuộc họp định kỳ Quý III/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN (Phiên họp ngày 29/9/2025)/ Resolution at the Quarter III/2025 Regular Meeting of the Board of Directors of PV Power Services (Session on 29/9/2025)	100%
51	155/DVKT-HĐQT	16-10-2025	NQ V/v công tác cán bộ tại các Phòng chức năng và Chi nhánh năm 2025/ Resolution on Personnel work at Functional Departments and Branches in 2025	100%
52	158/QĐ-DVKT-HĐQT	27-10-2025	QĐ V/v Phê duyệt giá khởi điểm thanh lý xe ô tô Toyota Hiace BKS 30M -1816, xe ô tô Ford Transit BKS 29B-07251 và xe ô tô Ford Everest BKS 30k-5550 (lần 2)/ Decision on Approval of the starting price for liquidation of Toyota Hiace BKS 30M -1816, Ford Transit BKS 29B-07251 and Ford Everest BKS 30k-5550 (2nd time)	100%
53	163/QĐ/DVKT-HĐQT	6-11-2025	QĐ V/v Phê duyệt điều chỉnh phương án kinh doanh Hợp đồng Bảo dưỡng sửa chữa nhà máy Thiêu Kết tại Formosa Hà Tĩnh Mã công trình *LGTP01N/ Decision on Approving the adjustment of the business plan of the Maintenance and Repair Contract of Sintered Plant in Formosa Hà Tĩnh Project Code *LGTP01N	100%
54	166/NQ-DVKT-HĐQT	11-11-2025	NQ v/v Công tác cán bộ/ Resolution on Personnel work	100%
55	168/NQ-DVKT-HĐQT	11-11-2025	Nghị quyết về việc Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN/ Resolution on Plan to hold the Extraordinary General Meeting of Shareholders in 2025 of PV Power Services	100%
56	172/QĐ-DVKT-HĐQT	17-11-2025	QĐ V/v thành lập Tổ kiểm phiếu tại các Hội nghị về công tác cán bộ giới thiệu nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị và ứng cử giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị PV Power Services/ Decision to establish a vote counting team at conferences on personnel to introduce personnel to join the Board of Directors and run for the position of Chairman of the Board of Directors of PV Power Services	100%



PHỤ LỤC 1: CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ /APPENDIX 1: RESOLUTIONS AND DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS
 (Đính kèm Báo cáo số /BC-DVKT-HĐQT ngày / /2026)
 (Attached to Report No. /BC-DVKT in / /2026)

STT/ No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision	Ngày/Date	Nội dung/Content	Tỷ lệ thông qua/Adoption Rate
57	175/QĐ-DVKT-HĐQT	18-11-2025	QĐ V/v phê duyệt sửa đổi Quy chế trả lương thù lao tiền thưởng Người quản lý Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN/ Decision on approval of amendments to the Regulation on payment of salaries, remuneration and bonuses for managers of PV Power Services	80%
58	186/NQ/DVKT-HĐQT	8-12-2025	NQ về việc phê duyệt chủ trương trang bị phần mềm kế toán và phần mềm quản trị nguồn nhân lực/ Resolution on approving the policy of equipping accounting software and human resource management software	100%
59	188/QĐ/DVKT-HĐQT	12-12-2025	QĐ v/v phê duyệt chủ trương và phương án kinh doanh thực hiện thay thế sửa chữa giá đỡ hệ thống thang máng cáp khu vực lò hơi tổ máy số 1, số 2 NMD Vũng Áng 1 năm 2025/Decision on approving the policy and business plan for replacing and repairing the support structures of the cable tray system in the boiler area of Unit 1 and Unit 2 of Vung Ang 1 Power Plant in 2025	
60	196/QĐ-DVKT-HĐQT	22-12-2025	QĐ V/v điều chỉnh cơ cấu định biên lao động tại Phòng Kỹ thuật - Sản xuất Chi nhánh Nhơn Trạch năm 2025/ Decision on adjustment of the structure of labor margins at the Department of Engineering and Production of Nhon Trach Branch in 2025	100%
61	197/NQ-DVKT-HĐQT	22-12-2025	Nghị quyết V/v điều động Ông Trần Văn Nghĩa/ Resolution on the transfer of Mr. Tran Van Nghia	100%
62	199/NQ-ĐHĐCĐ-DVKT	25-12-2025	V/v NQ Đại hội đồng cổ đông bất thường/ Resolution of the Extraordinary General Meeting of Shareholders	100%
63	200/NQ-DVKT-HĐQT	25-12-2025	Nghị quyết về việc bầu chủ tịch HĐQT Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN/ Resolution on electing the Chairman of the Board of Directors of PV Power Services	100%

CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
 1026

PHỤ LỤC 1: CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ /APPENDIX 1: RESOLUTIONS AND DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS
(Đính kèm Báo cáo số /BC-DVKT-HĐQT ngày / /2026)
(Attached to Report No. /BC-DVKT in / /2026)

STT/ No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision	Ngày/Date	Nội dung/Content	Tỷ lệ thông qua/Adoption Rate
64	201/NQ-DVKT-HĐQT	25-12-2025	Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2026 của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN/ Resolution on approving the 2026 inspection and supervision plan of PV Power Services	100%
65	202/NQ-DVKT-HĐQT	29-12-2025	V/v công tác cán bộ tại Chi nhánh Đà Nẵng/ Resolution on Personnel work at Da Nang Branch	100%
66	206/NQ/DVKT-HĐQT	31-12-2025	NQ V/v Tạm giao kinh phí SXKD năm 2026 của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN/ Resolution on Temporary allocation of production and business funds in 2026 of PV Power Services	100%

Phụ lục 2**CÁC HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

STT	Nội dung	Người có liên quan	Giá trị (VND)
A	CÔNG TY LÀ BÊN BÁN HÀNG		
I	Hợp đồng/giao dịch năm 2025		
1	Các phát sinh của Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ BDSC thường xuyên NMNĐ Vũng Áng 1	Ký giữa Công ty và cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam- Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật)	Chi tiết theo bảng đính kèm 1.1
2	Các phát sinh của Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ BDSC thường xuyên NMNĐ Cà Mau 1 &2	Ký giữa Công ty và cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam- Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật)	Chi tiết theo bảng đính kèm 1.1
3	Các phát sinh của Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ BDSC thường xuyên NMNĐ Nhơn Trạch 1 &2	Ký giữa Công ty và cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam- Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật)	Chi tiết theo bảng đính kèm 1.1
4	Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa điện mặt trời áp mái tại nhà máy đạm Cà Mau	Ký giữa Công ty và Công ty cổ phần năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí- cung công ty mẹ với cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	0,327 tỷ
5	Hợp đồng cung cấp dịch vụ trung tu Tuabine hạ áp tổ máy S1 và S2 – Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1	Ký giữa Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp -Năng lượng Quốc gia Việt Nam	28,871 tỷ
6	Hợp đồng cung cấp dịch vụ đại tu 19 Van điều khiển Tuabine tổ máy S1 và S2 – Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1	Ký giữa Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp -Năng lượng Quốc gia Việt Nam	13,448 tỷ
II	Chấp thuận Hợp đồng/giao dịch năm 2026		
1	Cung cấp vật tư của bơm tuần hoàn, bơm nước bổ sung phục vụ đại tu NMĐ Cà Mau 1 năm 2026	Ký giữa Công ty và cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam- Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật)	45,584 tỷ
III	Dự kiến tham gia đấu thầu năm 2026		
1	Hợp đồng dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 giai đoạn 03 năm	Công ty và cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam /Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Dự kiến tham gia đấu thầu

2	Hợp đồng dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên Nhà máy điện Cà Mau 1&2 giai đoạn 2026-2028	Công ty và cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam /Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Dự kiến tham gia đấu thầu
3	Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ BDSC thường xuyên NMNĐ Vũng Áng 1 (Dự kiến trong 03- 05 năm)	Công ty và cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam /Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Dự kiến tham gia đấu thầu
4	Cung cấp dịch vụ BDSC định kỳ phục vụ đại tu NMD Cà Mau 1 năm 2026	Công ty và cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam /Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Dự kiến tham gia đấu thầu
B	CÔNG TY LÀ BÊN MUA HÀNG		
I	Hợp đồng/giao dịch năm 2025		
1	Dịch vụ thuê văn phòng, nhà công vụ	Ký giữa Công ty và cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam- Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau)	0,818 tỷ
2	Dịch vụ thuê nhà công vụ	Ký giữa Công ty và cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam- Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch)	0,050 tỷ
3	Dịch vụ thuê nhà công vụ	Ký giữa Công ty và Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	0,012 tỷ
4	Cung cấp nhân sự	Ký giữa Công ty và cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam- Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật)	0,111 tỷ
II	Dự kiến tham gia năm 2026		
1	Thuê địa điểm làm trụ sở văn phòng	Ký giữa Công ty và cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Các bên sẽ đàm phán giá thuê trụ sở văn phòng

TỔNG HỢP CÁC SỬA ĐỔI BỔ SUNG PHÁT SINH NGOÀI BDSCTX CÁC NMD NĂM 2025

Stt	Gói thầu/hạng mục công việc	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đã bao gồm VAT)	GT nghiệm thu hoàn thành (đã bao gồm VAT)	Ghi chú
I	Hợp đồng Vũng Áng 1		39.743.720.409	24.185.786.210	
1	Gia công phục hồi ruột gà đầu cấp và 02 vỏ đầu cấp hệ thống nhiên liệu than - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 23	262.020.771	258.505.781	
2	Lắp đặt mới đường ống nước làm mát kín hệ thống máy nghiền, thay thế đoạn ống T đường hơi trích số 4 cấp hơi vào khoang bình khử khí tổ máy 2	SĐBS 24	700.513.462	444.142.822	
	Xử lý bất thường passing van LP bypass A tổ máy 1		183.227.938	90.334.895	
3	Kiểm tra sửa chữa ống sinh hơi, thay thế, lắp mới các tấm ốp chống mài mòn bộ quá nhiệt, bộ tái nhiệt, bộ hâm hệ thống sinh hơi tổ máy 2 và dịch vụ phục vụ công tác NOTIS – NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 25	963.987.579	553.671.037	
4	Lắp đặt giàn giáo, thay thế, lắp mới các tấm ốp chống mài mòn bộ quá nhiệt, bộ tái nhiệt, bộ hâm hệ thống sinh hơi lò hơi tổ máy số 1 NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 26	834.205.866	404.803.019	
5	Dịch vụ bắc giáo và xe cầu phục vụ công tác thay vỏ, ruột trục vít đứng và cụm top bearing máy hút 01 và thay thế ruột vít máy hút than 02;	SĐBS 27	285.126.178	247.347.778	
	sửa chữa, thay thế buồng xoắn đầu DE máy nghiền than 1F - NMNĐ Vũng Áng 1		123.258.712	119.767.651	
6	Gia công lắp đặt mới, cải tạo đường ống xả drain, đường ống hóa chất khu vực gian máy tổ 1, 2	SĐBS 28	231.202.746	124.593.642	
	Sửa chữa gối trục quạt IDF B tổ máy 2 nhiệt độ tăng cao - NMNĐ Vũng Áng 1		369.515.105	191.364.138	
7	Sửa chữa gối trục quạt IDF B tổ máy 2 nhiệt độ tăng cao - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 29	328.251.772	321.101.126	
8	Thay thế sợi xích băng tải xích cào tổ máy 01 NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 30	138.922.363	138.922.363	
9	Gia công lắp đặt thay thế đường ống nước cứu hỏa khu vực trạm biến áp; gia công lắp đặt mới đường ống và quạt làm mát damper RH/SH tổ 1 và 2 - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 31	248.442.129	240.650.576	
10	Tháo ruột bơm, kiểm tra đánh giá tình trạng hư hỏng các chi tiết bên trong bơm cấp turbine B tổ máy 2 - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 32	165.734.400	161.893.534	
11	Bắc giáo, xe cầu thực hiện công tác thay thế bộ vỏ và ruột trục vít đứng máy hút than 02	SĐBS 33	136.824.550	136.047.070	
12	Thay thế 01 van an toàn SSH Outlet tường phải tổ máy 2 - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 34	189.858.059	186.778.550	
13	Thay thế 02 van an toàn bao hơi tường phải tổ máy 2 - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 35	313.453.283	308.989.712	
14	Thay thế tấm ốp/ống hơi quá nhiệt, tái nhiệt, sinh hơi và cắt sửa membrane liên kết giữa vách đứng và vách xiên của 04 góc lò hơi tổ máy số 2 - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 36	1.922.325.875	1.915.241.297	
15	Dịch vụ kiểm tra NDT (PT) ống góp đường ống sinh hơi phía tường trái và phải lò hơi tổ máy 2 - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 37	108.224.662	107.970.516	
16	Lắp đặt bổ sung van cho đường vent, drain và thay thế đường ống lấy mẫu, đo áp suất tổ máy 02 - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 38	582.564.615	580.928.697	
17	Thay thế buồng xoắn, thay thế lưỡi dao buồng xoắn (loại 08 gu zông đỡ) đầu DE, NDE máy nghiền 2F	SĐBS 39	366.143.649	354.900.114	

Stt	Gói thầu/hạng mục công việc	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đã bao gồm VAT)	GT nghiệm thu hoàn thành (đã bao gồm VAT)	Ghi chú
18	Dịch vụ bắc giáo thực hiện công tác kiểm tra, xử lý bất thường trường số 2 & 5 ESP3; trường số 2, 5 & 6 ESP4 tổ máy 2 – NMNĐ Vũng Áng 1	SDBS 40	103.910.132	83.423.547	
19	Thực hiện khắc phục khẩn online xì hở đường ống sinh hơi tường đứng phía trái lò hơi tổ máy số 2 - NMNĐ Vũng Áng 1	SDBS 41	194.832.000	194.832.000	
20	Lắp đặt thay thế thiết bị điện bị hư hỏng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt NMNĐ Vũng Áng 1	SDBS 42	185.618.499	184.168.497	
21	Dịch vụ bắc giáo và PAUT phục vụ công tác khắc phục các điểm rò rỉ các ống sinh hơi phễu lạnh tổ máy 02 - NMNĐ Vũng Áng 1	SDBS 43	106.257.658	106.257.658	
22	Dịch vụ cung cấp vật tư và thay thế các ti treo ống góp phễu lạnh lò hơi số 1 bị đứt gãy - NMNĐ Vũng Áng 1	SDBS 44	770.934.096	745.134.187	
23	Tháo các khối trao đổi nhiệt dây C hệ thống GGH tổ máy 1 - NMNĐ Vũng Áng 1	SDBS 45	728.917.223	714.270.673	
24	Thay thế khối trao đổi nhiệt bộ sấy không khí AH A/B tổ máy 1 - NMNĐ Vũng Áng 1	SDBS 46	1.152.222.096	1.117.846.422	
25	Phục hồi và thay thế van an toàn bao hơi (10HAD10AA601) Tổ máy 1 - NMNĐ Vũng Áng 1	SDBS 47	392.040.000	392.040.000	
26	Thay thế đường drain các vòi thổi bụi tổ máy 1 - NMNĐ Vũng Áng 1	SDBS 48	997.301.756	993.712.581	
27	Thay thế các đường ống gió đầu vào hộp gió các máy nghiền than - NMNĐ Vũng Áng 1	SDBS 49	1.514.373.302	1.503.200.070	
28	Bắc giáo, hàn bổ sung, thay thế tấm ốp cho bộ quá nhiệt, tái nhiệt, bộ hâm, sinh hơi Tổ máy 2 - NMNĐ Vũng Áng 1	SDBS 50	810.010.382	777.129.213	
29	Bắc giáo, hàn bổ sung tấm ốp cho bộ quá nhiệt, tái nhiệt, sinh hơi lò hơi Tổ máy 01 - NMNĐ Vũng Áng 1	SDBS 51	1.077.880.617	1.070.802.253	
30	Kiểm tra thay thế các tấm ốp bị mòn thủng, hàn bổ sung các tấm ốp cho các giàn ống quá nhiệt, tái nhiệt bị mài mòn của lò hơi Tổ máy 02 – NMNĐ Vũng Áng 1	SDBS 52	190.296.418	181.671.784	
31	Thuê cầu tháo lắp xi lanh thủy lực cần đứng máy hút than 01 để sửa chữa rò dầu – NMNĐ Vũng Áng 1	SDBS 53	57.429.993	56.624.054	
32	Xử lý khẩn rò rỉ hơi đường lấy mẫu hơi tái nhiệt lạnh, tường trái lò hơi tổ máy 1 - NMNĐ Vũng Áng 1	SDBS 54	194.832.000	194.832.000	
33	Thay thế sửa chữa giá đỡ hệ thống thang máng cáp khu vực lò hơi tổ máy số 1, số 2 NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2025	SDBS 55	21.537.612.720	6.623.322.480	
				2.358.564.472	
34	Gia công lắp đặt đường ống dẫn than và tro từ sản phẩm ly máy nghiền Tổ 1, Tổ 2 và đỉnh Silo tro bay - NMNĐ Vũng Áng 1	SDBS 56	504.325.632	-	
35	Lắp đặt bổ sung và thay thế điều hòa cho các hệ thống - NMNĐ Vũng Áng 1	SDBS 57	771.122.170	-	
II	Hợp đồng Nhon Trạch 1	Hợp đồng 50/PVP.TM-PVPS/2021/DV	39.241.618.746	32.437.562.608	
1	Xử lý bất thường RHSC GT11 NMD Nhon Trạch 1	SDBS 05	11.386.437.453	7.157.747.298	
2	Xử lý bất thường RHSC GT12 NMD Nhon Trạch 1	SDBS 06	8.964.953.697	7.856.772.858	
3	Thuê chuyên gia và CCDC thực hiện xử lý bất thường RHSC GT11 và GT12 NMD Nhon Trạch 1	SDBS 07	18.890.227.596	17.423.042.452	

Stt	Gói thầu/hạng mục công việc	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đã bao gồm VAT)	GT nghiệm thu hoàn thành (đã bao gồm VAT)	Ghi chú
III	Hợp đồng Cà Mau 1&2	Hợp đồng số 72/PVP.TM-PVPS/2020/DV	6.493.722.116	5.549.326.961	
1	Kiểm tra, đánh giá bộ ECO3 HP lò thu hồi nhiệt 11	PLPS số 01	447.469.921	355.521.288	
2	Kiểm tra, đánh giá bộ ECO3 HP lò thu hồi nhiệt 21	PLPS số 02	566.710.221	508.637.400	
3	Kiểm tra, đánh giá bản thể lò, đo độ dày, thay thế co ống fintube EVA LP Lò 21 chưa được nâng cấp vật liệu	PLPS số 03	626.285.569	472.199.018	
4	Kiểm tra, đánh giá bộ ECO HP3 Lò thu hồi nhiệt 22	PLPS số 04	950.117.761	711.825.622	
5	Kiểm tra, đánh giá bản thể lò, đo độ dày, thay thế các co ống fintube EVA LP Lò 22 chưa được nâng cấp vật liệu	PLPS số 05	1.182.338.627	1.074.129.604	
6	Hỗ trợ kiểm tra chuyên sâu các máy phát	PLPS số 06	297.761.404	286.146.840	
7	Dịch vụ Thay thế mới bồn chứa hóa chất HCl NMD Cà Mau 1	PLPS số 07	262.017.968	251.564.861	
8	Dịch vụ Gia cố các guide support cho Module 3 Lò 22 NMD Cà Mau 2	PLPS số 08	730.576.578	742.384.718	
9	Dịch vụ Gia cố các guide support cho Module 3 Lò 11 NMD Cà Mau 1	PLPS số 09	345.549.134	330.837.353	
10	Dịch vụ Gia cố các guide support cho Module 3 Lò 12 NMD Cà Mau 1	PLPS số 10	345.549.134	330.837.353	
11	Dịch vụ Gia cố các guide support cho Module 3 Lò 21 NMD Cà Mau 1	PLPS số 11	345.549.134	242.179.513	
12	Cung cấp dịch vụ hỗ trợ kiểm tra máy phát chuyên sâu nhà máy điện Cà Mau 1 trong dịp ngừng máy tháng 8/2025	PLPS số 12	269.070.655	147.567.368	
13	Dịch vụ thi công lắp đặt thanh la hạn chế rung động ống fintube tầng 1&2 module # 2 ECO HP3 lò 22	PLPS số 13	124.726.010	95.496.022	
Tổng			85.479.061.271	62.172.675.779	

Số: 40 /BC-DVKT-HĐQT
Về việc Báo cáo của thành viên độc lập HĐQT
trình Đại hội đồng cổ đông năm 2026

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam,

Theo các quy định của pháp luật và theo thông lệ tốt về quản trị công ty, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo đánh giá về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị như sau:

I. Đánh giá chung tình hình hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty năm 2025

- Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị nói chung và từng thành viên Hội đồng Quản trị nói riêng tại Công ty PV Power Services đã nỗ lực thực hiện và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Quý cổ đông giao cho.
- Hội đồng Quản trị PV Power Services là tập thể đoàn kết, nhất trí, có trình độ chuyên môn và bề dày kinh nghiệm trong quản lý, luôn công tâm, khách quan, nhận thức rõ trách nhiệm của mình với cổ đông và tâm huyết với sự phát triển của Công ty. Hội đồng Quản trị Công ty gồm có 5 thành viên, trong đó có 01 Chủ tịch HĐQT, 01 thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty, 01 thành viên HĐQT chuyên trách, 01 thành viên kiêm nhiệm và 01 thành viên độc lập HĐQT.
- Hội đồng Quản trị Công ty đã chủ động lên kế hoạch, đề ra các giải pháp cụ thể đồng thời chỉ đạo sát sao Công ty thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất từng tháng, quý. Trong năm 2025, HĐQT chỉ đạo Công ty thực hiện bảo dưỡng sửa chữa tại các Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, NMT Nhơn



Trạch 2, NMD Cà Mau 1&2, Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh, Nhà máy điện Sông Hậu 1, Nhà máy điện Duyên Hải.... đảm bảo chất lượng, tiến độ đề ra và được các khách hàng đánh giá cao.

- Hội đồng Quản trị PV Power Services luôn chấp hành đúng các chế độ, chính sách, các quy định của pháp luật nhằm đảm bảo minh bạch, công bằng trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.
- Các thành viên Hội đồng Quản trị đã thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm túc và đã xác định rõ phương hướng, giải pháp quản trị tích cực để lãnh đạo Công ty.

II. Kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị

1. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

- Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã duy trì việc họp định kỳ hàng Quý nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất kịp thời đưa ra các định hướng, chỉ đạo trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc tổ chức các phiên họp của Hội đồng Quản trị đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Các thành viên Hội đồng Quản trị đã nghiêm túc tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị.
- Ngoài các phiên họp định kỳ theo Quý, Hội đồng Quản trị cũng tổ chức họp chuyên đề và lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản để chỉ đạo các vấn đề thuộc thẩm quyền, các vấn đề quan trọng liên quan đến Công ty như thực hiện sửa đổi các quy chế Công ty.

2. Kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị

- **Về kế hoạch:** Hội đồng Quản trị đã trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua Kết hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025. Trên cơ sở đó, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo, đôn đốc và giám sát Ban Giám đốc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đề ra.
- **Về quản trị doanh nghiệp:** Công ty đã thực hiện sửa đổi một số quy chế phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh như Quy chế trả lương, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế lương cho nhân sự kỹ thuật cao...

- Về quan hệ cổ đông và chia cổ tức: Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 theo đúng quy định của pháp luật.
 - Về chế độ công bố thông tin: Hội đồng Quản trị luôn sát sao chỉ đạo kịp thời để tuân thủ các quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng.
- 3. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị**
- a. Về thù lao của Hội đồng Quản trị**
- Đối với các thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách, mức thù lao là 5 triệu đồng/ người/tháng.
- b. Về chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị**
- Tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.
- 4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty**
- Công ty luôn tuân thủ nghiêm túc, đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết.
- III. Đề xuất, kiến nghị với Hội đồng Quản trị**
- Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động và sự phát triển của Công ty, năm 2026 Hội đồng Quản trị Công ty cần thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu như sau:
- Thực hiện hiệu quả, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
 - Tiếp tục cải tiến phương thức quản trị tại Công ty và các Chi nhánh theo hướng chuyên sâu nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.
 - Chỉ đạo nâng cao công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, kết hợp thu hút nhân lực chất lượng cao từ bên ngoài nhằm nâng cao chất lượng bảo dưỡng, sửa chữa, bảo trì tại các Nhà máy điện để các Nhà máy luôn đạt độ tin cậy cao, đảm bảo an toàn, chất lượng và hiệu quả. Qua đó khẳng định, nâng cao thương hiệu PVPS trên thị trường.
 - Tiếp tục đẩy mạnh tìm kiếm các cơ hội phát triển dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa, cung cấp vật tư, dịch vụ lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh tại các đơn vị trong và ngoài ngành.

- Tìm kiếm cơ hội đầu tư trên nguyên tắc bảo toàn, phát triển vốn và đúng quy định của pháp luật để Công ty phát triển bền vững, lâu dài trong tương lai.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2025 của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, HĐQT.



THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT



Vũ Huy An



Số: 168/BC/DVKT-BKS

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NĂM 2026**

Kính gửi:

- Các Quý cổ đông;
- Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Căn cứ

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Luật sửa đổi bổ sung số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

Điều lệ Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam số 226/QC/BKS-DVKT ngày 29/4/2021;

Quyết định số 982/QĐ-ĐLDK ngày 13/9/2019 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP về việc "Phê duyệt Quy chế quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác";

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam số 67/NQ/ĐHCD-DVKT ngày 18/4/2025;

Nghị quyết số 82/NQ/DVKT-HĐQT ngày 20/5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam về việc "Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam";

Các Báo cáo, Tờ trình trong bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ năm 2026.

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty hiện nay gồm ba (03) thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, trong đó:

- Ông Nguyễn Quang Đông là Trưởng Ban Kiểm soát được bổ nhiệm ngày 20/4/2023;

- Bà Nghiêm Thị Phụng là Thành viên Ban Kiểm soát được bổ nhiệm ngày 28/4/2022;

- Bà Nguyễn Thị Mai Hoa là Thành viên Ban Kiểm soát được bổ nhiệm ngày 20/4/2023.

I.1. Hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và kế hoạch hoạt động kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) năm 2025 thông qua.

Ban Kiểm soát hoạt động trên nguyên tắc độc lập; tuân thủ Pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và hệ thống Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Công ty. Ban Kiểm soát thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình một cách trung thực và cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và các cổ đông. Việc kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát không làm gián đoạn hoạt động bình thường của Công ty; không cản trở công tác quản trị, điều hành Công ty của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Giám đốc.

Ban Kiểm soát căn cứ vào quy định của Pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực; Điều lệ Công ty và hệ thống Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Công ty; các tài liệu được Công ty công bố công khai (và, hoặc) cung cấp cho Ban Kiểm soát để áp dụng các kỹ thuật kiểm tra cần thiết nhằm đưa ra ý kiến đánh giá về kết quả thực hiện các nhiệm vụ SXKD của Công ty, (và, hoặc) đề xuất các kiến nghị hoàn thiện về công tác quản trị điều hành của Công ty.

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện những công tác sau:

- Giám sát việc Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025;
- Giám sát việc Công ty tuân thủ Pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và hệ thống Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Công ty; việc chấp hành các văn bản chỉ đạo điều hành của Tổng Công ty;
- Giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong hoạt động quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh (SXKD) của HĐQT và Ban Giám đốc; trong tổ chức công tác tài chính kế toán, thống kê (TCKTTK) và lập báo cáo tài chính (BCTC) của Công ty;
- Thẩm định BCTC quý, bán niên và cả năm của Công ty;
- Tham dự các cuộc họp HĐQT và các cuộc họp của Công ty;
- Tổ chức bốn (04) cuộc kiểm tra, kiểm soát: tại Chi nhánh Nhơn Trạch vào quý II/2025, tại Chi nhánh Hà Tĩnh và Chi nhánh Cà Mau vào quý III/2025, tại Văn phòng Công ty vào quý IV/2025. Các cuộc kiểm tra, kiểm soát tại các Chi nhánh Công ty được Ban Kiểm soát phối hợp thực hiện cùng với Chi nhánh thông qua các phương tiện online để đảm bảo công tác tổ chức được gọn nhẹ, hiệu quả và tiết kiệm chi phí;
- Đưa ra các ý kiến, lưu ý và kiến nghị đối với HĐQT, Ban Giám đốc và các Phòng chức năng, Chi nhánh Công ty về các vấn đề trong hoạt động quản trị, quản lý và điều hành SXKD; tổ chức công tác TCKTTK và lập BCTC của Công ty.

I.2. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

- * Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tổ chức bốn (04) cuộc họp định kỳ

hàng quý:

- + Hình thức họp: Họp trực tiếp tại trụ sở Công ty;
- + Thành phần tham dự họp: Đầy đủ 03 Thành viên Ban Kiểm soát;
- + Nội dung họp:

- Cập nhật, thảo luận, làm rõ tình hình SXKD của Công ty;
- Thông qua nội dung kế hoạch công tác kiểm soát hàng quý;
- Thống nhất nội dung báo cáo kiểm soát hàng quý và các ý kiến, kiến nghị, lưu ý đối với HĐQT, Ban Giám đốc và các Phòng, Ban, Chi nhánh Công ty;

* Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tổ chức bốn (04) cuộc họp chuyên đề với hình thức họp trực tiếp tại trụ sở Công ty: để thống nhất nội dung kế hoạch kiểm soát và nội dung báo cáo kết quả kiểm soát tại Chi nhánh Nhơn Trạch vào quý II/2025, tại Chi nhánh Hà Tĩnh và Chi nhánh Cà Mau vào quý III/2025, tại Văn phòng Công ty vào quý IV/2025.

* Ban Kiểm soát đã tổ chức họp hội ý nhanh nhiều lần (trực tiếp hoặc online) để thảo luận, thống nhất giữa các Thành viên Ban Kiểm soát về các hoạt động của Ban Kiểm soát; về các vấn đề chuyên môn và trao đổi cập nhật các công việc liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty;

* Sau khi trao đổi, thảo luận công khai trong các cuộc họp, 100% các Thành viên Ban Kiểm soát đều thống nhất thông qua các nội dung được đưa ra để bàn thảo hoặc xin ý kiến.

I.3. Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và các Thành viên Ban Kiểm soát

Trong năm 2025, kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát và các ý kiến, lưu ý, kiến nghị của Ban Kiểm soát đã được HĐQT, Ban Giám đốc và các Phòng, Ban, Chi nhánh Công ty ghi nhận và lưu tâm thực hiện. Ban Kiểm soát cho rằng công tác kiểm tra, kiểm soát và đưa ra ý kiến nhận xét, đánh giá, kiến nghị trong năm 2025 là đúng với chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát; đóng góp vào việc hoàn thiện công tác quản trị và điều hành các mặt hoạt động SXKD của Công ty.

Kết quả hoạt động đối với từng Thành viên Ban Kiểm soát như sau:

(i) Ông Nguyễn Quang Đông - Trưởng Ban Kiểm soát

+ Thực hiện tốt vai trò là Trưởng Ban Kiểm soát: Làm tốt vai trò là người phụ trách chung của Ban Kiểm soát; đã phân công nhiệm vụ công việc cụ thể cho từng Thành viên Ban Kiểm soát; đã lập kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát; đã tổ chức tổng hợp ý kiến và trao đổi, thảo luận công khai giữa các Thành viên Ban Kiểm soát về các vấn đề liên quan đến hoạt động kiểm soát; duy trì được tính độc lập ý kiến của mỗi Thành viên Ban Kiểm soát; đã đánh giá nhận xét công khai, khách quan và đầy đủ về kết quả hoạt động của mỗi Thành viên Ban Kiểm soát;

+ Hoạt động trên nguyên tắc độc lập; tuân thủ Pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và hệ thống Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Công ty. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình một cách trung thực và cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và các cổ đông;

+ Hoàn thành tốt các công việc được Ban Kiểm soát phân công. Tham gia đầy đủ các cuộc kiểm tra, kiểm soát do Ban Kiểm soát tổ chức. Có ý thức quan tâm và xử lý kịp thời các công việc phát sinh của Công ty; tích cực phát biểu ý kiến trong các cuộc họp của Công ty;

+ Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban Kiểm soát.

(ii) Bà Nguyễn Thị Mai Hoa - Thành viên Ban Kiểm soát

+ Thực hiện tốt vai trò là Thành viên Ban Kiểm soát: Là cán bộ đầu mối thông tin liên lạc của Ban Kiểm soát đối với Công ty. Tham gia đầy đủ, tích cực và trực tiếp vào hoạt động của Ban Kiểm soát; đóng góp ý kiến có tính xây dựng và hiệu quả cho hoạt động chung của Ban Kiểm soát; có chuyên môn tốt; có trách nhiệm trong công việc; đảm bảo năng lực độc lập ý kiến của Thành viên Ban Kiểm soát;

+ Hoạt động trên nguyên tắc độc lập; tuân thủ Pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và hệ thống Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Công ty. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình một cách trung thực và cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và các cổ đông;

+ Hoàn thành tốt các công việc được Ban Kiểm soát phân công. Tham gia đầy đủ các cuộc kiểm tra, kiểm soát do Ban Kiểm soát tổ chức. Có ý thức quan tâm và xử lý kịp thời các công việc phát sinh của Công ty; có phát biểu ý kiến trong các cuộc họp của Công ty;

+ Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban Kiểm soát.

(iii) Bà Nghiêm Thị Phượng - Thành viên Ban Kiểm soát

+ Thực hiện tốt vai trò là Thành viên Ban Kiểm soát: Tham gia nhiều vào hoạt động của Ban Kiểm soát; đóng góp ý kiến có tính xây dựng và hiệu quả cho hoạt động chung của Ban Kiểm soát; có chuyên môn tốt; có trách nhiệm trong công việc; đảm bảo năng lực độc lập ý kiến của Thành viên Ban Kiểm soát;

+ Hoạt động trên nguyên tắc độc lập; tuân thủ Pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và hệ thống Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Công ty. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình một cách trung thực và cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và các cổ đông;

+ Hoàn thành tốt các công việc được Ban Kiểm soát phân công. Tham gia nhiều cuộc kiểm tra, kiểm soát do Ban Kiểm soát tổ chức. Có ý thức quan tâm và xử lý kịp thời các công việc phát sinh của Công ty; có phát biểu ý kiến trong các cuộc họp của Công ty;

+ Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban Kiểm soát.

I.4. Tiền lương/ thù lao và các quyền lợi khác của Ban Kiểm soát

(i) Tiền lương/ thù lao của Ban Kiểm soát năm 2025

(Nguồn BCTC năm 2025; Đơn vị tính = đồng)

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương chuyên trách	Thù lao kiêm nhiệm
1	Ông Nguyễn Quang Đông	Trưởng Ban Kiểm soát	-	60.000.000
2	Bà Nghiêm Thị Phụng	Thành viên Ban Kiểm soát	-	36.000.000
3	Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên Ban Kiểm soát	-	36.000.000
	Cộng		-	132.000.000

(ii) Dự kiến tiền lương/ thù lao của Ban Kiểm soát năm 2026

(Đơn vị tính = đồng)

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương chuyên trách	Thù lao kiêm nhiệm
1	Ông Nguyễn Quang Đông	Trưởng Ban Kiểm soát	-	60.000.000
2	Bà Nghiêm Thị Phụng	Thành viên Ban Kiểm soát	-	36.000.000
3	Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên Ban Kiểm soát	-	36.000.000
	Cộng		-	132.000.000

(iii) Các quyền lợi khác của Ban Kiểm soát

Các quyền lợi khác của Ban Kiểm soát được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ và các Quy chế, Quy định khác có liên quan hiện đang áp dụng tại Công ty.

II. Kết quả kiểm soát năm 2025

II.1. Việc thực hiện các nhiệm vụ SXKD của Công ty năm 2025

(i) Năm 2025, Công ty đã hoàn thành công tác bảo dưỡng sửa chữa (BDSC) thường xuyên, đột xuất và xử lý các sự cố, tồn tại, bất thường các hệ thống, thiết bị tại các NMD Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, Vũng Áng 1 đạt 100% khối lượng công việc so với kế hoạch; đảm bảo các NMD vận hành an toàn, hiệu quả và đạt độ khả dụng/ độ tin cậy cao.

(ii) Năm 2025, Công ty đã tích cực triển khai công tác tìm kiếm công việc mới, mở rộng lực lượng khách hàng, phát triển dịch vụ kỹ thuật cả trong và ngoài ngành:

+ Công ty tiếp tục thực hiện hợp đồng thường xuyên 03 năm và các hợp đồng

dịch vụ kỹ thuật khác tại NMD Formosa Hà Tĩnh.

+ Công ty đã cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ các nhà máy công nghiệp cho nhiều khách hàng như Nghi Sơn 2, Mông Dương 1, Thăng Long, Duyên Hải 3, Sông Hậu 1, Formosa Nhơn Trạch, Duyên Hải 3 mở rộng, Cà Mau (hệ thống điện mặt trời áp mái), Thái Bình 2, Mông Dương 2...

Công ty đã chào hàng cung cấp vật tư thiết bị cho các khách hàng tiêu biểu như Nhơn Trạch 1, Duyên Hải 3, Mông Dương 1, Thăng Long, ...

Doanh thu phát triển dịch vụ ngoài của Công ty những năm gần đây (2022 - 2025) đều có sự tăng trưởng hàng năm và đã đóng góp nguồn thu đáng kể vào kết quả SXKD chung của Công ty (xem Mục II.3.3.1.a.ii).

(iii) Công ty tiếp tục duy trì, đổi mới các lĩnh vực quản trị/ quản lý/ điều hành SXKD như quản trị Công ty, ban hành/ sửa đổi các Quy chế và Quy định quản lý nội bộ, hành chính quản trị, tổ chức nhân sự, lao động tiền lương, kinh tế kế hoạch, kỹ thuật an toàn, khoa học công nghệ, đào tạo, phát triển kinh doanh, đầu tư mua sắm, tài chính kế toán, thi đua khen thưởng, an sinh xã hội... phù hợp với sự thay đổi liên tục của môi trường hoạt động sản xuất/ cung cấp dịch vụ thuộc core business.

(iv) Công ty chú trọng tiết kiệm, tiết giảm tối đa các khoản mục chi phí quản lý; tận dụng công suất các tài sản, trang thiết bị và CCDC hiện có; tạm thời chưa đầu tư mua sắm các tài sản, trang thiết bị và CCDC chưa thực sự cần thiết; duy trì tiền lương, thu nhập và chế độ phúc lợi cho người lao động; đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện cả năm 2025 vượt kế hoạch giao;

(v) Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 đã được HĐQT giao kế hoạch (xem Mục II.3.3.1 và Mục II.3.3.2);

Ban Kiểm soát đánh giá việc Công ty thực hiện các nhiệm vụ SXKD năm 2025 đã đạt được các kết quả tốt và đã bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 và kế hoạch nhiệm vụ SXKD năm 2025 của HĐQT.

II.2. Tổ chức công tác tài chính kế toán thống kê và lập BCTC

Công ty đã tổ chức công tác (tài chính kế toán thống kê) TCKTTK theo mô hình vừa tập trung vừa phân tán. Tại các Chi nhánh Cà Mau, Nhơn Trạch, Hà Tĩnh và Đà Nẵng tổ chức bộ phận TCKT có trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin TCKT và hạch toán nội bộ với Công ty. Chi nhánh Đà Nẵng được Công ty phân cấp hạch toán đến kết quả kinh doanh cuối cùng. Phòng TCKT Công ty hạch toán tổng hợp số liệu để lập BCTC của Văn phòng Công ty và BCTC toàn Công ty.

Công ty đã tổ chức lập BCTC hàng quý, bán niên và cả năm 2025. Công ty đã lựa chọn kiểm toán viên là Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam để soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC cả năm 2025. Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam nằm trong danh sách đề nghị các đơn vị kiểm toán BCTC năm

2025 đã được ĐHĐCĐ năm 2025 thông qua.

Ban Kiểm soát đánh giá:

+ Tổ chức công tác TCKTTK của Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ của kế toán theo quy định của Pháp luật về kế toán và đáp ứng các yêu cầu quản trị, quản lý SXKD của Công ty;

+ Công tác hạch toán kế toán của Công ty đã phản ánh toàn diện các biến động tài sản và nguồn vốn của Công ty; đã bám sát Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, chế độ chính sách về tài chính và thuế của Nhà nước;

+ Công ty đã tổ chức soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2025 theo quy định. Ban Kiểm soát nhất trí với ý kiến của kiểm toán viên cho rằng BCTC năm 2025 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty năm 2025 bao gồm: tình hình tài sản và nguồn vốn; tình hình kết quả kinh doanh; tình hình lưu chuyển tiền tệ.

II.3. Tình hình tài chính của Công ty năm 2025

Tại thời điểm Ban Kiểm soát lập báo cáo, Công ty đã công bố BCTC năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Ban Kiểm soát căn cứ vào các quy định của Pháp luật về kế toán, tài chính và thuế; Điều lệ Công ty, Quy chế Quản lý Tài chính và các Quy chế, Quy định quản lý khác của Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025; kế hoạch nhiệm vụ SXKD năm 2025 của HĐQT; các số liệu kế toán và các thông tin khác được Công ty cung cấp để đưa ra ý kiến về BCTC và tình hình tài chính của Công ty năm 2025.

II.3.1. Cổ đông, cổ phiếu và vốn góp của chủ sở hữu Công ty tại ngày 31/12/2025

Toàn bộ cổ phiếu của Công ty đều là cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được các cổ đông nắm giữ như sau:

STT	Cổ đông	Tỷ lệ vốn góp	Số cổ phần	Số tiền (đồng)
1	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	51%	7.650.000	76.500.000.000
2	YTL Power Service Sdn. Bhd (YTL PS)	18%	2.700.000	27.000.000.000
3	America LLC	9,03%	1.354.200	13.542.000.000
4	Cổ đông khác	21,97%	3.295.800	32.958.000.000
	Cộng	100%	15.000.000	150.000.000.000

(Cổ đông PV Power và YTL PS là các cổ đông sáng lập; được quản lý giao dịch cổ phiếu theo hình thức "hạn chế chuyển nhượng"; thực hiện chế độ báo

cáo giao dịch trực tiếp với cơ quan quản lý là HNX - Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

II.3.2. Tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty tại ngày 31/12/2025

(Đơn vị tính = đồng)

TỔNG CỘNG TÀI SẢN	327.952.299.130
* Tài sản ngắn hạn	279.925.376.860
* Tài sản dài hạn	48.026.922.270
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	327.952.299.130
* Nợ phải trả	142.320.833.559
* Vốn chủ sở hữu	185.631.465.571

II.3.2.1. Chi tiết các khoản mục tài sản

(Đơn vị tính = đồng)

* Tài sản ngắn hạn	279.925.376.860
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	38.693.461.561
- Tiền	12.353.461.561
(Là tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng)	
- Các khoản tương đương tiền:	26.340.000.000
(Là tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống tại các ngân hàng)	
+ Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.410.000.000
(Là tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng)	
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	135.643.989.445
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131.436.766.910
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.492.052.810
- Phải thu ngắn hạn khác	715.169.725
+ Hàng tồn kho	76.384.337.636
+ Tài sản ngắn hạn khác	3.793.588.218
- Chi phí trả trước ngắn hạn	717.427.419
(Là chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho cán bộ kỹ thuật chủ chốt chờ phân bổ)	
- Thuế GTGT được khấu trừ	3.076.160.799
* Tài sản dài hạn	48.026.922.270
+ Các khoản phải thu dài hạn	337.860.000
(Là một số khoản ký quỹ, ký cược)	
+ Giá trị còn lại của tài sản cố định	17.944.086.643
+ Đầu tư tài chính dài hạn	5.040.000.000

(Vốn góp cổ phần tại PAIC)

+ Tài sản dài hạn khác 24.704.975.627

(Chủ yếu là chi phí thuê văn phòng dài hạn chờ phân bổ)

II.3.2.2. Chi tiết các khoản mục nguồn vốn

(Đơn vị tính = đồng)

* Nợ ngắn hạn	142.320.833.559
+ Phải trả người bán ngắn hạn	96.531.968.997
+ Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.861.004.426
+ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.963.034.191
+ Phải trả người lao động	24.044.202.144
+ Chi phí phải trả ngắn hạn	735.878.909
+ Phải trả ngắn hạn khác	4.739.636.562
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.445.108.330
* Vốn chủ sở hữu	185.631.465.571
+ Vốn góp chủ sở hữu	150.000.000.000
+ Quỹ đầu tư phát triển	20.686.994.576
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.944.470.995

II.3.3. Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD giao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 và Nghị quyết số 82/NQ/DVKT-HĐQT ngày 20/5/2025

II.3.3.1. Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh năm 2025

(Đơn vị tính = tỷ đồng)

	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2024
Tổng doanh thu và thu nhập	387,00	297,04	376,66
<i>So sánh với kế hoạch năm 2025 và thực hiện năm 2024</i>		130,29%	102,75%
+ Doanh thu thuần	382,21		
+ Doanh thu HĐTC	2,66		
+ Thu nhập khác	2,13		
Tổng giá vốn và chi phí	372,06	282,60	358,06
<i>So sánh với kế hoạch năm 2025 và thực hiện năm 2024</i>		131,66%	103,91%
+ Giá vốn hàng bán	329,59		
+ Chi phí tài chính	0,05		
Trong đó: Chi phí lãi vay	0,05		
+ Chi phí bán hàng	-		
+ Chi phí quản lý doanh nghiệp	38,53		

+ Chi phí khác	0,05		
+ Chi phí thuế TNDN hiện hành	3,84		
+ Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	18,78	18,05	23,96
<i>So sánh với kế hoạch năm 2025 và thực hiện năm 2024</i>		104,04%	78,38%
Lợi nhuận sau thuế	14,94	14,44	18,60
<i>So sánh với kế hoạch năm 2025 và thực hiện năm 2024</i>		103,46%	80,32%

Đánh giá tóm tắt các chỉ tiêu kết quả kinh doanh thực hiện năm 2025 so sánh với kế hoạch giao năm 2025 và thực hiện năm 2024 như sau:

a. Tổng doanh thu và thu nhập

(i) Tổng doanh thu và thu nhập

Thực hiện năm 2025 đạt 387,00 tỷ đồng, kế hoạch giao 297,04 tỷ đồng, thực hiện năm 2024 đạt 376,66 tỷ đồng.

(Thực hiện năm 2023 đạt 310,54 tỷ đồng, thực hiện năm 2022 đạt 267,36 tỷ đồng)

Như vậy: thực hiện năm 2025 đạt 130,29% kế hoạch giao, bằng 102,75% năm 2024.

(ii) Trong đó doanh thu dịch vụ ngoài

Thực hiện năm 2025 đạt 176,56 tỷ đồng, kế hoạch giao 140,89 tỷ đồng, thực hiện năm 2024 đạt 173,47 tỷ đồng.

(Thực hiện năm 2023 đạt 95,41 tỷ đồng, thực hiện năm 2022 đạt 53,64 tỷ đồng)

Như vậy: thực hiện năm 2025 đạt 125,32% kế hoạch giao, bằng 101,78% năm 2024; thực hiện năm 2025 chiếm 46,19% doanh thu.

(Thực hiện năm 2024 chiếm 46,55% doanh thu; thực hiện năm 2023 chiếm 31,42% doanh thu, thực hiện năm 2022 chiếm 20,66% doanh thu)

b. Tổng giá vốn và chi phí

Thực hiện năm 2025 đạt 372,06 tỷ đồng, kế hoạch giao 282,60 tỷ đồng, thực hiện năm 2024 đạt 358,06 tỷ đồng.

Như vậy: thực hiện năm 2025 đạt 131,66% kế hoạch giao, bằng 103,91% năm 2024.

c. Lợi nhuận trước thuế

Thực hiện năm 2025 đạt 18,78 tỷ đồng, kế hoạch giao 18,05 tỷ đồng, thực hiện năm 2024 đạt 23,96 tỷ đồng.

Như vậy: thực hiện năm 2025 đạt 104,04% kế hoạch giao, bằng 78,38% năm 2024.

d. Lợi nhuận sau thuế

Thực hiện năm 2025 đạt 14,94 tỷ đồng, kế hoạch giao 14,44 tỷ đồng, thực hiện năm 2024 đạt 18,60 tỷ đồng.

Như vậy: thực hiện năm 2025 đạt 103,46% kế hoạch giao, bằng 80,32% năm 2024.

II.3.3.2. Chỉ tiêu tổng số đã nộp NSNN năm 2025

Thực hiện năm 2025 đạt 25,45 tỷ đồng, kế hoạch giao 18,75 tỷ đồng, thực hiện năm 2024 đạt 19,08 tỷ đồng.

Như vậy: thực hiện năm 2025 đạt 135,73% kế hoạch giao, bằng 133,39% năm 2024.

(Ban Kiểm soát báo cáo chỉ tiêu này theo tổng số phát sinh đã nộp NSNN bằng tiền)

II.3.3.3. Một số chỉ tiêu về lao động, tiền lương năm 2025

* Tổng số người lao động có mặt của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 441 người, so với tại ngày 31/12/2024 là 428 người, tăng 13 người. Số người lao động bình quân của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 428 người.

* Kế hoạch quỹ tiền lương năm 2025 của Công ty được giao tại Quyết định số 99/QĐ/DVKT-HĐQT ngày 23/6/2025 của HĐQT.

* Việc chi trả tiền lương cho người lao động được thực hiện theo Quy chế Trả lương ban hành kèm theo Quyết định số 108/QĐ/DVKT-HĐQT ngày 25/6/2024 của HĐQT, Quy chế Trả lương chuyên gia ban hành kèm theo Quyết định số 168/QĐ/DVKT-HĐQT ngày 06/12/2024 của HĐQT, Quy chế Trả lương cho CBCNV kỹ thuật cao ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ/DVKT-HĐQT ngày 18/02/2025 của HĐQT, Quy chế Trả lương/ thù lao/ tiền thưởng người quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 132/QĐ/DVKT-HĐQT ngày 15/8/2025 của HĐQT.

* Chi phí tiền lương năm 2025 Công ty đã hạch toán vào chi phí SXKD trong kỳ là 108,79 tỷ đồng, đạt 119,33% so với kế hoạch giao là 91,17 tỷ đồng. Trong đó:

+ Tiền lương người quản lý là 4,26 tỷ đồng, đạt 99,30% so với quỹ lương kế hoạch giao là 4,29 tỷ đồng. Với số lao động bình quân là 08 người thì tiền lương bình quân là 44,38 triệu đồng / người / tháng;

+ Tiền lương người lao động là 104,53 tỷ đồng đạt 120,32% so với quỹ lương kế hoạch giao là 86,88 tỷ đồng. Với số lao động bình quân là 420 người thì tiền lương bình quân là 20,74 triệu đồng / người / tháng.

* Thưởng vận hành an toàn năm 2025 Công ty đã hạch toán vào chi phí SXKD trong kỳ là 10,67 tỷ đồng đạt 112,32% so với quỹ thưởng vận hành an toàn kế hoạch giao là 9,50 tỷ đồng.

II.3.4. Xử lý tài chính trong năm 2025

Trong năm 2025, Công ty đã căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 để thực

hiện phân phối lợi nhuận với số tiền 18,72 tỷ đồng như sau:

+ Công ty đã hạch toán trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ [10%, 10%] từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 với tổng số tiền 3,72 tỷ đồng;

+ Công ty đã hạch toán trích quỹ thưởng người quản lý từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 với tổng số tiền 0,30 tỷ đồng;

+ Công ty đã hạch toán phân phối cổ tức năm 2024 theo tỷ lệ 9,8% / cổ phần với số tiền 14,70 tỷ đồng từ [lợi nhuận sau thuế năm 2024] và [một phần rất nhỏ là lợi nhuận năm trước chưa chia hết]. Công ty đã thanh toán cổ tức năm 2024 trong quý IV/2025.

II.3.5. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2025

Theo biểu 1C, 1F đính kèm.

II.3.6. Ý kiến đánh giá của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính của Công ty năm 2025

* Như Mục II.2, Ban Kiểm soát nhất trí với ý kiến của kiểm toán viên cho rằng BCTC năm 2025 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty năm 2025 bao gồm: tình hình tài sản và nguồn vốn; tình hình kết quả kinh doanh; tình hình lưu chuyển tiền tệ.

* Như Mục II.1, Ban Kiểm soát đánh giá Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 đã được HĐQT giao kế hoạch tại Nghị quyết số 82/NQ/DVKT-HĐQT ngày 20/5/2025.

* Trong năm 2025, chỉ tiêu dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và chỉ tiêu dòng tiền thuần tổng hợp của Công ty đều đạt được các giá trị dương.

* Các chỉ số tài chính chủ yếu của Công ty đều nằm trong mức an toàn;

* Công ty có tình hình tài chính lành mạnh đảm bảo để duy trì hoạt động SXKD ổn định và liên tục.

II.4. Các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với cổ đông nội bộ hoặc có liên quan đến cổ đông nội bộ năm 2025

Trong năm 2025, Công ty có phát sinh các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan là Công ty mẹ Tổng Công ty và các Chi nhánh/ Công ty con của Tổng Công ty. Trong đó:

+ Công ty là bên bán hàng: Các hợp đồng, sửa đổi bổ sung hợp đồng trong đó Công ty cung cấp dịch vụ BDSC cho các NMD của Tổng Công ty;

+ Công ty là bên mua hàng: Các hợp đồng trong đó Công ty mua/ thuê dịch vụ được cung cấp bởi các Chi nhánh/ Công ty con của Tổng Công ty.

Công ty đã báo cáo các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan là Công ty mẹ Tổng Công ty và các Chi nhánh/ Công ty con của Tổng Công ty đã thực hiện và dự kiến thực hiện trong năm 2026.

Trong năm 2025, Công ty không phát sinh hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp trong đó Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, người điều hành khác của Công ty hoặc người có liên quan của họ là sáng lập viên hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm phát sinh giao dịch.

(Cụ thể tại Mục II.4 Báo cáo số 41/BC-DVKT-HĐQT ngày 16/3/2026 của HĐQT về việc "Hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026" và Tờ trình số 46/TTr-DVKT-HĐQT ngày 17/3/2026 của HĐQT về việc "Các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan")

II.5. Đánh giá giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc

Công tác định hướng, chỉ đạo, quyết sách của HĐQT đã bám sát Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và phù hợp với tình hình SXKD của Công ty.

Các (04) cuộc họp định kỳ hàng quý năm 2025 của HĐQT đã được chuẩn bị kỹ lưỡng; cuộc họp có thành phần tham dự đầy đủ; nội dung cuộc họp sát với thực tiễn và bao trùm các mặt hoạt động SXKD của Công ty. Năm 2025, HĐQT đã ban hành 66 Nghị quyết và Quyết định. Nội dung các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT đã định hướng vào các vấn đề cụ thể của công tác SXKD, đã quy định về chất lượng và tiến độ thực hiện; qua đó HĐQT đã thực thi được chức năng quản trị Công ty và chức năng giám sát điều hành Công ty.

Hoạt động thường xuyên của bộ phận Kiểm toán nội bộ đã nâng cao năng lực thực thi chức năng quản trị Công ty, năng lực quản trị rủi ro và năng lực giám sát điều hành Công ty của HĐQT.

Công tác chỉ đạo, điều hành SXKD của Ban Giám đốc đã chủ động, quyết liệt và kịp thời nhằm thích ứng nhanh chóng với những biến động không ngừng của thị trường ngành nghề core business và thực tế công tác thi công tại các nhà máy của chủ đầu tư. Công tác chỉ đạo, điều hành SXKD của Ban Giám đốc đã căn cứ và bám sát Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT; đã tuân thủ các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Công ty.

Giữa HĐQT và Ban Giám đốc đã có sự phối kết hợp chặt chẽ, hiệu quả trong công tác định hướng, quản trị, giám sát và điều hành Công ty; đã thể hiện đúng vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan như quy định tại Điều lệ Công ty; đã duy trì được sự thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn thể tổ chức của Công ty.

HĐQT và Ban Giám đốc đã chấp hành nghiêm túc các văn bản chỉ đạo (xem Mục II.7.3) cũng như chế độ báo cáo cho cổ đông lớn - Công ty mẹ Tổng Công ty; đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường¹ và trách nhiệm công bố thông tin của công ty đại chúng theo quy định.

¹ Ngày 25/12/2025, Công ty đã tổ chức ĐHĐCĐ bất thường để thông qua việc miễn nhiệm Thành viên HĐQT đối với ông Bùi Duy Nhị - Chủ tịch HĐQT Công ty và bầu bổ sung Thành viên HĐQT đối với ông Phùng Văn Đức.

Ban Kiểm soát đánh giá công tác quản trị và điều hành các mặt hoạt động SXKD của HĐQT và Ban Giám đốc đã trung thực, cẩn trọng và phát huy hiệu quả; đã lãnh đạo định hướng Công ty bám sát chiến lược phát triển, vượt qua các khó khăn để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ SXKD được ĐHĐCĐ năm 2025 và Tổng Công ty giao kế hoạch. HĐQT và Ban Giám đốc đang tiếp tục đẩy mạnh đổi mới tư duy kinh doanh, tái cấu trúc hoạt động SXKD, sắp xếp lại bộ máy tổ chức, tận dụng tối đa các thế mạnh nội tại của Công ty, khai thác triệt để tiềm năng sức mạnh của lực lượng lao động, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ... để ngày càng nâng cao năng lực cạnh tranh về chất lượng, tiến độ và giá thành cung cấp dịch vụ kỹ thuật của Công ty.

II.6. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Giám đốc và các cổ đông

Các nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm và nội dung công việc của Ban Kiểm soát được quy định trong Điều lệ Công ty và Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát đã chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động và trình ĐHĐCĐ hàng năm thông qua làm cơ sở thực hiện công tác kiểm soát trong năm. Việc triển khai kế hoạch hoạt động kiểm soát trong năm được Ban Kiểm soát thực hiện phù hợp với tình hình SXKD của Công ty tại từng thời điểm trên nguyên tắc không làm gián đoạn hoạt động bình thường của Công ty và không cản trở công tác quản trị, điều hành Công ty của HĐQT và Ban Giám đốc.

Ban Kiểm soát luôn tuyệt đối bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và quyền lợi hợp pháp của cổ đông. Ban Kiểm soát thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo kiểm soát theo quy định hiện hành. Các thông tin, báo cáo mà Ban Kiểm soát gửi tới Công ty, ĐHĐCĐ, cổ đông, HĐQT và Ban Giám đốc đều được Ban Kiểm soát thực hiện một cách trung thực và cẩn trọng.

Khi nhận được các nội dung mà cổ đông gửi ý kiến quan tâm, Ban Kiểm soát đã phối hợp với các phòng chức năng của Công ty cùng xem xét, làm rõ và trả lời cổ đông nhanh chóng. Trong năm 2025, Ban Kiểm soát không nhận được yêu cầu nào từ cổ đông hoặc nhóm cổ đông về hoạt động kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

Trước khi triển khai một cuộc kiểm soát, Ban Kiểm soát đều lập kế hoạch cụ thể về đối tượng, nội dung và phạm vi kiểm soát đồng thời thông báo đến HĐQT và Ban Giám đốc để được phối hợp thực hiện. Trong thời gian thực hiện cuộc kiểm soát, HĐQT và Ban Giám đốc cùng với đối tượng kiểm soát đã luôn quan tâm phối hợp tạo điều kiện làm việc thuận lợi và cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu cho Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ. Kết quả kiểm tra, kiểm soát và các lưu ý,

Căn cứ Nghị quyết số 199/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 25/12/2025 của ĐHĐCĐ bất thường năm 2025, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 200/NQ/DVKT-HĐQT ngày 25/12/2025 về việc bầu ông Phùng Văn Đức giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.

kiến nghị đều được Ban Kiểm soát báo cáo đầy đủ với HĐQT, Ban Giám đốc và thông báo công khai đến đối tượng kiểm soát.

Ban Kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT và các cuộc họp giao ban sản xuất do Ban Giám đốc chủ trì. Các tài liệu phục vụ cuộc họp được Công ty chuyển đến Ban Kiểm soát đầy đủ và đúng thời hạn trước khi diễn ra cuộc họp. Trong các cuộc họp, Ban Kiểm soát được tạo điều kiện phát biểu ý kiến, trình bày quan điểm, đưa ra các lưu ý, kiến nghị đóng góp vào việc hoàn thiện công tác quản trị và điều hành các mặt hoạt động SXKD của HĐQT và Ban Giám đốc.

Ban Kiểm soát đánh giá HĐQT và Ban Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện đầy đủ cho Ban Kiểm soát thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm và nội dung công việc của Ban Kiểm soát theo quy định. Các lưu ý, kiến nghị của Ban Kiểm soát được lắng nghe, tiếp thu (và, hoặc) đưa vào Nghị quyết, Thông báo kết luận và được HĐQT và Ban Giám đốc lưu tâm chỉ đạo thực hiện.

II.7. Đánh giá việc thực hiện kiến nghị của các đoàn kiểm tra các cấp

II.7.1. Việc thực hiện kiến nghị của các đoàn kiểm tra thuộc các cơ quan quản lý Nhà nước

Trong kỳ báo cáo, Công ty không thuộc đối tượng kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước.

II.7.2. Việc thực hiện kiến nghị của các đoàn kiểm tra thuộc Tổng Công ty

Các kiến nghị đối với Công ty của các Đoàn công tác thuộc Tổng Công ty vào kiểm tra năm 2024 đã được Công ty tiếp thu, triển khai thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện.

Đoàn công tác do HĐQT Tổng Công ty thành lập theo Quyết định số 948/QĐ-ĐLĐK ngày 16/10/2025 đã thực hiện kiểm toán nội bộ tại Công ty từ ngày 10/11/2025 đến ngày 14/11/2025. Đoàn và Công ty đã thống nhất Biên bản kiểm toán vào ngày 18/12/2025. Biên bản không ghi nhận có sai phạm, không ghi nhận có thất thoát tài sản tại Công ty. Biên bản đã nêu các kiến nghị đối với Công ty trên các lĩnh vực. Các kiến nghị của Đoàn đã được Công ty tiếp thu và đã/ đang triển khai thực hiện.

II.7.3. Việc chấp hành các văn bản chỉ đạo của Tổng Công ty

Theo biểu 1G đính kèm.

III. Đánh giá thẩm định các nội dung trình ĐHCĐ năm 2026 thông qua

III.1. Báo cáo của Ban Giám đốc về hoạt động SXKD năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026

Ban Kiểm soát nhất trí với nội dung Báo cáo số 158/BC-DVKT-KTKH ngày 16/3/2026 của Ban Giám đốc về việc "Hoạt động SXKD năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026".

Lý do: Ban Giám đốc báo cáo ĐHCĐ năm 2026 nội dung này là đúng thẩm quyền. Nội dung báo cáo phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty về vai trò, quyền hạn và trách nhiệm, chức năng và nhiệm vụ của Ban Giám đốc trong công tác chỉ đạo, điều hành SXKD của Công ty. Báo cáo đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và minh bạch cho ĐHCĐ năm 2026. Cụ thể như sau:

* Báo cáo đã trình bày đầy đủ, toàn diện các nội dung về tình hình thực hiện các nhiệm vụ SXKD năm 2025 của Công ty; đã chỉ ra và phân tích các thuận lợi và khó khăn trong năm báo cáo; đã minh họa số liệu các chỉ tiêu và phân tích làm rõ nguyên nhân tăng giảm các chỉ tiêu so với kế hoạch giao và cùng kỳ năm trước; đã kết luận đánh giá tình hình SXKD năm 2025 của Công ty rõ ràng và khách quan; đã chỉ ra các tồn tại và đúc rút các bài học kinh nghiệm;

* Báo cáo đã trình bày đầy đủ, toàn diện các nội dung về kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty; đã đề xuất các nhiệm vụ SXKD và ước tính số liệu các chỉ tiêu chủ yếu; đã chỉ ra và phân tích các thuận lợi, khó khăn trong năm kế hoạch; đã đề xuất các giải pháp triển khai kế hoạch rõ ràng và khả thi.

Một số chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty như sau:

	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
	<u>năm 2026</u>	<u>năm 2025</u>	<u>năm 2025</u>
Tổng doanh thu và thu nhập (tỷ đồng)	420,02	387,00	297,04
Tổng giá vốn và chi phí (tỷ đồng)	405,17	372,06	282,60
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	18,56	18,78	18,05
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	14,85	14,94	14,44
Chỉ tiêu nộp NSNN (tỷ đồng)	22,43	25,45	18,75
Tỷ lệ chia cổ tức (% / cổ phần)	7,90	7,90	7,70

III.2. Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHCĐ năm 2026

Ban Kiểm soát nhất trí với nội dung Báo cáo số 41/BC-DVKT-HĐQT ngày 16/3/2026 của HĐQT về việc "Hoạt động của HĐQT trình ĐHCĐ thường niên năm 2026".

Lý do: HĐQT báo cáo ĐHCĐ năm 2026 nội dung này là đúng thẩm quyền. Nội dung báo cáo phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty về vai trò, quyền hạn và trách nhiệm, chức năng và nhiệm vụ của HĐQT trong công tác định hướng, quản trị và giám sát điều hành Công ty. Báo cáo đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và minh bạch cho ĐHCĐ năm 2026. Cụ thể như sau:

* Báo cáo đã đánh giá rõ ràng và khách quan vai trò của HĐQT đối với các kết quả SXKD đạt được năm 2025 của Công ty, đã thống nhất với Báo cáo của Ban Giám đốc. Báo cáo đã trình bày đầy đủ, toàn diện các nội dung về hoạt động của HĐQT năm 2025 bao gồm: nhân sự và cơ cấu tổ chức của HĐQT; hoạt động chung của HĐQT; hoạt động của từng Thành viên HĐQT; các cuộc họp của

HĐQT; các Nghị quyết và Quyết định đã được HĐQT ban hành; hiệu lực tích cực trong công tác định hướng, quản trị và giám sát điều hành Công ty; số liệu tiền lương/ thù lao thực hiện năm 2025, kế hoạch tiền lương/ thù lao năm 2026 và các quyền lợi khác của HĐQT được báo cáo đầy đủ, rõ ràng và minh bạch; đảm bảo các nội dung khác cần báo cáo theo quy định;

* Báo cáo đã đặt ra các mục tiêu hoạt động và xác định phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2026 cụ thể, khả thi và thống nhất với các nội dung trong kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty.

III.3. Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT trình ĐHĐCĐ năm 2026

Ban Kiểm soát nhất trí với nội dung Báo cáo số 40/BC-DVKT-HĐQT ngày 16/3/2026 của Thành viên độc lập HĐQT về việc "Báo cáo của Thành viên độc lập HĐQT trình ĐHĐCĐ năm 2026".

Lý do: Thành viên độc lập HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ năm 2026 nội dung này là đúng thẩm quyền. Nội dung báo cáo phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty về vai trò, quyền hạn và trách nhiệm, chức năng và nhiệm vụ của HĐQT (trong đó có Thành viên độc lập HĐQT) trong công tác định hướng, quản trị và giám sát điều hành Công ty. Nội dung báo cáo đã thống nhất với Báo cáo của HĐQT. Báo cáo đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và minh bạch cho ĐHĐCĐ năm 2026.

III.4. BCTC năm 2025 đã được kiểm toán và Tờ trình của HĐQT về việc thông qua BCTC năm 2025 đã được kiểm toán

Ban Kiểm soát nhất trí với nội dung BCTC năm 2025 đã được kiểm toán và nội dung Tờ trình số 43/TTr-DVKT-HĐQT ngày 17/3/2026 của HĐQT về việc "Thông qua BCTC năm 2025 đã được kiểm toán". BCTC năm 2025 đã được kiểm toán. Các tài liệu này đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và minh bạch cho ĐHĐCĐ năm 2026. Lý do:

* HĐQT trình ĐHĐCĐ năm 2026 nội dung này là đúng thẩm quyền. Và như đã báo cáo ở các Mục trên:

* Ban Kiểm soát nhất trí với ý kiến của kiểm toán viên cho rằng BCTC năm 2025 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty năm 2025 bao gồm: tình hình tài sản và nguồn vốn; tình hình kết quả kinh doanh; tình hình lưu chuyển tiền tệ;

* Ban Kiểm soát đã thẩm định BCTC năm 2025 đã được kiểm toán.

III.5. Tờ trình của HĐQT về việc phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

Ban Kiểm soát nhất trí với nội dung Tờ trình số 44/TTr-DVKT-HĐQT ngày 17/3/2026 của HĐQT về việc "Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026".

Lý do: HĐQT trình ĐHĐCĐ năm 2026 nội dung này là đúng thẩm quyền. Các nội dung trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân

phối lợi nhuận năm 2026 đã tuân thủ quy định về phân phối lợi nhuận trong Quy chế Quản lý tài chính của Công ty. Các nội dung trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 về kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025. Cụ thể như sau:

* Như đã báo cáo ở Mục II.3.3.1.d: lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2025 là 14,94 tỷ đồng đạt 103,46% so với kế hoạch giao là 14,44 tỷ đồng. Như vậy, Công ty đã đảm bảo đủ nguồn để thực hiện phương án phân phối lợi nhuận năm 2025;

* Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được đề xuất trích theo tỷ lệ [10%, 10%] từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 đã đúng theo tỷ lệ được ĐHĐCĐ năm 2025 phê duyệt trong kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025; đã tạo động lực động viên, khuyến khích tập thể người lao động của Công ty;

* Cổ tức năm 2025 được đề xuất chia theo tỷ lệ 7,9% / cổ phần cao hơn 0,2% so với tỷ lệ 7,7% / cổ phần được ĐHĐCĐ năm 2025 phê duyệt trong kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025; đã đem lại lợi ích nhiều hơn cho cổ đông;

* Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 đã tuân thủ quy định về phân phối lợi nhuận trong Quy chế Quản lý tài chính của Công ty và phù hợp với kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2026 của Công ty.

III.6. Tờ trình của HĐQT về việc phê duyệt tiền lương/ thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2025 và dự kiến tiền lương/ thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2026

Ban Kiểm soát nhất trí với nội dung Tờ trình số 45/TTr-DVKT-HĐQT ngày 17/3/2026 của HĐQT về việc "Phê duyệt tiền lương/ thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2025 và dự kiến tiền lương/ thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2026".

Lý do: HĐQT trình ĐHĐCĐ năm 2026 nội dung này là đúng thẩm quyền. Các nội dung trình phê duyệt tiền lương/ thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2025 và dự kiến tiền lương/ thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2026 đã bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 và các Quy chế, Quy định liên quan đến trả lương của Công ty; các số liệu tiền lương/ thù lao được báo cáo đầy đủ, rõ ràng và minh bạch. Cụ thể như sau:

* Tổng tiền lương/ thù lao của HĐQT năm 2025 trình phê duyệt là 2.425 triệu đồng không cao hơn số ĐHĐCĐ năm 2025 giao kế hoạch là 2.442 triệu đồng. Tiền lương/ thù lao của từng thành viên HĐQT năm 2025 trình phê duyệt cũng tương ứng không cao hơn/ bám sát số ĐHĐCĐ năm 2025 giao kế hoạch. Tiền lương thực nhận của các thành viên HĐQT chuyên trách đã được tính toán và chi trả căn cứ các Quy chế, Quy định liên quan đến trả lương của Công ty;

* Tổng thù lao của Ban Kiểm soát năm 2025 trình phê duyệt là 132 triệu đồng không cao hơn số ĐHĐCĐ năm 2025 giao kế hoạch là 132 triệu đồng. Thù

lao của từng thành viên Ban Kiểm soát năm 2025 trình phê duyệt cũng tương ứng không cao hơn số ĐHĐCĐ năm 2025 giao kế hoạch;

* Kế hoạch tiền lương/ thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2026 lần lượt là 2.490 triệu đồng và 132 triệu đồng tương đương so với thực hiện năm 2025 và phù hợp với kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty.

III.7. Tờ trình của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026

Ban Kiểm soát chủ trì soạn thảo và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ năm 2026 đối với Tờ trình số 163/TTr-DVKT-BKS ngày 17/3/2026 của Ban Kiểm soát về việc "Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026".

Lý do: Ban Kiểm soát đề xuất danh sách các đơn vị kiểm toán để Công ty lựa chọn đã căn cứ Thông báo được đăng tải trên trang web của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về danh sách công ty kiểm toán và kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026.

III.8. Tờ trình của HĐQT về việc các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

Ban Kiểm soát nhất trí với nội dung Tờ trình số 46/TTr-DVKT-HĐQT ngày 17/3/2026 của HĐQT về việc "Các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan".

Lý do: HĐQT trình ĐHĐCĐ năm 2026 nội dung này là đúng thẩm quyền. Nội dung Tờ trình đã tuân thủ quy định tại Mục s Khoản 2 Điều 15 trong Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật về hợp đồng, giao dịch với người có liên quan. HĐQT đã báo cáo các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan là Công ty mẹ Tổng Công ty và các Chi nhánh/ Công ty con của Tổng Công ty đã thực hiện trong năm 2025, đã thực hiện và dự kiến thực hiện trong năm 2026. Tờ trình đã đính kèm Phụ lục liệt kê đầy đủ thông tin về các hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan đồng thời phân loại hợp đồng, giao dịch thành "Công ty là bên bán hàng" và "Công ty là bên mua hàng". Tờ trình đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và minh bạch cho ĐHĐCĐ năm 2026.

III.9. Tờ trình của HĐQT về việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty và sửa đổi Điều lệ Công ty

Ban Kiểm soát nhất trí với nội dung Tờ trình số 47/TTr-DVKT-HĐQT ngày 18/3/2026 của HĐQT về việc "Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty và sửa đổi Điều lệ Công ty".

Lý do: HĐQT trình ĐHĐCĐ năm 2026 nội dung này là đúng thẩm quyền. Việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty để xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định của pháp luật về chứng khoán và việc điều chỉnh địa chỉ trụ sở chính Công ty theo địa giới hành chính mới là cần thiết. Theo đó,

những nội dung này cần được cập nhật vào Điều lệ Công ty.

IV. Các lưu ý hoặc kiến nghị

Như Mục II.3.6, Ban Kiểm soát đã đánh giá:

- * Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025.
- * Trong năm 2025, chỉ tiêu dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và chỉ tiêu dòng tiền thuần tổng hợp của Công ty đều đạt được các giá trị dương.
- * Các chỉ số tài chính chủ yếu của Công ty đều nằm trong mức an toàn.
- * Công ty có tình hình tài chính lành mạnh đảm bảo để duy trì hoạt động SXKD ổn định và liên tục.

Ban Kiểm soát lưu ý các chỉ số tài chính chủ yếu của Công ty năm 2025 có sự điều chỉnh giảm so với năm 2024. Do vậy, Ban Kiểm soát lưu ý Công ty một số điểm như sau:

- Chú trọng công tác thanh quyết toán các công trình dịch vụ với chủ đầu tư để giảm chi phí dở dang và tăng doanh thu, đồng thời tiến hành thanh quyết toán nội bộ dứt điểm đối với các phương án kinh doanh;
- Tiếp tục quan tâm đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ để thu hồi tiền vốn đã bỏ ra và cải thiện dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, theo đó Công ty sẽ có thêm dòng tiền để thanh toán công nợ phải trả.

V. Kế hoạch hoạt động kiểm soát năm 2026

Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động kiểm soát năm 2026 như sau:

- (i) Quý I/2026
 - + Thẩm định BCTC năm 2025 đã được kiểm toán;
 - + Báo cáo hoạt động kiểm soát quý IV/2025;
 - + Soạn thảo các Báo cáo, Tờ trình phục vụ tổ chức ĐHĐCĐ năm 2026.
- (ii) Quý II/2026
 - + Thẩm định BCTC quý I/2026;
 - + Báo cáo hoạt động kiểm soát quý I/2026;
 - + Báo cáo, trình các nội dung thuộc trách nhiệm của Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ năm 2026;
 - + Tổ chức kiểm tra, kiểm soát tại các Chi nhánh Công ty phối hợp cùng các đoàn kiểm tra của HĐQT và Ban Giám đốc.
- (iii) Quý III/2026
 - + Thẩm định BCTC bán niên năm 2026;
 - + Báo cáo hoạt động kiểm soát quý II/2026;
 - + Tổ chức kiểm tra, kiểm soát tại các Chi nhánh Công ty phối hợp cùng các đoàn kiểm tra của HĐQT và Ban Giám đốc.

(iv) Quý IV/2026

+ Thâm định BCTC quý III/2026;

+ Báo cáo hoạt động kiểm soát quý III/2026;

+ Tổ chức kiểm tra, kiểm soát tại Văn phòng Công ty.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động kiểm soát năm 2026 của Ban Kiểm soát.

Kính báo cáo các Quý cổ đông và Tổng Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ (để biết);
- Các TV BKS;
- Lưu: VT, BKS (NQĐ).

Đính kèm:

Các biểu: 1A, 1B1, 1B2, 1C, 1D, 1F, 1G.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Quang Đông

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP
Quý IV/2025

Tên doanh nghiệp : Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
Giấy đăng ký kinh doanh số : 0102560459 ngày 27/11/2007, thay đổi lần thứ 13 ngày 10/03/2026
Ngành nghề kinh doanh : Dịch vụ kỹ thuật điện
Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 7, Tòa nhà HH3, KĐT Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm nay	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Lũy kế thực hiện kế hoạch năm nay	So sánh với cùng kỳ	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Quý này	Lũy kế
C.1	C.2	C.3	C.4	C.5	C.6	C.7	C.8	C.9=7/4	C.10=5/6	C.11=7/8
I	Tổng số doanh nghiệp	DN								
1	- Doanh nghiệp có lãi	DN								
2	- Doanh nghiệp hòa vốn	DN								
3	- Doanh nghiệp lỗ	DN								
II	Người lao động									
4	- Tổng số người lao động cuối kỳ	người	514,0			441,0	421,0	85,80%		104,75%
5	- Số người lao động bình quân trong kỳ	người	479,0			428,0	422,0	89,35%		101,42%
III	Nợ phải trả	tr. đồng				142.321	102.615			138,69%
6	Trong đó: Nợ gốc vay	tr. đồng				0	0			
7	Trong đó: Nợ phải trả quá hạn	tr. đồng				0	0			
IV	Vốn chủ sở hữu	tr. đồng				185.631	189.409			98,01%
8	Trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu	tr. đồng				150.000	150.000			100,00%
9	Trong đó: Vốn góp của Tổng Công ty	tr. đồng				76.500	76.500			100,00%
V	Tổng tài sản	tr. đồng				327.952	292.024			112,30%
10	Trong đó: Các khoản phải thu	tr. đồng				135.982	162.669			83,59%
11	Trong đó: Phải thu khó đòi	tr. đồng				0	0			
VI	Kết quả kinh doanh									
12	- Tổng doanh thu và thu nhập	tr. đồng	270.911	151.643	163.849	387.001	376.666	142,85%	92,55%	102,74%
13	- Tổng giá vốn và CP bao gồm CP thuế TNDN	tr. đồng	254.291	145.198	157.922	372.059	358.064	146,31%	91,94%	103,91%
14	- Lợi nhuận trước thuế	tr. đồng	20.775	8.075	7.059	18.780	23.957	90,40%	114,39%	78,39%
15	- Lợi nhuận sau thuế	tr. đồng	16.620	6.445	5.927	14.942	18.602	89,90%	108,74%	80,32%
VII	Tổng số đã nộp NSNN	tr. đồng	20.283	4.866	4.442	25.450	19.084	125,47%	109,55%	133,36%
VIII	Tiền lương									
16	- Tổng quỹ lương kế hoạch cả năm được giao	tr. đồng				100.670	107.500			93,65%
17	- Tổng quỹ lương cả năm được quyết toán	tr. đồng				100.670	119.948			
18	- Quỹ lương năm đã hạch toán vào CP SXKD	tr. đồng	100.670	31.393	44.655	119.457	119.948	118,66%	70,30%	99,59%
19	- Tiền lương năm lũy kế bình quân NLĐ	tr. đồng				279,11	284,24			98,20%
20	- Tiền lương tháng bình quân NLĐ	tr. đồng				23,26	23,69			98,18%

BÁO CÁO
MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH PHẦN 1
Quý IV/2025

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.1	C.2	C.3	C.4	C.5
I	Tài sản ngắn hạn	BS100	279.925.376.860	247.269.513.603
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	BS110	38.693.461.561	33.909.703.026
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	BS120	25.410.000.000	32.542.986.361
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	BS130	135.643.989.445	162.630.648.834
4	Trong đó: Phải thu khó đòi		0	0
5	Hàng tồn kho	BS140	76.384.337.636	18.162.796.131
6	Tài sản ngắn hạn khác	BS150	3.793.588.218	23.379.251
II	Tài sản dài hạn	BS200	48.026.922.270	44.755.204.585
7	Các khoản phải thu dài hạn	BS210	337.860.000	37.860.000
8	Tài sản cố định	BS220	17.944.086.643	14.812.550.993
9	+ Tài sản cố định hữu hình	BS221	17.944.086.643	14.812.550.993
10	+ Tài sản cố định thuê tài chính	BS224	0	0
11	+ Tài sản cố định vô hình	BS227	0	0
12	Bất động sản đầu tư	BS230	0	0
13	Tài sản dở dang dài hạn	BS240	0	0
14	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	BS250	5.040.000.000	5.040.000.000
15	Trong đó: Dự phòng ĐTTC DH	BS254	0	0
16	Tài sản dài hạn khác	BS260	24.704.975.627	24.864.793.592
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		327.952.299.130	292.024.718.188
III	Nợ phải trả	BS300	142.320.833.559	102.615.233.510
17	Nợ ngắn hạn	BS310	142.320.833.559	102.615.233.510
18	Trong đó: Nợ gốc vay		0	0
19	Trong đó: Quỹ khen thưởng phúc lợi	BS322	1.445.108.330	1.090.724.103
20	Trong đó: Nợ phải trả quá hạn		0	0
21	Nợ dài hạn	BS330	0	0
22	Trong đó: Nợ gốc vay		0	0
IV	Vốn chủ sở hữu	BS410	185.631.465.571	189.409.484.678
23	Vốn góp chủ sở hữu	BS411	150.000.000.000	150.000.000.000
24	Trong đó: Vốn góp của Tổng Công ty		76.500.000.000	76.500.000.000
25	Quỹ đầu tư phát triển	BS418	20.686.994.576	20.686.994.576
26	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	BS421	14.944.470.995	18.722.490.102
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		327.952.299.130	292.024.718.188

BÁO CÁO
MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH PHẦN 2
Quý IV/2025

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
C.1	C.2	C.3	C.4	C.5	C.6	C.7
I	Tổng doanh thu và thu nhập		151.642.691.039	163.849.314.554	387.001.218.906	376.665.578.978
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	PL10	148.342.998.646	162.129.749.199	382.214.466.652	372.622.978.479
2	Doanh thu hoạt động tài chính	PL21	1.171.886.512	1.615.111.698	2.656.994.884	3.938.146.842
3	Thu nhập khác	PL31	2.127.805.881	104.453.657	2.129.757.370	104.453.657
II	Tổng giá vốn và chi phí		145.198.379.503	157.922.148.530	372.058.988.397	358.064.330.894
4	Giá vốn hàng bán	PL11	133.428.831.449	139.643.673.192	329.592.881.623	310.112.817.982
5	Chi phí tài chính	PL22	49.872.793	80.554.099	49.872.793	115.452.378
5a	Trong đó: Chi phí lãi vay	PL23	49.872.793	0	49.872.793	33.335.617
6	Chi phí bán hàng	PL25	0	0	0	0
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	PL26	10.084.330.150	16.946.470.354	38.527.854.873	41.812.792.953
8	Chi phí khác	PL32	4.633.061	119.985.756	50.290.100	667.324.740
9	Chi phí thuế TNDN hiện hành	PL51	1.630.712.050	1.131.465.129	3.838.089.008	5.355.942.841
10	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	PL52	0	0	0	0
III	Lợi nhuận trước thuế	PL50	8.075.023.586	7.058.631.153	18.780.319.517	23.957.190.925
IV	Lợi nhuận sau thuế	PL60	6.444.311.536	5.927.166.024	14.942.230.509	18.601.248.084

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
V	Tổng số đã nộp NSNN	NS00	4.865.750.751	4.441.992.164	25.450.490.312	19.084.185.548
11	Thuế GTGT hàng bán nội địa	NS01	3.610.734.782	538.216.194	15.779.710.076	5.194.552.107
12	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	NS02	0	760.177.322	1.386.756.831	1.545.553.513
13	Thuế tiêu thụ đặc biệt	NS03	0	0	0	0
14	Thuế xuất, nhập khẩu	NS04	0	1.239.419.546	1.428.863.338	2.519.924.206
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	NS05	663.755.266	1.281.602.241	3.495.685.153	7.123.144.658
16	Thuế thu nhập cá nhân	NS06	591.260.703	622.576.861	3.354.474.914	2.697.011.064
17	Thuế (lệ phí) môn bài	NS07	0	0	5.000.000	4.000.000
18	Các loại thuế, phí, lệ phí khác	NS08	0	0	0	0
VI	Quỹ lương					
19	Tổng quỹ lương kế hoạch cả năm được giao	QL01			100.670.000.000	107.500.000.000
20	Tổng quỹ lương cả năm được quyết toán	QL02				119.948.000.000
21	Quỹ lương năm đã hạch toán vào CP SXKD	QL03	31.392.870.432	44.655.316.648	119.457.395.788	119.948.000.000

KHẢ NĂNG THANH TOÁN NỢ CỦA DOANH NGHIỆP
Quý IV/2025

* Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (Hht)

$$\text{Hht} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn (BS100)}}{\text{Nợ ngắn hạn (BS310)}} = \frac{279.925.376.860}{142.320.833.559} = 1,97$$

* Hệ số khả năng thanh toán nhanh (Hn)

$$\text{Hn} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tiền và các khoản tương đương tiền + Đầu tư} \\ \text{tài chính ngắn hạn + Các khoản phải thu ngắn} \\ \text{hạn (BS110 + BS120 + BS130)} \end{array}}{\text{Nợ ngắn hạn (BS310)}} = \frac{199.747.451.006}{142.320.833.559} = 1,40$$

BÁO CÁO CHI TIẾT CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Quý IV/2025

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số đầu năm			Số cuối kỳ		
		Giá trị đầu từ theo mệnh giá	Giá trị đầu tư thực tế	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu từ theo mệnh giá	Giá trị đầu tư thực tế	Tỷ lệ sở hữu
C.1	C.2	C.3	C.4	C.5	C.6	C.7	C.10
I	Đầu tư vào công ty con						
II	Đầu tư vào công ty liên kết						
III	Đầu tư vào công ty liên doanh						
IV	Đầu tư góp vốn vào đơn khác	5.040.000.000	5.040.000.000		5.040.000.000	5.040.000.000	
1	Công ty CP Công nghệ thông tin viễn thông và tự động hóa Dầu khí	5.040.000.000	5.040.000.000	11,9%	5.040.000.000	5.040.000.000	11,9%

0 * M.S.D.

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH VAY VÀ HUY ĐỘNG VỐN
SỬ DỤNG VỐN VAY VÀ VỐN HUY ĐỘNG
Quý IV/2025

I. Tình hình vay, huy động vốn

Trong năm 2025, Công ty có vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD. Cụ thể như sau:

- Tổng số vốn gốc đã được giải ngân: 13.234.461.497 đồng;
- Đã trả nợ cho toàn bộ số vốn gốc: 13.234.461.497 đồng;
- Chi phí lãi vay phát sinh: 49.872.793 đồng.

II. Tình hình sử dụng vốn vay và vốn huy động

- Công ty đã sử dụng toàn bộ số vốn gốc đã được giải ngân để bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD: 13.234.461.497 đồng;
- Số dư nợ vay ngắn hạn: 0 đồng.

(Chi tiết tại Thuyết minh số 5.16 BCTC năm 2025 đã được kiểm toán)

BẢNG ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN

Quý IV/2025

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	Ghi chú
C.1	C.2	C.3	C.4	C.5
I	CÁC HỆ SỐ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
1	Tỷ suất sinh lời của tổng tài sản ROA	4,56%	6,37%	
2	Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu ROE	8,05%	9,82%	
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	4,85%	6,36%	
II	CÁC HỆ SỐ HOẠT ĐỘNG			
4	Vòng quay tổng tài sản	1,25	1,35	
5	Vòng quay vốn lưu động	1,47	1,60	
6	Vòng quay vốn cố định	8,34	8,73	
7	Vòng quay nợ phải thu	2,59	2,79	
8	Vòng quay nợ phải trả	3,04	3,98	
III	CÁC HỆ SỐ CƠ CẤU TÀI SẢN, NGUỒN VỐN			
9	Hệ số nợ tài sản	0,43	0,35	
10	Hệ số nợ nguồn vốn	0,77	0,54	
11	Vốn chủ sở hữu trên tổng cộng nguồn vốn	0,57	0,65	
12	Hệ số bảo toàn vốn H	0,98	1,01	
13	Tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản	0,85	0,85	
IV	CÁC HỆ SỐ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
14	Hệ số khả năng thanh toán hiện thời	1,97	2,41	
15	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	1,40	2,23	
16	Hệ số khả năng thanh toán tức thời	0,45	0,65	

BÁO CÁO
Tình hình chấp hành các văn bản chỉ đạo của Tổng công ty năm 2025

Stt	Số văn bản	Ngày tháng	Nội dung chính của văn bản	Tình hình thực hiện			Ghi chú
				Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành	Đang thực hiện	
C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8
I VĂN BẢN THÁNG 01/2025							
1	25/CT-ĐLDK	06/01/2025	V/v V/v Triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025	x			Đã triển khai thực hiện
2	01/NQ-ĐLDK	08/01/2025	V/v NQ Tại cuộc họp định kỳ Quý IV năm 2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam-CTCP	x			Đã triển khai thực hiện
3	62/ĐLDK-TCNS	13/01/2025	V/v Góp ý dự thảo nội dung “Quy chế về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn góp của PV Power tại các doanh nghiệp khác”	x			Đã triển khai thực hiện
4	89/ĐLDK-TCNS	17/01/2025	V/v Thực hiện Quy chế quản lý thù lao, tiền thưởng của Người đại diện kiêm nhiệm của Tổng công ty tại đơn vị năm 2024.	x			Đã triển khai thực hiện
5	89/ĐLDK-KT	17/01/2025	V/v Xin ý kiến về lưu đồ thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa trên phần mềm CMMS	x			Triển khai thực hiện
6	50/QĐ-ĐLDK	17/01/2025	V/v phê duyệt kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2025 của PV Power	x			Triển khai thực hiện
7	102/ĐLDK-KTKH	17/01/2025	V/v Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-ĐLDK ngày 07/01/2025 của HĐQT TCT tại cuộc họp định kỳ Quý IV/2024	x			Triển khai thực hiện
8	114/ĐLDK-KSNB	22/01/2025	V/v Triển khai Kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2025 của Tổng Công ty theo Quyết định số 50/QĐ-ĐLDK ngày 17/01/2025 của HĐQT Tổng công ty			x	Triển khai thực hiện và báo cáo
9	110/ĐLDK-KT	21/01/2025	V/v Xin ý kiến về Quy định quản lý, sử dụng phần mềm quản lý bảo trì, sửa chữa nhà máy điện	x			Đã báo cáo tại văn bản số 95/DVKT-KTAT ngày 13/02/2025
10	120/ĐLDK-KTKH	22/01/2025	V/v Tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2025 của các đơn vị	x			Đã báo cáo tại văn bản số 25/DVKT-NĐD ngày 24/02/2025
II VĂN BẢN THÁNG 02/2025							
1	08/NQ-ĐLDK	10/02/2025	V/v Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần	x			Đã triển khai thực hiện
2	183/ĐLDK-KTKH	12/02/2025	V/v Triển khai Kế hoạch SXKD năm 2025 của PV Power Services	x			Đã triển khai thực hiện

Stt	Số văn bản	Ngày tháng	Nội dung chính của văn bản	Tình hình thực hiện			Ghi chú
				Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành	Đang thực hiện	
C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8
3	93/QĐ-ĐLDK	14/02/2025	V/v Sửa đổi, bổ sung Phương án sắp xếp tái cơ cấu PV Power giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 12/QĐ-ĐLDK ngày 08/01/2021	x			Triển khai thực hiện
4	97/QĐ-ĐLDK	17/02/2025	V/v Thường cho các đơn vị thành viên có kết quả hoạt động SXKD tốt góp phần hoàn thành nhiệm vụ năm 2024 của PV Power	x			Triển khai thực hiện
5	229/ĐLDK-KTKH	18/02/2025	V/v Triển khai thực hiện Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 1/1/2025 của Chính phủ	x			Triển khai thực hiện
6	308/ĐLDK-ATSKMT	26/02/2025	V/v đánh giá việc thực hiện, đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống thiên tai	x			Đã báo cáo tại văn bản số 124/DVKT-KTAT ngày 28/02/2025
7	311/ĐLDK-VP	27/02/2025	V/v Báo cáo công tác quản lý và sử dụng Nhân hiệu PVN	x			Đã báo cáo tại văn bản số 125/DVKT-KTAT ngày 28/02/2025
8	316/ĐLDK-ATSKMT	28/02/2025	V/v Rà soát thực hiện, lấy ý kiến sửa đổi bổ sung luật đề điều	x			Đã báo cáo tại văn bản số 127/DVKT-KTAT ngày 03/3/2025
9	215/ĐLDK-TCNS	17/02/2025	V/v Quyết toán Quỹ tiền lương năm 2024 và xây dựng kế hoạch lao động, tiền lương năm 2025			x	Triển khai thực hiện Chưa đến thời hạn báo cáo
10	237/ĐLDK-KTKH	18/02/2025	V/v Triển khai chính thức đánh giá hoàn thành nhiệm vụ SXKD năm 2025	x			Đã báo cáo tại văn bản số 49/DVKT-NĐD ngày 28/3/2025
11	307/ĐLDK-KTKH	26/02/2025	V/v báo cáo sơ kết Quý I/2025	x			Đã báo cáo tại văn bản số 29/DVKT-NĐD ngày 07/3/2025
III VĂN BẢN THÁNG 03/2025							
1	140/QĐ-ĐLDK	03/3/2025	V/v Phân công nhiệm vụ phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động các đơn vị trong Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam -CTCP	x			Đã triển khai thực hiện
2	153/QĐ-ĐLDK	06/3/2025	V/v Kiến toàn Hội đồng khoa học Công nghệ Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam -CTCP, nhiệm kỳ 2022-2026	x			Đã triển khai thực hiện
3	367/ĐLDK-TCNS	10/3/2025	V/v Tuyển dụng lao động tại PV Power Services	x			Triển khai thực hiện
4	17/NQ-ĐLDK	11/3/2025	V/v Thông qua chương trình công tác trọng tâm năm 2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam -CTCP	x			Triển khai thực hiện
5	431/ĐLDK-KTKH	18/3/2025	V/v Thông báo Kết luận cuộc họp triển khai nhiệm vụ SXKD năm 2025 và công tác bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	x			Triển khai thực hiện

Stt	Số văn bản	Ngày tháng	Nội dung chính của văn bản	Tình hình thực hiện			Ghi chú
				Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành	Đang thực hiện	
C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8
6	434/ĐLDK-KTKH	19/3/2025	V/v Chuẩn bị tài liệu phục vụ cuộc họp định kỳ Quý I/2025 của HĐQT	x			Triển khai thực hiện
7	439/ĐLDK-TCNS	19/3/2025	V/v Thực hiện quy trình giới thiệu bổ nhiệm lại cán bộ	x			Triển khai thực hiện
8	465/ĐLDK-HĐQT	24/3/2025	V/v Kết quả làm việc với PV Power Services			x	Triển khai thực hiện
IV VĂN BẢN THÁNG 04/2025							
1	517/CT-ĐLDK	02/4/2025	V/v Chương trình hành động của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam -CTCP triển khai thực hiện các nhiệm vụ , giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch quản trị và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025	x			Đã thực hiện và báo cáo tại văn bản số 64/DVKT-NĐD ngày 16/4/2025
2	540/ĐLDK-ATSKMT	02/4/2025	V/v Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về PCCC	x			Đã báo cáo tại văn bản số 214/DVKT-KTAT ngày 13/4/2025
3	26/NQ-ĐLDK	04/4/2025	V/v Tại cuộc họp định kỳ Quý I năm 2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam -CTCP	x			Đã triển khai thực hiện
4	608/ĐLDK-KTKH	10/4/2025	V/v Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-ĐLDK ngày 04/4/2025 của HĐQT TCT tại cuộc họp định kỳ Quý I/2025	x			Triển khai thực hiện
5	625/ĐLDK-KTKH	11/4/2025	V/v Rà soát, đánh giá các nguồn lực phục vụ báo cáo quản trị rủi ro	x			Đã báo cáo tại văn bản số 65/DVKT-NĐD ngày 16/4/2025
6	28/NQ-ĐLDK	17/4/2025	V/v Nghị quyết thông qua các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	x			Triển khai thực hiện
7	693/ĐLDK-ATSKMT	22/4/2025	V/v Chấp hành quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy	x			Đã báo cáo tại văn bản số 276/BC-DVKT-KTAT ngày 29/4/2025
8	37/NQ-ĐLDK	24/4/2025	V/v thông qua chỉ tiêu tiết kiệm chi phí SXKD năm 2025 đối với Công ty mẹ và các đơn vị thành viên của PV Power	x			Triển khai thực hiện
9	309/QĐ-ĐLDK	24/4/2025	V/v phân công nhiệm vụ phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động các đơn vị trong HĐQT PV Power	x			Triển khai thực hiện
10	737/ĐLDK- TCNS	25/4/2025	V/v Giới thiệu bổ nhiệm lại cán bộ			x	Triển khai thực hiện
11	771/ĐLDK-KTKH	29/4/2025	V/v Triển khai Nghị quyết số 37/NQ-ĐLDK ngày 24/04/2025 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam -CTCP			x	Triển khai thực hiện
V VĂN BẢN THÁNG 05/2025							

Stt	Số văn bản	Ngày tháng	Nội dung chính của văn bản	Tình hình thực hiện			Ghi chú
				Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành	Đang thực hiện	
C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8
1	1223/ĐLDK-KTKH	09/7/2025	V/v Xây dựng Kế hoạch SXKD năm 2026	x			Đã báo cáo tại văn bản số 118/DVKT-NĐD ngày 29/7/2025
2	57/NQ-ĐLDK	18/7/2025	V/v Nghị quyết tại cuộc họp định kỳ Quý II năm 2025 Hội đồng Quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	x			Triển khai thực hiện
3	1296/TB-ĐLDK	18/7/2025	V/v Thông báo Kết luận tại Hội nghị Sơ kết 6 tháng đầu năm 2025 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	x			Triển khai thực hiện
4	1305/ĐLDK-KT	21/7/2025	V/v Xin ý kiến lần 2 đối với dự thảo Quy định gia công phục hồi vật tư, thiết bị trong các nhà máy điện của Tổng công ty	x			Triển khai thực hiện
5	1322/ĐLDK-KTKH	24/7/2025	V/v Thực hiện Nghị quyết số 57/NQ-ĐLDK ngày 18/7/2025 của HĐQT TCT tại cuộc họp định kỳ Quý II/2025	x			Triển khai thực hiện
6	1323/ĐLDK-KTKH	24/7/2025	V/v Xây dựng Chiến lược phát triển đơn vị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	x			Đã báo cáo tại văn bản số 119/DVKT-NĐD ngày 05/8/2025
7	1306/ĐLDK-KT	21/7/2025	V/v: Xin ý kiến về Sở tay hướng dẫn sử dụng hệ thống Quản lý Bảo dưỡng sửa chữa CMMS – IBM Maximo	x			Đã báo cáo tại văn bản số 557/DVKT-NĐD ngày 18/8/2025
VIII VĂN BẢN THÁNG 08/2025							
1	1423/ĐLDK-TCNS	07/8/2025	V/v Góp ý nội dung dự thảo "Phương án về đổi mới tổ chức bộ máy và tái cơ cấu doanh nghiệp tinh gọn, nâng cao năng suất lao động tại Tổng công ty	x			Đã báo cáo tại văn bản số 125/DVKT-NĐD ngày 08/8/2025
2	1445/ĐLDK-KT	11/8/2025	V/v Xin ý kiến góp ý dự thảo Quy định quản lý bất thường, sự cố	x			Đã báo cáo tại văn bản số 569/DVKT-NĐD ngày 25/8/2025
3	680/QĐ-DVKT	12/8/2025	QĐ V/v phân công công việc trong Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí VN -CTCP	x			Triển khai thực hiện
4	1463/ĐLDK-KTKH	14/8/2025	V/v Nghiên cứu/Góp ý dự thảo Quy trình Quản trị rủi ro Tổng công ty và các biểu mẫu báo cáo	x			Triển khai thực hiện
5	719/QĐ-DVKT	19/8/2025	V/v Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch kiểm toán năm 2025 của Bộ phận kiểm toán nội bộ - Tổng công ty ĐLDK Việt Nam - CTCP	x			Triển khai thực hiện
6	1517/ĐLDK-KT	21/8/2025	V/v xin ý kiến về dự thảo Quy định quản lý công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện của Tổng công ty	x			Đã báo cáo tại văn bản số 578/DVKT-NĐD ngày 28/8/2025

Stt	Số văn bản	Ngày tháng	Nội dung chính của văn bản	Tình hình thực hiện			Ghi chú
				Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành	Đang thực hiện	
C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8
7	1514/ĐLĐK-KTKH	21/8/2025	V/v Báo cáo sơ kết 9 tháng đầu năm 2025	x			Đã báo cáo tại văn bản số 138/DVKT-NĐD ngày 08/9/2025
8	1529/ĐLĐK-KSNB	22/8/2025	V/v Báo cáo và cung cấp tài liệu phục vụ chương trình kiểm toán nội bộ tại PVPS	x			Đã báo cáo tại văn bản số 140/DVKT-NĐD ngày 15/9/2025
IX VĂN BẢN THÁNG 09/2025							
1	69/NQ - ĐLĐK	04/9/2025	V/v Thông qua điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	x			Triển khai thực hiện
2	789/QĐ-DVKT	05/9/2025	V/v Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý quỹ thù lao, tiền thưởng đối với Người đại diện kiêm nhiệm của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	x			Triển khai thực hiện
3	1635/CT-ĐLĐK	09/9/2025	V/v Triển khai các giải pháp thúc đẩy sản xuất kinh doanh năm 2025	x			Triển khai thực hiện
4	823/QĐ-ĐLĐK	12/9/2025	V/v Phê duyệt và ban hành Quy chế về công tác chiến lược của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	x			Triển khai thực hiện
5	1653/ĐLĐK-TCNS	15/9/2025	V/v Công văn gửi các đơn vị yêu cầu cung cấp nhân sự tham gia Tổ triển khai nâng cấp và mở rộng phần mềm quản trị nguồn nhân lực của Tổng công ty	x			Đã báo cáo tại văn bản số 618/DVKT-TCHC ngày 15/9/2025
6	1710/ĐLĐK-KTKH	17/9/2025	V/v Chuẩn bị tài liệu họp HĐQT Tổng Công ty Quý III/2025	x			Triển khai thực hiện
7	1718/ĐLĐK-KTKH	18/9/2025	V/v Báo cáo quản lý, sử dụng vốn, tài sản, nhà đất công, dự án đầu tư quản lý	x			Triển khai thực hiện
8	858/QĐ-ĐLĐK	26/9/2025	V/v Phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý hoạt động mua sắm hàng hóa, dịch vụ và bảo trì công trình xây dựng phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	x			Triển khai thực hiện
9	1781/ĐLĐK-KT	26/9/2025	V/v Ban hành “Yêu cầu kỹ thuật chi tiết về thử nghiệm và giám sát thử nghiệm” của Công ty Vận hành Hệ thống điện và Thị trường điện Quốc Gia và góp ý “Dự thảo Quy trình thu thập, xử lý và quản lý số liệu đo đếm	x			Đã báo cáo tại văn bản số 654/DVKT-TCHC ngày 30/9/2025
10	1785/ĐLĐK-ATSKMT	29/9/2025	V/v Khắc phục tồn tại về việc chấp hành các quy định về Phòng cháy chữa cháy	x			Triển khai thực hiện Chưa đến thời hạn báo cáo
11	1788/ĐLĐK-ATSKMT	29/9/2025	V/v Xin ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 39/2016/NĐCP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật An toàn, vệ sinh lao động	x			Đã báo cáo tại văn bản số 653/DVKT-KTAT ngày 30/9/2025

Stt	Số văn bản	Ngày tháng	Nội dung chính của văn bản	Tình hình thực hiện			Ghi chú
				Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành	Đang thực hiện	
C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8
12	871/QĐ - ĐLDK	30/9/2025	V/v Thành lập Tổ Quản trị rủi ro của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	x			Triển khai thực hiện
X	VĂN BẢN THÁNG 10/2025						
1	1881/ĐLDK - KT	08/10/2025	Về việc xin ý kiến về dự thảo Quy định quản lý vận hành và bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện của Tổng công ty	x			Đã báo cáo tại văn bản 710/DVKT-KTAT ngày 21/10/2025
2	908/QĐ - ĐLDK	09/10/2025	V/v Thành lập Tổ triển khai thực hiện nâng cấp phần mềm quản trị nguồn nhân lực Tổng công ty	x			Triển khai thực hiện
3	77/NQ - ĐLDK	15/10/2025	V/v Tại cuộc họp định kỳ Quý III năm 2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	x			Triển khai thực hiện
4	948/QĐ - ĐLDK	16/10/2025	V/v Thành lập Đoàn kiểm toán thực hiện kiểm toán nội bộ tại Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	x			Triển khai thực hiện
5	1978/ĐLDK - KSNB	17/10/2025	V/v Thông báo kiểm toán nội bộ tại PVPS	x			Triển khai thực hiện
6	1998/ĐLDK-TCNS	20/10/2025	V/v Báo cáo phục vụ công tác kiểm tra, giám sát tại PV Power Services và PV Power REC giai đoạn từ năm 2023-2025	x			Đã báo cáo tại văn bản số 735/BC-DVKT-TCHC ngày 30/10/2025
7	2005/ĐLDK-KTKH	20/10/2025	V/v Thực hiện Nghị quyết số 77/NQ - ĐLDK ngày 13/10/2025 của HĐQT TCT tại cuộc họp định kỳ Quý III/2025	x			Triển khai thực hiện
8	2015/ĐLDK-TCNS	21/10/2025	V/v góp ý dự thảo Quy định về quản lý và sử dụng phần mềm Quản trị nguồn nhân lực của Tổng công ty	x			Đã báo cáo tại văn bản số 722/DVKT-TCHC ngày 28/10/2025
9	2020/ĐLDK - TCNS	22/10/2025	V/v Chấp thuận cho cán bộ của PV Power Services nghỉ phép giải quyết việc riêng ở nước ngoài	x			Triển khai thực hiện
10	2028/ĐLDK-KTKH	23/10/2025	V/v Rà soát kế hoạch SXKD năm 2026	x			Đã báo cáo tại văn bản số 164/DVKT-NĐD ngày 07/11/2025
11	1006/QĐ-ĐLDK	28/10/2025	QĐ phê duyệt ra soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý tại Ban Kiểm soát nội bộ Tổng công ty và các đơn vị thành viên Tổng công ty giai đoạn 2026-2031	x			Triển khai thực hiện
12	83/NQ - ĐLDK	28/10/2025	V/v Thông qua phương án sắp xếp, đổi mới tổ chức bộ máy và tái cơ cấu doanh nghiệp tinh gọn, nâng cao năng suất lao động Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	x			Triển khai thực hiện
13	2070/ĐLDK - QTRR	29/10/2025	V/v Báo cáo giám sát tuân thủ định kỳ toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power	x			Triển khai thực hiện

Stt	Số văn bản	Ngày tháng	Nội dung chính của văn bản	Tình hình thực hiện			Ghi chú
				Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành	Đang thực hiện	
C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8
14	84/NQ-ĐLDK	31/10/2025	V/v Nghị quyết thông qua nguyên tắc luân chuyển, điều động và biệt phái cán bộ giữ chức danh, chức vụ và người lao động của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	x			Triển khai thực hiện
15	1024/QĐ-ĐLDK	31/10/2025	V/v phê duyệt ra soát quy hoạch các bộ lãnh đạo quản lý tại các Ban chức năng Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc thành viên Tổng công ty giai đoạn 2020-2025	x			Triển khai thực hiện
16	1024/QĐ-ĐLDK	31/10/2025	QĐ V/v phê duyệt ra soát quy hoạch các bộ lãnh đạo quản lý tại các Ban chức năng Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc thành viên Tổng công ty giai đoạn 2026-2031	x			Triển khai thực hiện
XI VĂN BẢN THÁNG 11/2025							
1	87/NQ - ĐLDK	10/11/2025	V/v Thông qua điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	x			Triển khai thực hiện
2	2166/ĐLDK - KT	10/11/2025	V/v Góp ý dự thảo Quy chế quản lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ và hoạt động Khoa học công nghệ của PV Power	x			Đã báo cáo tại văn bản số 824/DVKT-KTAT ngày 25/11/2025
3	2201/ĐLDK - QTRR	13/11/2025	V/v Góp ý xây dựng bộ công cụ quản trị rủi ro, giám sát và đánh giá định kỳ hoạt động Kinh doanh quốc tế của PVN	x			Triển khai thực hiện
4	2201/ĐLDK - KTKH	13/11/2025	V/v Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tăng cường quản lý, sử dụng nhà, đất doanh nghiệp Nhà nước	x			Triển khai thực hiện
5	2225/ĐLDK-TCNS	17/11/2025	V/v Thông qua chủ trương về công tác cán bộ tại PV Power Services	x			Đã báo cáo tại văn bản số 174/BC-DVKT-NĐD ngày 21/11/2025
6	2245/KH - ĐLDK	18/11/2025	V/v Kế khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2025 của cán bộ trong Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	x			Triển khai thực hiện
7	1109/QĐ - ĐLDK	18/11/2025	V/v Phê duyệt Danh sách cán bộ có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập định kỳ năm 2025 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	x			Triển khai thực hiện
8	2252/ĐLDK - KTKH	20/11/2025	V/v Chuẩn bị báo cáo tổng kết năm 2025	x			Triển khai thực hiện
9	2252/ĐLDK - KTKH	20/11/2025	V/v Lịch họp kế hoạch năm 2026 của các đơn vị	x			Triển khai thực hiện
10	2313/ĐLDK - TCKT	25/11/2025	V/v Báo cáo tài chính và Pack thông tin hợp nhất Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	x			Triển khai thực hiện

Stt	Số văn bản	Ngày tháng	Nội dung chính của văn bản	Tình hình thực hiện			Ghi chú
				Đã hoàn thành	Chưa hoàn thành	Đang thực hiện	
C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8
11	2069/ĐLDK - QTRR	29/10/2025	V/v Cử bộ phận đầu mối, điều phối viên rủi ro của các Ban/Văn phòng/Đơn vị	x			Đã báo cáo tại văn bản số 191/DVKT-NĐĐ ngày 15/12/2025
XII VĂN BẢN THÁNG 12/2025							
1	2396/ĐLDK - KT	13/11/2025	V/v Báo cáo kết quả hoạt động sáng kiến của đơn vị năm 2025.	x			Đã báo cáo tại văn bản số 864/DVKT-KTAT ngày 11/12/2025
2	2408/TB - ĐLDK	04/12/2025	V/v niêm yết Bán kê khai tài sản, thu nhập năm 2025 theo Nghị định 130/2020/NĐ-CP của Cán bộ Lãnh đạo Tổng công ty	x			Triển khai thực hiện
3	1191/QĐ - ĐLDK	04/12/2025	V/v Thay đổi Người đại diện phần vốn, giới thiệu tham gia Hội đồng quản trị và ứng cử giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	x			Triển khai thực hiện
4	2414/TB - ĐLDK	04/12/2025	V/v Thông báo Kết luận cuộc họp rà soát kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	x			Đã báo cáo tại văn bản số 187/DVKT-NĐĐ ngày 11/12/2025
5	2426/ĐLDK - TCNS	05/12/2025	V/v Thay đổi Người đại diện phần vốn PV Power tại PV Power Services, giới thiệu tham gia Hội đồng quản trị và ứng cử giữ Chức Chủ Tịch Hội đồng quản trị PV Power Services	x			Triển khai thực hiện
6	2429/ĐLDK - TCKT	08/12/2025	V/v Thực hiện công tác kiểm kê và công tác quyết toán tài chính năm 2025	x			Triển khai thực hiện
7	2445/ĐLDK - KTKH	08/12/2025	V/v Lịch tổng kết hoạt động SXKD - Hội nghị NLĐ năm 2025 của các đơn vị	x			Triển khai thực hiện
8	2535/ĐLDK - KTKH	18/12/2025	V/v Tham luận tại Hội nghị tổng kết hoạt động SXKD – Hội nghị NLĐ năm 2025 của Tổng công ty	x			Triển khai thực hiện
9	95 /NQ-ĐLDK	22/12/2025	V/v Nghị quyết thông qua các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	x			Triển khai thực hiện
10	2579/ĐLDK-KTKH	24/12/2025	V/v Tham dự “Hội nghị Tổng kết công tác năm 2025 và triển khai nhiệm vụ năm 2026 của Petrovietnam	x			Triển khai thực hiện
11	2627/ĐLDK - KTKH	29/12/2025	V/v Rà soát tình hình quản lý, sử dụng đất đai theo chỉ đạo của Bộ Tài chính phục vụ triển khai Kết luận 182-KL/TW của Bộ Chính trị về xử lý vi phạm pháp luật về đất đai xảy ra trước khi Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực	x			Đã báo cáo tại văn bản số 924/DVKT-TCHC ngày 30/12/2025

TỜ TRÌNH

Về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi:

- Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power).

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, Luật số 76/2025/QH15 "Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật doanh nghiệp" được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2025;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát được quy định trong Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ thông báo của UBCKNN về danh sách công ty kiểm toán và kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026 được đăng tải trên trang web của UBCKNN tại link: https://ssc.gov.vn/webcenter/portal/ubck/pages_r/l/chitit?dDocName=APPSSCGO_VVN1620161458

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power Services) kính trình Đại hội đồng Cổ đông và PV Power danh sách các đơn vị kiểm toán để Công ty lựa chọn như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (đơn vị kiểm toán năm 2024, 2025);
2. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (đơn vị đã kiểm toán năm 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019);
3. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (đơn vị đã kiểm toán năm 2020, 2021, 2022, 2023).

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông và PV Power thông qua danh sách các công ty kiểm toán và giao Ban Giám đốc Công ty lựa chọn theo quy định, trình kết quả lựa chọn cho Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Quang Đông



Số: **43** /TTr-DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày **17** tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Về việc Thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Xét tờ trình số 151/TTr-DVKT-TCKT ngày 11/3/2026 của Giám đốc Công ty về việc Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam,

Hội đồng quản trị Công ty kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam đã được Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM kiểm toán.

(Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán chi tiết như đính kèm).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Ban Giám đốc (e-copy);
- Lưu: VT, HĐQT. *llg*

Đính kèm:

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Phùng Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2024 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2024 là 150.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn HNX với Mã chứng khoán PPS.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty: Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Từ Liêm, TP. Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phùng Văn Đức	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 01/01/2026)
Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 01/01/2026)
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên
Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Thành viên
Ông Vũ Huy An	Thành viên
Ông Hồ Nguyễn Hoàng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Quang Đông	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên
Bà Nghiêm Thị Phụng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Anh Tuấn	Giám đốc
Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Tu	Phó Giám đốc
Ông Bùi Văn Chính	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

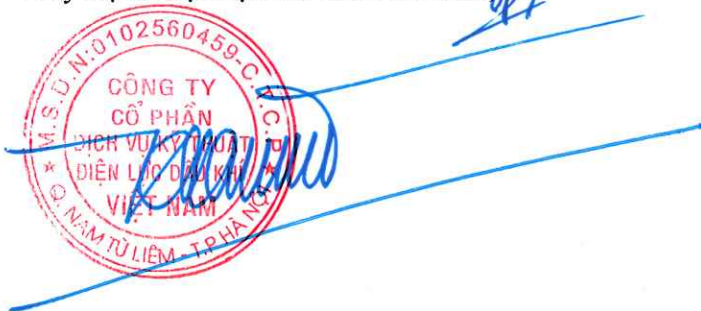
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Vũ Anh Tuấn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Số: 107/2026/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc****Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam, được lập ngày 28/02/2026, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Nguyễn Thị Mai Hoa**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Nguyễn Thị Tiến**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5276-2026-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		279.925.376.860	247.269.513.603
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	38.693.461.561	33.909.703.026
1. Tiền	111		12.353.461.561	18.539.703.026
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.340.000.000	15.370.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.410.000.000	32.542.986.361
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	25.410.000.000	32.542.986.361
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		135.643.989.445	162.630.648.834
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	131.436.766.910	151.590.077.253
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	3.492.052.810	7.822.082.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	715.169.725	3.218.489.581
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	76.384.337.636	18.162.796.131
1. Hàng tồn kho	141		76.384.337.636	18.162.796.131
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.793.588.218	23.379.251
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	717.427.419	23.379.251
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.076.160.799	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		48.026.922.270	44.755.204.585
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		337.860.000	37.860.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	337.860.000	37.860.000
II. Tài sản cố định	220		17.944.086.643	14.812.550.993
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	17.944.086.643	14.812.550.993
- Nguyên giá	222		97.632.740.807	94.459.548.609
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.688.654.164)	(79.646.997.616)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		2.288.155.290	2.288.155.290
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.288.155.290)	(2.288.155.290)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	5.040.000.000	5.040.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.040.000.000	5.040.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		24.704.975.627	24.864.793.592
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	24.704.975.627	24.864.793.592
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		327.952.299.130	292.024.718.188

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		142.320.833.559	102.615.233.510
I. Nợ ngắn hạn	310		142.320.833.559	102.615.233.510
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	96.531.968.997	45.895.258.547
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	12.861.004.426	10.993.626.666
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.963.034.191	5.566.843.105
4. Phải trả người lao động	314		24.044.202.144	31.942.282.827
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	735.878.909	1.164.458.005
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	4.739.636.562	5.962.040.257
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.445.108.330	1.090.724.103
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		185.631.465.571	189.409.484.678
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	185.631.465.571	189.409.484.678
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.686.994.576	20.686.994.576
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.944.470.995	18.722.490.102
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.240.486	121.242.018
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.942.230.509	18.601.248.084
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		327.952.299.130	292.024.718.188

Người lập biểu



Hoàng Thị Hồng Trang

Kế toán trưởng



Lê Đình Thái

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Giám đốc




Vũ Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	382.214.466.652	372.622.978.479
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		382.214.466.652	372.622.978.479
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	329.592.881.623	310.112.817.982
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		52.621.585.029	62.510.160.497
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.656.994.884	3.938.146.842
7. Chi phí tài chính	22	6.4	49.872.793	115.452.378
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		49.872.793	33.335.617
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	38.527.854.873	41.812.792.953
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		16.700.852.247	24.520.062.008
11. Thu nhập khác	31	6.6	2.129.757.370	104.453.657
12. Chi phí khác	32	6.6	50.290.100	667.324.740
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	2.079.467.270	(562.871.083)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		18.780.319.517	23.957.190.925
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	3.838.089.008	5.355.942.841
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		14.942.230.509	18.601.248.084
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	996	972

Người lập biểu



Hoàng Thị Hồng Trang

Kế toán trưởng



Lê Đình Thái

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Giám đốc



Vũ Anh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.780.319.517	23.957.190.925
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		4.296.192.696	3.816.643.049
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(822.423)	80.554.099
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.825.972.746)	(3.940.015.024)
- Chi phí lãi vay	06		49.872.793	33.335.617
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.299.589.837	23.947.708.666
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		23.017.603.768	(51.714.358.191)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(58.221.541.505)	5.697.052.600
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		39.002.959.667	27.021.937.868
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(534.230.203)	(1.648.481.628)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(49.872.793)	(33.335.617)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.495.685.153)	(7.123.144.658)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.665.865.389)	(3.917.463.630)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.352.958.229	(7.770.084.590)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(7.427.728.346)	(5.346.991.600)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		168.977.862	1.868.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(97.340.000.000)	(96.492.986.361)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		104.551.756.740	123.420.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.171.119.327	5.593.513.920
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.124.125.583	27.175.404.141
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		13.234.461.497	8.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(13.234.461.497)	(8.000.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.694.147.700)	(13.926.704.836)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.694.147.700)	(13.926.704.836)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		4.782.936.112	5.478.614.715
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		33.909.703.026	28.431.244.144
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		822.423	(155.833)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	38.693.461.561	33.909.703.026

Người lập biểu



Hoàng Thị Hồng Trang

Kế toán trưởng



Lê Đình Thái

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Giám đốc



Vũ Anh Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102560459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2024 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2024 là 150.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn HNX với Mã chứng khoán PPS.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty: Tầng 7, Toà nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 441 người (tại ngày 31/12/2024 là 428 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Lắp đặt hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều khiển phân tán và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng hệ thống điện - điện tử và tự động hóa cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500kV, công suất đến 4.000MW;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Sản xuất điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Truyền tải và phân phối điện (Trừ truyền tải và điều độ hệ thống điện quốc gia);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sản xuất pin và ắc quy;
- Hoạt động tư vấn quản lý (Không gồm các dịch vụ tư vấn tài chính, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm và tư vấn pháp lý);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Hoạt động bảo vệ tư nhân;
- Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vệ sinh chung nhà cửa.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Cung cấp dịch vụ sửa chữa nhà máy điện.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cà Mau	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Đồng Nai	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hà Tĩnh	Quản lý và điều phối công nhân thi công công trình trên địa bàn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng - Trung tâm thí nghiệm điện	Đà Nẵng	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty kèm theo là Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, Chi nhánh Cà Mau, Chi nhánh Nhơn Trạch, Chi nhánh Hà Tĩnh và Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng - Trung tâm thí nghiệm điện.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với doanh nghiệp hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các phần mềm quản lý được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các phần mềm quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03- 05 năm.

Nguyên tắc kế toán thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty là thuê văn phòng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Các khoản chi phí bảo hiểm và chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí thuê văn phòng theo hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Việt Nguyên, Công ty thuê toàn bộ tầng 7 thuộc toà HH3 Sông Đà trong thời hạn 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí tham quan học hỏi, nhân công thuê ngoài, chi phí đồng phục và các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: Trích trước theo hợp đồng cung cấp dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong năm phù hợp với thời gian thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty là doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và doanh thu cho thuê tài sản hoạt động.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán tổng hợp của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán tổng hợp; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn là tổng chi phí phát sinh của giá thành sản xuất và giá vốn dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ sửa chữa nhà máy điện và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	809.797.770	344.859.533
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.543.663.791	18.194.843.493
Các khoản tương đương tiền	26.340.000.000	15.370.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng (*)	26.340.000.000	15.370.000.000
Tổng	38.693.461.561	33.909.703.026

(*): Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất từ 4,5%/năm đến 4,75%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	25.410.000.000	25.410.000.000	32.542.986.361	32.542.986.361
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	25.410.000.000	25.410.000.000	32.542.986.361	32.542.986.361
Tổng	25.410.000.000	25.410.000.000	32.542.986.361	32.542.986.361

(*): Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất từ 3,1%/năm đến 6%/năm.

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	131.436.766.910	151.590.077.253
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	-	10.242.380.066
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	-	15.824.484.104
Chi nhánh phát điện dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	29.943.406.509	-
Công ty TNHH KOMIPO Vân Phong Power Service	-	27.677.669.050
Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	-	532.806.481
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật	53.387.763.945	68.931.928.863
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	5.080.885.046	6.606.186.471
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Thuận Thiên	23.853.751.755	-
Phải thu các đối tượng khác	19.170.959.655	21.774.622.218
Tổng	131.436.766.910	151.590.077.253

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

88.483.844.760

102.013.361.991

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	3.492.052.810	7.822.082.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Vật tư Minh Hải	939.200.000	-
Công ty Cổ phần SUPER MRO	1.205.531.050	-
ABB MALAYSIA SDN BHD	664.272.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thương mại VIETNET	-	5.184.614.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Trường Khai	-	2.637.468.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	683.049.760	-
Tổng	3.492.052.810	7.822.082.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.5 Phải thu khác

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	715.169.725	-	3.218.489.581	-
- Phải thu khác	335.190.388	-	1.024.643.983	-
<i>Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay</i>	257.172.248	-	397.289.493	-
<i>Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	-	-	453.600.000	-
<i>Phải thu đối tượng khác</i>	78.018.140	-	173.754.490	-
Tạm ứng	357.314.337	-	1.723.897.723	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	22.665.000	-	469.947.875	-
Dài hạn	337.860.000	-	37.860.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	337.860.000	-	37.860.000	-
Tổng	1.053.029.725	-	3.256.349.581	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	12.469.134	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	76.384.337.636	-	18.150.326.997	-
<i>Dự án Nhà máy điện Formosa Hà Tĩnh</i>	28.399.201.303	-	16.701.641.643	-
<i>Dự án nhà máy nhiệt điện Duyên Hải</i>	42.560.552.952	-	-	-
<i>Các dự án khác</i>	5.424.583.381	-	1.448.685.354	-
Tổng	76.384.337.636	-	18.162.796.131	-

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	717.427.419	23.379.251
Chi phí bảo hiểm	694.677.419	-
Chi phí trả trước khác	22.750.000	23.379.251
Dài hạn	24.704.975.627	24.864.793.592
Chi phí thuê văn phòng dài hạn (*)	20.352.620.661	20.980.465.005
Chi phí trả trước khác	4.352.354.966	3.884.328.587
Tổng	25.422.403.046	24.888.172.843

(*) Khoản tiền thuê văn phòng theo hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Việt Nguyên, Công ty thuê toàn bộ tầng 7 thuộc toà HH3 Sông Đà trong thời hạn 49 năm kể từ ngày 21/06/2010, tổng số tiền trả một lần là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2025	1.409.200.000	44.888.630.195	25.922.451.775	22.239.266.639	94.459.548.609
Tăng trong năm	-	6.345.739.255	1.011.989.091	70.000.000	7.427.728.346
Mua trong năm	-	6.345.739.255	1.011.989.091	70.000.000	7.427.728.346
Giảm trong năm	-	1.702.149.088	1.286.432.364	1.265.954.696	4.254.536.148
Thanh lý, nhượng bán	-	1.702.149.088	1.286.432.364	1.265.954.696	4.254.536.148
Số dư tại 31/12/2025	<u>1.409.200.000</u>	<u>49.532.220.362</u>	<u>25.648.008.502</u>	<u>21.043.311.943</u>	<u>97.632.740.807</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2025	1.335.046.774	32.283.603.820	24.162.838.997	21.865.508.025	79.646.997.616
Tăng trong năm	15.000.000	2.386.637.809	1.687.316.193	207.238.694	4.296.192.696
Khấu hao trong năm	15.000.000	2.386.637.809	1.687.316.193	207.238.694	4.296.192.696
Giảm trong năm	-	1.702.149.088	1.286.432.364	1.265.954.696	4.254.536.148
Thanh lý, nhượng bán	-	1.702.149.088	1.286.432.364	1.265.954.696	4.254.536.148
Số dư tại 31/12/2025	<u>1.350.046.774</u>	<u>32.968.092.541</u>	<u>24.563.722.826</u>	<u>20.806.792.023</u>	<u>79.688.654.164</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2025	<u>74.153.226</u>	<u>12.605.026.375</u>	<u>1.759.612.778</u>	<u>373.758.614</u>	<u>14.812.550.993</u>
Tại ngày 31/12/2025	<u>59.153.226</u>	<u>16.564.127.821</u>	<u>1.084.285.676</u>	<u>236.519.920</u>	<u>17.944.086.643</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2025 là 63.924.357.382 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 65.029.261.075 đồng).

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm tin học VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2025	2.288.155.290	2.288.155.290
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2025	<u>2.288.155.290</u>	<u>2.288.155.290</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2025	2.288.155.290	2.288.155.290
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2025	<u>2.288.155.290</u>	<u>2.288.155.290</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2025	-	-
Tại ngày 31/12/2025	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2025 và 01/01/2025 là 2.288.155.290 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 7, Toà nhà Hồn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình,
Phường Từ Liêm, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Tỷ lệ		31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
					Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác		5.040.000.000	-	5.040.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin	11,90%	5.040.000.000	(i)	5.040.000.000	(i)
Viễn thông và Tự động hoá Dầu khí					
Tổng		5.040.000.000	-	5.040.000.000	-

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.11 Phải trả người bán

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	96.531.968.997	96.531.968.997	45.895.258.547	45.895.258.547
Công ty TNHH Hệ thống Truyền tải và Phân phối Toshiba	18.429.960.705	18.429.960.705	-	-
Công ty TNHH ASIA NETWORKS PEMS	15.227.751.632	15.227.751.632	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật & Thương mại Tâm Thành Phát	6.088.347.113	6.088.347.113	9.705.700.125	9.705.700.125
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Nhân lực XL DESGN BUILT PRIVATE LIMITED	16.757.294.513	16.757.294.513	6.885.546.278	6.885.546.278
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Unicom	-	-	1.816.318.386	1.816.318.386
Các đối tượng khác	-	-	5.431.200.000	5.431.200.000
Tổng	40.028.615.034	40.028.615.034	22.056.493.758	22.056.493.758
Tổng	96.531.968.997	96.531.968.997	45.895.258.547	45.895.258.547

5.12 Người mua trả tiền trước

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	12.861.004.426	10.993.626.666
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	294.315.000	294.315.000
Sumec Complete Equipment & Engineering Co.,Ltd	897.883.584	897.883.584
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật	3.029.583.609	7.567.183.638
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	4.966.678.673	-
Công ty nhiệt điện Mông Dương	-	2.234.244.444
Các khoản người mua trả tiền trước khác	3.672.543.560	-
Tổng	12.861.004.426	10.993.626.666

Trong đó:

Người mua trả tiền trước là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

6.093.601.279

7.861.498.638

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
Phải nộp	5.566.843.105	21.846.681.398	25.450.490.312	1.963.034.191
Thuế giá trị gia tăng	4.009.395.806	13.157.071.101	17.166.466.907	-
Thuế XNK	-	1.428.863.338	1.428.863.338	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.247.301.017	3.838.089.008	3.495.685.153	1.589.704.872
Thuế thu nhập cá nhân	310.146.282	3.417.657.951	3.354.474.914	373.329.319
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.000.000	5.000.000	-

5.14 Chi phí phải trả

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	735.878.909	1.164.458.005
Chi phí quản lý nhãn hiệu tập đoàn	185.000.000	235.000.000
Chi phí phụ cấp độc hại	341.290.279	287.613.356
Trích trước chi phí khác	209.588.630	641.844.649
Tổng	735.878.909	1.164.458.005

5.15 Phải trả khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	4.739.636.562	5.962.040.257
Kinh phí công đoàn	305.249.674	367.746.258
Bảo hiểm xã hội	233.411.829	281.318.281
Bảo hiểm y tế	96.208.630	103.358.401
Bảo hiểm thất nghiệp	82.865.799	83.058.737
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.250.000	50.250.000
Phải trả, phải nộp khác	3.971.650.630	5.076.308.580
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.201.627.884	1.195.775.584
Các khoản phải trả khác	2.770.022.746	3.880.532.996
Tổng	4.739.636.562	5.962.040.257

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2025 (VND)		Phát sinh trong năm (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	13.234.461.497	13.234.461.497	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (*)	-	-	13.234.461.497	13.234.461.497	-	-
Tổng	-	-	13.234.461.497	13.234.461.497	-	-

(*) Hợp đồng cấp tín dụng số MMD201557/HĐCTD ngày 19/05/2015 và Phụ lục hợp đồng cấp tín dụng số PLHM-2760985 ngày 22/01/2025 giữa Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện Lực Dầu khí Việt Nam. Hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa là: 130.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày 22/01/2025; Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ.

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	150.000.000.000	20.686.994.576	17.759.345.956	188.446.340.532
Lãi trong năm trước	-	-	18.601.248.084	18.601.248.084
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(3.538.103.938)	(3.538.103.938)
Chia cổ tức	-	-	(14.100.000.000)	(14.100.000.000)
Số dư tại 31/12/2024	150.000.000.000	20.686.994.576	18.722.490.102	189.409.484.678
Số dư tại 01/01/2025	150.000.000.000	20.686.994.576	18.722.490.102	189.409.484.678
Lãi trong năm nay	-	-	14.942.230.509	14.942.230.509
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(4.020.249.616)	(4.020.249.616)
Chia cổ tức (*)	-	-	(14.700.000.000)	(14.700.000.000)
Số dư tại 31/12/2025	150.000.000.000	20.686.994.576	14.944.470.995	185.631.465.571

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 67/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 18/4/2025 trong đó trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 4.020.249.616 VND; chia cổ tức 14.700.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	76.500.000.000	76.500.000.000
YTL Power Service Sdn.Bhd.	27.000.000.000	27.000.000.000
America LLC	13.542.000.000	13.466.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	32.958.000.000	33.034.000.000
Tổng	150.000.000.000	150.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.700.000.000	14.100.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán vật tư, hàng hoá	61.716.353.774	42.834.761.422
Doanh thu cung cấp dịch vụ	320.498.112.878	329.788.217.057
Tổng	382.214.466.652	372.622.978.479
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i>	<i>238.398.389.207</i>	<i>234.680.979.085</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn vật tư, hàng hoá	60.128.008.847	41.402.065.115
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	269.464.872.776	268.710.752.867
Tổng	329.592.881.623	310.112.817.982

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.656.172.461	3.484.546.842
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	453.600.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	822.423	-
Tổng	2.656.994.884	3.938.146.842

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	49.872.793	33.335.617
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	1.562.662
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	80.554.099
Tổng	49.872.793	115.452.378

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.527.854.873	41.812.792.953
Chi phí nhân viên quản lý	23.141.397.699	25.850.947.045
Chi phí vật liệu quản lý	2.011.999.724	2.044.643.022
Chi phí khấu hao TSCĐ	517.276.032	499.450.141
Thuế phí và lệ phí	78.410.976	125.135.874
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.986.209.277	7.094.059.372
Chi phí bằng tiền khác	5.792.561.165	6.198.557.499
Tổng	38.527.854.873	41.812.792.953

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	168.977.862	1.868.182
Tiền phạt thu được	1.951.489	89.536.383
Xử lý công nợ	1.925.820.185	-
Thanh lý công cụ dụng cụ	33.007.834	-
Thu nhập khác	-	13.049.092
Tổng	2.129.757.370	104.453.657
Chi phí khác		
Phạt vi phạm hợp đồng	27.461.000	299.146.477
Tiền phạt chậm nộp thuế, BHXH, truy thu thuế	22.829.100	368.178.263
Tổng	50.290.100	667.324.740
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	2.079.467.270	(562.871.083)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.780.319.517	23.957.190.925
Các khoản điều chỉnh tăng	450.363.377	834.256.339
<i>Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp tham gia điều hành</i>	<i>252.000.000</i>	<i>252.000.000</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>198.363.377</i>	<i>582.256.339</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	296.371.937	1.431.842.595
<i>Điều chỉnh giảm chi phí trích trước</i>	<i>216.830.442</i>	<i>302.548.150</i>
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>-</i>	<i>453.600.000</i>
<i>Chi phí hạch toán năm trước cơ quan thuế chuyển chi phí sang năm nay</i>	<i>79.541.495</i>	<i>675.694.445</i>
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	18.934.310.957	23.359.604.669
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.786.862.191	4.671.920.934
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	51.226.817	684.021.907
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.838.089.008	5.355.942.841

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
		(Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	14.942.230.509	18.601.248.084
Các khoản điều chỉnh		
<i>Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)</i>	<i>-</i>	<i>(4.020.249.616)</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	14.942.230.509	14.580.998.468
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	996	972

(*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng người quản lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích các quỹ này. Nếu loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng người quản lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông phổ thông sẽ giảm và lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm tương ứng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày lại do trong năm 2025 Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 67/NQ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 18/4/2025 trong đó trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 4.020.249.616 VND. Do đó, việc xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trừ đi số trích trên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 từ 1240 VND/cổ phiếu xuống còn 972 VND/cổ phiếu. Cụ thể như sau:

	Năm 2024 VND (Đã trình bày)	Năm 2024 VND (Trình bày lại)	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp (VND)	18.601.248.084	18.601.248.084	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(4.020.249.616)	(4.020.249.616)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	18.601.248.084	14.580.998.468	(4.020.249.616)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.240	972	(268)

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.545.410.164	24.622.933.430
Chi phí nhân công	224.887.019.523	182.273.364.741
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.296.192.696	3.816.643.049
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.674.465.511	79.957.580.956
Chi phí khác bằng tiền	21.555.649.856	17.640.486.948
Tổng	368.958.737.750	308.311.009.124

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7 THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ trực tiếp
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (PVPTSC) (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cung ứng nhiên liệu Điện lực Dầu khí (trực thuộc PVPower)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ trực tiếp
Ban quản lý Dự án điện	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	Cùng Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na	Cùng Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Điện lực Dầu khí	Cùng Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	Công ty liên kết của Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh	Công ty liên kết của Công ty mẹ trực tiếp
Các Công ty con, Công ty liên kết và các bên liên quan của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Cùng Công ty mẹ tối cao
Công ty Simple Nutrition Company limited	Công ty liên quan với Ông Bùi Duy Nhị - Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH cơ khí chính xác Tân Long	Công ty liên quan với Ông Vũ Anh Tuấn - TV HĐQT kiêm Giám đốc
Công ty TNHH Thuận Việt Hà	Công ty liên quan với Ông Vũ Anh Tuấn - TV HĐQT kiêm Giám đốc
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Minh	Công ty liên quan với Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao - Thành viên HĐQT
Công ty TNHH MW Việt Nam	Công ty liên quan với Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao - Thành viên HĐQT
Công ty TNHH Điện lực Minh An	Công ty liên quan với Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao - Thành viên HĐQT
Công ty TNHH Thanh Tâm HD	Công ty liên quan với Ông Hồ Nguyễn Hoàng - Thành viên HĐQT
Công ty TNHH Thành Bảo Phúc	Công ty liên quan với Ông Hồ Nguyễn Hoàng - Thành viên HĐQT
Công ty TNHH Hòa Bảo An	Công ty liên quan với Ông Hồ Nguyễn Hoàng - Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Sản xuất Gia công Cơ khí Đ.Q	Công ty liên quan với Ông Hồ Nguyễn Hoàng - Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Goldman Industrials	Công ty liên quan với Ông Hồ Nguyễn Hoàng - Thành viên HĐQT
Công ty CP Xuất nhập khẩu và XD Công trình 688	Công ty liên quan với Ông Bùi Văn Chính - Phó Giám đốc
Công ty TNHH HOMEJBN	Công ty liên quan với Ông Bùi Văn Chính - Phó Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)	Ông Phan Xuân Thắng - Phó Giám đốc là Thành viên HĐQT, người đại diện vốn của PPS tại PAIC
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	Lương và thù lao	5.379.324.050	5.645.977.790

Trong đó chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Bùi Duy Nhị	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 01/01/2026)	828.085.271	879.172.342
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên kiêm Giám đốc	824.848.492	878.562.749
Ông Hồ Nguyễn Hoàng	Thành viên	652.198.821	686.735.771
Bà Hoàng Hà Quỳnh Giao	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Ông Vũ Huy An	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc	685.883.369	724.397.935
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc	688.266.811	728.672.463
Ông Lê Văn Tu	Phó Giám đốc	757.967.766	775.829.253
Ông Bùi Văn Chinh	Phó Giám đốc	690.073.520	720.607.276
Ông Nguyễn Quang Đông	Trưởng BKS	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000
Bà Nghiêm Thị Phượng	Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Mua hàng			992.361.894	1.205.245.301
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	818.123.964	1.080.894.355
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	50.337.330	124.350.946
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	12.000.600	-
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (PVPTSC)	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	111.900.000	-
Bán hàng			238.398.389.207	234.680.979.085
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	-	21.177.575.188
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	-	33.973.412.764
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	-	60.577.726.947
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật (PVPTSC)	Trực thuộc Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	186.110.640.198	63.770.873.715
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	19.540.363.960	51.030.401.555
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Điện lực Dầu khí	Cùng Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	327.857.633	699.988.916
Chi nhánh Phát điện Dầu khí	Trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	32.419.527.416	3.451.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		88.483.844.760	102.013.361.991
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng Công ty mẹ	5.080.885.046	6.606.186.471
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Trực thuộc Công ty mẹ	-	15.824.484.104
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Trực thuộc Công ty mẹ	-	10.242.380.066
Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật	Trực thuộc Công ty mẹ	53.387.763.945	68.931.928.863
Công ty CP năng lượng tái tạo điện lực dầu khí	Cùng Công ty mẹ	71.789.260	126.502.487
Chi nhánh Phát điện Dầu khí	Trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	29.943.406.509	281.880.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		6.093.601.279	7.861.498.638
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ	294.315.000	294.315.000
Trung tâm dịch vụ kỹ thuật	Trực thuộc Công ty mẹ	3.029.583.609	7.567.183.638
Chi nhánh Phát điện Dầu khí	Trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	1.035.959.620	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Trực thuộc Công ty mẹ	1.733.743.050	-

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu



Hoàng Thị Hồng Trang

Kế toán trưởng



Lê Đình Thái

Giám đốc



Vũ Anh Tuấn

Số: 44/TTr/DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2026

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Về việc Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2025,
Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026**

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 74/QĐ/HĐQT-DVKT ngày 17/4/2024 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc ban hành Quy chế Quản lý Tài chính Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power Services);

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ/DVKT-HĐQT ngày 20/5/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc Giao Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025,

Xét Tờ trình số 149/TTr-DVKT-TCKT ngày 11/3/2026 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026,

Hội đồng Quản trị PV Power Services kính trình Đại Hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026, cụ thể như sau:

1. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

TT	KHOẢN MỤC	Phân phối lợi nhuận thực hiện 2025 (đồng)	
		Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025
I	Lợi nhuận sau thuế	14.445.328.161	14.942.230.509
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	14.445.328.161	14.942.230.509
II	Phân chia, trích lập các Quỹ từ lợi nhuận sau thuế	2.889.065.632	2.988.446.102
1	Quỹ phúc lợi tập thể (10%)	1.444.532.816	1.494.223.051
2	Quỹ khen thưởng (10%)	1.444.532.816	1.494.223.051
III	Lợi nhuận sau thuế để trả cổ tức	11.558.503.015	11.956.024.893
1	Lợi nhuận năm trước chưa chia hết	2.240.486	2.240.486

TT	KHOẢN MỤC	Phân phối lợi nhuận thực hiện 2025 (đồng)	
		Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025
2	Lãi ròng thực hiện năm 2025	11.556.262.529	11.953.784.407
IV	Lãi chia cổ tức năm nay	11.500.000.000	11.850.000.000
V	Tỷ lệ cổ tức/cổ phần	7,70%	7,90%
VI	Lợi nhuận để lại chia cổ tức kỳ sau	58.503.015	106.024.893

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

TT	KHOẢN MỤC	Đơn vị tính	Số tiền
I	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	18,56
II	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	14,85
III	Trích lập các quỹ	tỷ đồng	2,96
1	Quỹ phúc lợi tập thể (10%)	tỷ đồng	1,48
2	Quỹ khen thưởng (10%)	tỷ đồng	1,48
IV	Lợi nhuận sau thuế để trả cổ tức	tỷ đồng	11,88
V	Tỷ lệ cổ tức/ cổ phần	%	7,9%

Kính trình Đại hội Đồng cổ đông Công ty xem xét và phê duyệt.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Ban Giám đốc (e-copy);
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phùng Văn Đức

Số: **45**/TTr-DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày **17** tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Về việc phê duyệt tiền lương/thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát
năm 2025, dự kiến tiền lương/thù lao Hội đồng quản trị,
Ban Kiểm soát năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;

Xét Tờ trình số 150/TTr-DVKT-TCKT ngày 11/3/2026 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt tiền lương/thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025 và dự kiến tiền lương/thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2026,

Hội đồng Quản trị kính báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tiền lương/thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch tiền lương/thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2026, cụ thể như sau:

1. Tiền lương/thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chức danh	Số người	Tiền lương/thù lao năm
I	Hội đồng Quản trị		2.425.132.584
1	Chủ tịch HĐQT	1	828.085.271
2	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	1	824.848.492
3	TV HĐQT chuyên trách	1	652.198.821
4	TV HĐQT kiêm nhiệm	1	60.000.000
5	TV HĐQT độc lập	1	60.000.000
II	Ban kiểm soát		132.000.000

1	Trưởng BKS (kiêm nhiệm)	1	60.000.000
2	TV BKS kiêm nhiệm	2	72.000.000
Tổng cộng			2.557.132.584

2. Tiền lương/thù lao HĐQT, BKS năm 2026

2.1. Dự kiến tiền lương/thù lao HĐQT năm 2026

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chức danh	Số người	Tiền lương/thù lao năm
1	Chủ tịch HĐQT	1	850.000.000
2	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	1	850.000.000
3	Thành viên HĐQT chuyên trách	1	670.000.000
4	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	1	60.000.000
5	Thành viên độc lập HĐQT	1	60.000.000
Tổng cộng			2.490.000.000

2.2. Dự kiến thù lao Ban kiểm soát năm 2026

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chức danh	Số người	Tiền lương/thù lao năm
1	Trưởng BKS kiêm nhiệm	1	60.000.000
2	Thành viên BKS kiêm nhiệm	2	72.000.000
Tổng cộng			132.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Ban Giám đốc (e-copy);
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phùng Văn Đức

Số: 46/TTr-DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Về việc các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về
Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí
Việt Nam;

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong quá trình triển khai và
hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra; bảo đảm định
hướng phát triển bền vững, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện
hành; đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, tránh thất thoát
vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện
lực Dầu khí Việt Nam, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem
xét và thông qua chủ trương phê duyệt việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch
giữa Công ty và các bên có liên quan.

Việc phê duyệt này được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 167 Luật
Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 15 Điều lệ Công ty, cùng các quy định có
liên quan của pháp luật về chứng khoán áp dụng đối với công ty đại chúng.

Các hợp đồng, giao dịch được thực hiện trên cơ sở nguyên tắc thương mại
bình đẳng, minh bạch, bảo đảm không gây ảnh hưởng bất lợi đến lợi ích của
Công ty và cổ đông, đồng thời đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về quản trị, kiểm soát
và tuân thủ pháp luật.

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét,
thảo luận và chấp thuận các nội dung cụ thể sau:

- 1. Đối tượng ký kết hợp đồng, giao dịch:** Giữa Công ty với người liên
quan (*Danh sách chi tiết theo Phụ lục đính kèm 01*).
- 2. Nội dung ký kết các hợp đồng, giao dịch bao gồm:** Theo bảng đính
kèm.

3. Giá trị hợp đồng, giao dịch: Theo từng hợp đồng, giao dịch được xác lập cụ thể trên cơ sở đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật, lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty, đối với các đối tượng sau:

- a. Người không có liên quan với Công ty;
- b. Người có liên quan với Công ty, Người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
- c. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ.

4. Nội dung xin Đại hội đồng cổ đông thông qua và chấp thuận:

- (i) Thông qua Báo cáo các Hợp đồng/giao dịch đã ký kết giữa Công ty với người liên quan năm 2025: *Theo đính kèm 1.1.*
- (ii) Chấp thuận các Hợp đồng/giao dịch đã ký kết giữa Công ty với người liên quan năm 2025.
- (iii) Chấp thuận các Hợp đồng/giao dịch đã thực hiện và dự kiến thực hiện giữa Công ty với người liên quan năm 2026.
- (iv) Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyết định từng hợp đồng/giao dịch cụ thể, căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty và phù hợp với các quy định hiện hành. Việc ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua cho đến khi có Nghị quyết khác thay thế. Hội đồng Quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông kỳ gần nhất.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Ban Giám đốc (e-copy);
- Lưu: VT, HĐQT.

Đính kèm:

- Danh mục các Hợp đồng giữa công ty với người có liên quan.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phùng Văn Đức

CÁC HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

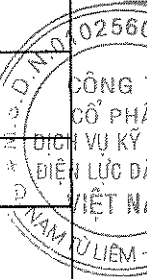
STT	Nội dung	Người có liên quan	Giá trị (VND)
A	CÔNG TY LÀ BÊN BÁN HÀNG		
I	Hợp đồng/giao dịch năm 2025		
1	Các phát sinh của Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ BDSC thường xuyên NMNĐ Vũng Áng 1	Ký giữa Công ty và cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam- Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật)	Chi tiết theo bảng đính kèm 1.1
2	Các phát sinh của Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ BDSC thường xuyên NMNĐ Cà Mau 1 &2	Ký giữa Công ty và cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam- Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật)	Chi tiết theo bảng đính kèm 1.1
3	Các phát sinh của Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ BDSC thường xuyên NMNĐ Nhơn Trạch 1 &2	Ký giữa Công ty và cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam- Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật)	Chi tiết theo bảng đính kèm 1.1
4	Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa điện mặt trời áp mái tại nhà máy đạ Cà Mau	Ký giữa Công ty và Công ty cổ phần năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí- cung công ty mẹ với cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	0,327 tỷ
5	Hợp đồng cung cấp dịch vụ trung tu Tuabine hạ áp tổ máy S1 và S2 – Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1	Ký giữa Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp -Năng lượng Quốc gia Việt Nam	28,871 tỷ
6	Hợp đồng cung cấp dịch vụ đại tu 19 Van điều khiển Tuabine tổ máy S1 và S2 – Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1	Ký giữa Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp -Năng lượng Quốc gia Việt Nam	13,448 tỷ
II	Chấp thuận Hợp đồng/giao dịch năm 2026		
1	Cung cấp vật tư của bơm tuần hoàn, bơm nước bổ sung phục vụ đại tu NMNĐ Cà Mau 1 năm 2026	Ký giữa Công ty và cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam- Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật)	45,584 tỷ
III	Dự kiến tham gia đấu thầu năm 2026		
1	Hợp đồng dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 giai đoạn 03 năm	Công ty và cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam /Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Dự kiến tham gia đấu thầu

2	Hợp đồng dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên Nhà máy điện Cà Mau 1&2 giai đoạn 2026-2028	Công ty và cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam /Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Dự kiến tham gia đấu thầu
3	Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ BDSC thường xuyên NMNĐ Vũng Áng 1 (Dự kiến trong 03- 05 năm)	Công ty và cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam /Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Dự kiến tham gia đấu thầu
4	Cung cấp dịch vụ BDSC định kỳ phục vụ đại tu NMĐ Cà Mau 1 năm 2026	Công ty và cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam /Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Dự kiến tham gia đấu thầu
B	CÔNG TY LÀ BÊN MUA HÀNG		
I	Hợp đồng/giao dịch năm 2025		
1	Dịch vụ thuê văn phòng, nhà công vụ	Ký giữa Công ty và cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam- Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau)	0,818 tỷ
2	Dịch vụ thuê nhà công vụ	Ký giữa Công ty và cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam- Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch)	0,050 tỷ
3	Dịch vụ thuê nhà công vụ	Ký giữa Công ty và Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	0,012 tỷ
4	Cung cấp nhân sự	Ký giữa Công ty và cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam- Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật)	0,111 tỷ
II	Dự kiến tham gia năm 2026		
1	Thuê địa điểm làm trụ sở văn phòng	Ký giữa Công ty và cổ đông lớn Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Các bên sẽ đàm phán giá thuê trụ sở văn phòng

TỔNG HỢP CÁC SỬA ĐỔI BỔ SUNG PHÁT SINH NGOÀI BDSCTX CÁC NMĐ NĂM 2025

Stt	Gói thầu/hạng mục công việc	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đã bao gồm VAT)	GT nghiệm thu hoàn thành (đã bao gồm VAT)	Ghi chú
I	Hợp đồng Vũng Áng 1		39.743.720.409	24.185.786.210	
1	Gia công phục hồi ruột gà đầu cấp và 02 vỏ đầu cấp hệ thống nhiên liệu than - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 23	262.020.771	258.505.781	
2	Lắp đặt mới đường ống nước làm mát kín hệ thống máy nghiền, thay thế đoạn ống T đường hơi trích số 4 cấp hơi vào khoang bình khử khí tổ máy 2	SĐBS 24	700.513.462	444.142.822	
	Xử lý bất thường passing van LP bypass A tổ máy 1		183.227.938	90.334.895	
3	Kiểm tra sửa chữa ống sinh hơi, thay thế, lắp mới các tấm ốp chống mài mòn bộ quá nhiệt, bộ tái nhiệt, bộ hâm hệ thống sinh hơi tổ máy 2 và dịch vụ phục vụ công tác NOTIS – NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 25	963.987.579	553.671.037	
4	Lắp đặt giàn giáo, thay thế, lắp mới các tấm ốp chống mài mòn bộ quá nhiệt, bộ tái nhiệt, bộ hâm hệ thống sinh hơi lò hơi tổ máy số 1 NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 26	834.205.866	404.803.019	
5	Dịch vụ bắc giáo và xe cầu phục vụ công tác thay vỏ, ruột trục vít đứng và cụm top bearing máy hút 01 và thay thế ruột vít máy hút than 02;	SĐBS 27	285.126.178	247.347.778	
	sửa chữa, thay thế buồng xoắn đầu DE máy nghiền than 1F - NMNĐ Vũng Áng 1		123.258.712	119.767.651	
6	Gia công lắp đặt mới, cải tạo đường ống xả drain, đường ống hóa chất khu vực gian máy tổ 1, 2	SĐBS 28	231.202.746	124.593.642	
	Sửa chữa gối trục quạt IDF B tổ máy 2 nhiệt độ tăng cao - NMNĐ Vũng Áng 1		369.515.105	191.364.138	
7	Sửa chữa gối trục quạt IDF B tổ máy 2 nhiệt độ tăng cao - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 29	328.251.772	321.101.126	
8	Thay thế sợi xích bằng tải xích cào tổ máy 01 NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 30	138.922.363	138.922.363	
9	Gia công lắp đặt thay thế đường ống nước cứu hỏa khu vực trạm biến áp; gia công lắp đặt mới đường ống và quạt làm mát damper RH/SH tổ 1 và 2 - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 31	248.442.129	240.650.576	
10	Tháo ruột bơm, kiểm tra đánh giá tình trạng hư hỏng các chi tiết bên trong bơm cấp turbine B tổ máy 2 - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 32	165.734.400	161.893.534	
11	Bắc giáo, xe cầu thực hiện công tác thay thế bộ vỏ và ruột trục vít đứng máy hút than 02	SĐBS 33	136.824.550	136.047.070	
12	Thay thế 01 van an toàn SSH Outlet tường phải tổ máy 2 - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 34	189.858.059	186.778.550	
13	Thay thế 02 van an toàn bao hơi tường phải tổ máy 2 - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 35	313.453.283	308.989.712	
14	Thay thế tấm ốp/ống hơi quá nhiệt, tái nhiệt, sinh hơi và cắt sửa membrane liên kết giữa vách đứng và vách xiên của 04 góc lò hơi tổ máy số 2 - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 36	1.922.325.875	1.915.241.297	
15	Dịch vụ kiểm tra NDT (PT) ống góp đường ống sinh hơi phía tường trái và phải lò hơi tổ máy 2 - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 37	108.224.662	107.970.516	
16	Lắp đặt bổ sung van cho đường vent, drain và thay thế đường ống lấy mẫu, đo áp suất tổ máy 02 - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 38	582.564.615	580.928.697	
17	Thay thế buồng xoắn, thay thế lưỡi dao buồng xoắn (loại 08 gu zông đỡ) đầu DE, NDE máy nghiền 2F	SĐBS 39	366.143.649	354.900.114	

Stt	Gói thầu/hạng mục công việc	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đã bao gồm VAT)	GT nghiệm thu hoàn thành (đã bao gồm VAT)	Ghi chú
18	Dịch vụ bắc giáo thực hiện công tác kiểm tra, xử lý bất thường trường số 2 & 5 ESP3; trường số 2, 5 & 6 ESP4 tổ máy 2 – NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 40	103.910.132	83.423.547	
19	Thực hiện khắc phục khẩn online xì hở đường ống sinh hơi tường đứng phía trái lò hơi tổ máy số 2 - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 41	194.832.000	194.832.000	
20	Lắp đặt thay thế thiết bị điện bị hư hỏng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 42	185.618.499	184.168.497	
21	Dịch vụ bắc giáo và PAUT phục vụ công tác khắc phục các điểm rò rỉ các ống sinh hơi phễu lạnh tổ máy 02 - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 43	106.257.658	106.257.658	
22	Dịch vụ cung cấp vật tư và thay thế các ti treo ống góp phễu lạnh lò hơi số 1 bị đứt gãy - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 44	770.934.096	745.134.187	
23	Tháo các khối trao đổi nhiệt dây C hệ thống GGH tổ máy 1 - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 45	728.917.223	714.270.673	
24	Thay thế khối trao đổi nhiệt bộ sấy không khí AH A/B tổ máy 1 - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 46	1.152.222.096	1.117.846.422	
25	Phục hồi và thay thế van an toàn bao hơi (10HAD10AA601) Tổ máy 1 - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 47	392.040.000	392.040.000	
26	Thay thế đường drain các vòi thổi bụi tổ máy 1 - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 48	997.301.756	993.712.581	
27	Thay thế các đường ống gió đầu vào hộp gió các máy nghiền than - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 49	1.514.373.302	1.503.200.070	
28	Bắc giáo, hàn bổ sung, thay thế tấm ốp cho bộ quá nhiệt, tái nhiệt, bộ hâm, sinh hơi Tổ máy 2 - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 50	810.010.382	777.129.213	
29	Bắc giáo, hàn bổ sung tấm ốp cho bộ quá nhiệt, tái nhiệt, sinh hơi lò hơi Tổ máy 01 - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 51	1.077.880.617	1.070.802.253	
30	Kiểm tra thay thế các tấm ốp bị mòn thủng, hàn bổ sung các tấm ốp cho các giàn ống quá nhiệt, tái nhiệt bị mài mòn của lò hơi Tổ máy 02 – NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 52	190.296.418	181.671.784	
31	Thuê cầu tháo lắp xi lanh thủy lực cần đứng máy hút than 01 để sửa chữa rò dầu – NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 53	57.429.993	56.624.054	
32	Xử lý khẩn rò rỉ hở đường lấy mẫu hơi tái nhiệt lạnh, tường trái lò hơi tổ máy 1 - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 54	194.832.000	194.832.000	
33	Thay thế sửa chữa giá đỡ hệ thống thang máng cáp khu vực lò hơi tổ máy số 1, số 2 NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2025	SĐBS 55	21.537.612.720	6.623.322.480	
				2.358.564.472	
34	Gia công lắp đặt đường ống dẫn than và tro từ sản phẩm ly máy nghiền Tổ 1, Tổ 2 và đỉnh Silo tro bay - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 56	504.325.632	-	
35	Lắp đặt bổ sung và thay thế điều hòa cho các hệ thống - NMNĐ Vũng Áng 1	SĐBS 57	771.122.170	-	
II	Hợp đồng Nhon Trạch 1	Hợp đồng 50/PVP.TM-PVPS/2021/DV	39.241.618.746	32.437.562.608	
1	Xử lý bất thường RHSC GT11 NMD Nhon Trạch 1	SĐBS 05	11.386.437.453	7.157.747.298	
2	Xử lý bất thường RHSC GT12 NMD Nhon Trạch 1	SĐBS 06	8.964.953.697	7.856.772.858	
3	Thuê chuyên gia và CCDC thực hiện xử lý bất thường RHSC GT11 và GT12 NMD Nhon Trạch 1	SĐBS 07	18.890.227.596	17.423.042.452	



Stt	Gói thầu/hạng mục công việc	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đã bao gồm VAT)	GT nghiệm thu hoàn thành (đã bao gồm VAT)	Ghi chú
III	Hợp đồng Cà Mau 1&2	Hợp đồng số 72/PVP.TM-PVPS/2020/DV	6.493.722.116	5.549.326.961	
1	Kiểm tra, đánh giá bộ ECO3 HP lò thu hồi nhiệt 11	PLPS số 01	447.469.921	355.521.288	
2	Kiểm tra, đánh giá bộ ECO3 HP lò thu hồi nhiệt 21	PLPS số 02	566.710.221	508.637.400	
3	Kiểm tra, đánh giá bản thể lò, đo độ dày, thay thế co ống fintube EVA LP Lò 21 chưa được nâng cấp vật liệu	PLPS số 03	626.285.569	472.199.018	
4	Kiểm tra, đánh giá bộ ECO HP3 Lò thu hồi nhiệt 22	PLPS số 04	950.117.761	711.825.622	
5	Kiểm tra, đánh giá bản thể lò, đo độ dày, thay thế các co ống fintube EVA LP Lò 22 chưa được nâng cấp vật liệu	PLPS số 05	1.182.338.627	1.074.129.604	
6	Hỗ trợ kiểm tra chuyên sâu các máy phát	PLPS số 06	297.761.404	286.146.840	
7	Dịch vụ Thay thế mới bồn chứa hóa chất HCl NMD Cà Mau 1	PLPS số 07	262.017.968	251.564.861	
8	Dịch vụ Gia cố các guide support cho Module 3 Lò 22 NMD Cà Mau 2	PLPS số 08	730.576.578	742.384.718	
9	Dịch vụ Gia cố các guide support cho Module 3 Lò 11 NMD Cà Mau 1	PLPS số 09	345.549.134	330.837.353	
10	Dịch vụ Gia cố các guide support cho Module 3 Lò 12 NMD Cà Mau 1	PLPS số 10	345.549.134	330.837.353	
11	Dịch vụ Gia cố các guide support cho Module 3 Lò 21 NMD Cà Mau 1	PLPS số 11	345.549.134	242.179.513	
12	Cung cấp dịch vụ hỗ trợ kiểm tra máy phát chuyên sâu nhà máy điện Cà Mau 1 trong dịp ngừng máy tháng 8/2025	PLPS số 12	269.070.655	147.567.368	
13	Dịch vụ thi công lắp đặt thanh la hạn chế rung động ống fintube tầng 1&2 module # 2 ECO HP3 lò 22	PLPS số 13	124.726.010	95.496.022	
Tổng			85.479.061.271	62.172.675.779	

Số: 47/TTr-DVKT-HĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty và sửa đổi Điều lệ Công ty năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Quyết định số 87/QĐ/ĐHĐCĐ-DVKT ngày 04/5/2022;

Căn cứ Đăng ký kinh doanh Lần thứ 13 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam do Phòng đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/3/2026;

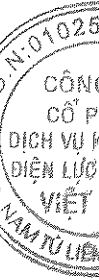
Căn cứ Tờ trình số 170/TTr-DVKT-TCHC-TCKT ngày 17/3/2026 của Giám đốc Công ty về việc sửa đổi Điều lệ Công ty năm 2026 và sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh Công ty,

Nhằm phục vụ việc xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán và Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

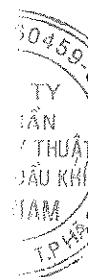
Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua những nội dung sau:

- 1. Bổ sung nội dung phần ghi “Loại trừ” theo bảng dưới đây vào trong một số ngành nghề kinh doanh chi tiết đã đăng ký của Công ty (để đảm bảo tuân thủ quy định Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ):**

STT	Mã ngành, nghề đăng ký đầu tư kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Chi tiết ngành, nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh
1	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	<p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác; - Bán buôn máy móc, thiết bị sử dụng cho các ngành: sản xuất công nghiệp, điện lực, dầu khí, phòng cháy chữa cháy, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác. <p>(Loại trừ: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)</p>
2	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	<p>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh</p> <p>(Loại trừ: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải.)</p>
3	4672	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	<p>(Loại trừ: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình,</p>



STT	Mã ngành, nghề đăng ký đầu tư kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Chi tiết ngành, nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh
			kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)
4	5224	Bốc xếp hàng hóa	(Loại trừ: Cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, dịch vụ xăng dầu hàng không, dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất, dịch vụ khai thác khu bay.)
5	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	Chi tiết: - Giao nhận hàng hóa. - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn. - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa. (Loại trừ: Cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải.)
6	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	(Loại trừ: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải)



2. Sửa đổi Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

Điều khoản	Nội dung tại Điều lệ năm 2022	Nội dung sửa đổi
Khoản 3 Điều 2	Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Khoản 1, Điều 5	Phạm vi kinh doanh và hoạt động	Phạm vi kinh doanh và hoạt động: Chi tiết theo ngành nghề đã trình tại nội dung 1.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung nêu trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị (e-copy);
- Ban Kiểm soát (e-copy);
- Ban Giám đốc (e-copy);
- Lưu: VT, HĐQT.

Đính kèm:

- Đăng ký kinh doanh lần 13;
- Điều lệ Công ty sửa đổi.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phùng Văn Đức

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0102560459

Đăng ký lần đầu: ngày 27 tháng 11 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 13, ngày 10 tháng 03 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PETROVIETNAM POWER SERVICES
JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PV POWER SERVICES., JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Từ Liêm, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam*

Điện thoại: 024.37878136

Số Fax: 024.37878185

Thư điện tử: vanthu@pvps.vn

Website:

3. Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 15.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: VŨ ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 08/12/1974

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 019074000248

Chức danh: Giám đốc

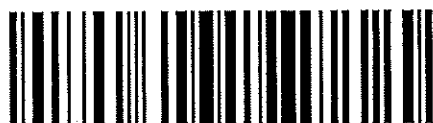
Địa chỉ liên lạc: Số 15, Tổ 3, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Hữu Lương

Số:



105964/26

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP: Thành phố Hà Nội

Địa chỉ trụ sở: Khu liên cơ Vân Hồ - 52 Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 38248989 máy lẻ 191 Số Fax:

Thư điện tử: pdkkdtcdn_sotc@hanoi.gov.vn

Website: www.sotaichinh.hanoi.gov.vn

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Mã số doanh nghiệp: 0102560459

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Lắp đặt hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều khiển phân tán và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin	3320
2	Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng hệ thống điện - điện tử và tự động hoá cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500kV, công suất đến 4.000MW	71109
3	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ, duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các Nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500kV và công suất đến 4.000MW	7120

STT	Tên ngành	Mã ngành
4	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác; - Bán buôn máy móc, thiết bị sử dụng cho các ngành: sản xuất công nghiệp, điện lực, dầu khí, phòng cháy chữa cháy, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác.	4659
5	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt thiết bị điện các Nhà máy điện, Trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500kV	4321
6	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8559
7	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác;	3290
8	Hoạt động viễn thông khác - Chi tiết: Đại lý kinh doanh dịch vụ viễn thông;	6190
9	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
10	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác - Chi tiết: Thi công xây lắp các công trình công nghiệp;	4299
11	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Chi tiết: Cho thuê nhà sử dụng làm văn phòng	6810
12	Xây dựng công trình công ích khác - Chi tiết: Thi công xây lắp trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng;	4229
13	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
14	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa - Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan	5210
15	Bốc xếp hàng hóa	5224

STT	Tên ngành	Mã ngành
16	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Giao nhận hàng hóa. - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn. - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa.	5229
17	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
18	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong nghề xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động; các loại cửa tự động; hệ thống đèn chiếu sáng; hệ thống hút bụi; hệ thống âm thanh. - Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy.	4329
19	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
20	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
21	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác Chi tiết: - Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu sửa chữa nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan; - Bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống kỹ thuật tòa nhà. - Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống phòng cháy và chữa cháy.	3319
22	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo Chi tiết: - Dịch vụ vận hành nhà máy điện; - Thủy điện, nhiệt điện than, nhiệt điện khí, điện gió, điện mặt trời, điện khác (điện rác)	3511(Chính)
23	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn thiết kế biên dịch, biên soạn tài liệu các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (Không bao gồm thiết kế công trình); Cung cấp giải pháp lắp đặt tích hợp các hệ thống viễn thông và công nghệ thông tin; - Các dịch vụ quan trắc khí thải, nước thải ... tại nhà máy; Tư vấn lập kế hoạch và quy trình bảo trì công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Bảo trì công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp	7499
24	Truyền tải và phân phối điện (Trừ truyền tải và điều độ hệ thống điện quốc gia).	3513

STT	Tên ngành	Mã ngành
25	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4663
26	Sản xuất pin và ắc quy	2720
27	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không gồm kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4672
28	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
29	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn thiết bị phòng cháy, chữa cháy, phân bón, thuốc trừ sâu; sản phẩm nông hóa. - Bán buôn cao su; - Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (trừ các loại Nhà nước cấm)	4679
30	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
31	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) Chi tiết: - Bán buôn thiết bị phòng cháy, chữa cháy, phân bón, thuốc trừ sâu; sản phẩm nông hóa. - Bán buôn cao su; - Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (trừ các loại Nhà nước cấm)	4773
32	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312
33	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314
34	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác (Không gồm các dịch vụ tư vấn tài chính, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm và tư vấn pháp lý)	7020
35	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
36	Cung ứng nguồn nhân lực khác Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7822
37	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
38	Dịch vụ điều tra và hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ (Không gồm dịch vụ điều tra)	8011
39	Dịch vụ bảo đảm an toàn khác Chi tiết: Giám sát hoặc giám sát từ xa của hệ thống báo động an toàn điện tử, như báo trộm hoặc báo cháy, bao gồm cả việc bảo dưỡng.	8019

STT	Tên ngành	Mã ngành
40	Dịch vụ vệ sinh khác Chi tiết: - Dịch vụ vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác; - Vệ sinh máy móc công nghiệp; - Dịch vụ vệ sinh khu nhà và các công trình khác	8129
41	Dịch vụ cảnh quan	8130
42	Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng	8210
43	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673
44	(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): VŨ ANH TUẤN Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: LÊ ĐÌNH THÁI Điện thoại: 0962108686
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Điện thoại: 04.37878136 Fax: 04.37878185 Email: vanthu@pvps.vn
4	Hình thức hạch toán: Hạch toán độc lập
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày 1/1 đến ngày 31/12
6	Tổng số lao động: 20
7	Phương pháp tính thuế GTGT: Khấu trừ

THÔNG TIN ĐỀ XÁC ĐỊNH CHỦ SỞ HỮU HƯỞNG LỢI

STT	Tên tổ chức	Ngày cấp	Mã số doanh nghiệp/số QĐ thành lập	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết
1	TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN	25/02/2026	0102276173	Thành phố Hà Nội	Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167, đường Trung Kính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	51

Nơi nhận:

-CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM. Địa chỉ:Tầng 7, Tòa nhà Hồn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

-.....;

- Lưu: Lê Đình Thuyền.....

**KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Hữu Lương

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
VIỆT NAM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ/ĐHĐCĐ-DVKT
ngày / /2026)*

Hà Nội, tháng 3/2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	3
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	3
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	3
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	4
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	5
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	10
Điều 10. Thu hồi cổ phần	11
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	11
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
Điều 12. Quyền của cổ đông	11
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	13
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 17. Thay đổi các quyền	18
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	24
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	28
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	28
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	30
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	32
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	33
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	34
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty	35
VIII. GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	35
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	35
Điều 34. Người điều hành Công ty	36
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	36
IX. BAN KIỂM SOÁT	37

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	37
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát	37
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	38
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	38
Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát	39
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên	39
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	39
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	40
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	41
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	41
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	41
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	42
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	42
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	42
Điều 46. Phân phối lợi nhuận	42
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	43
Điều 47. Tài khoản ngân hàng.....	43
Điều 48. Năm tài chính	43
Điều 49. Chế độ kế toán.....	43
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	44
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	44
Điều 51. Báo cáo thường niên	44
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	44
Điều 52. Kiểm toán	44
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	45
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp.....	45
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	45
Điều 54. Giải thể Công ty	45
Điều 55. Thanh lý	45
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	46
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ	46
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	46
Điều 57. Điều lệ Công ty	46
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	47
Điều 58. Ngày hiệu lực	47

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức chính thức vào ngày tháng 4 năm 2026.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này;

b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và nội dung sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp tại Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

d. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

e. "Việt Nam" là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

f. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu;

g. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

h. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;

i. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

j. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;

k. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty cổ phần;

l. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

m. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết;

a. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con;

b. "Đại hội trực tuyến" là cuộc họp ĐHĐCĐ được tổ chức thông qua áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại để truyền tải âm thanh và/hoặc hình ảnh đại hội, cho phép các cổ đông ở các địa điểm khác nhau có thể tham dự, theo dõi, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp;

c. "Đại hội truyền thống" là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo đó các Cổ đông tham dự trực tiếp, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp tại một địa điểm nhất định mà không phải hình thức quy định tại Điểm o Khoản này;

d. "Hệ thống trực tuyến" là ứng dụng/hệ thống phần mềm/ website mà Công ty sử dụng để phục vụ việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và/hoặc bỏ phiếu điện tử.

1. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

2. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

3. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

-Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.

-Tên tiếng Anh: PetroVietnam Power Services Joint Stock Company.

-Tên viết tắt: PV Power Services .,JSC.

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, tòa nhà Hỗn hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Điện thoại : 024 37.878.186 Fax: 024 37.878.185.

- Email : contact@pvps.vn.

- Website: www.pvps.vn.

Công ty có biểu tượng riêng như sau:



4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 54 Điều lệ này thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty có các quyền, nghĩa vụ được quy định tại Điều 12, Điều 13 Luật Doanh nghiệp, các quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là các hoạt động kinh doanh được pháp luật công nhận.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: xây dựng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam thành một doanh nghiệp hàng đầu chuyên cung cấp các dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng các nhà máy điện và các ngành khác.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

Những ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Lắp đặt hiệu chỉnh đưa vào vận hành, bảo trì và nâng cấp các hệ thống thông tin viễn thông, hệ thống điều

khiến phân tán và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;

- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng hệ thống điện – điện tử và tự động hóa cho các nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV, công suất đến 4.000 MW;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Thí nghiệm hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ, duy tu bảo dưỡng định kỳ và xử lý sự cố bất thường các Nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500KV và công suất đến 4.000 MW);
- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác: Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống dây chuyền đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác; Bán buôn máy móc, thiết bị sử dụng cho các ngành: sản xuất công nghiệp, điện lực, dầu khí, phòng chất chữa cháy, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác (Loại trừ: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải).
- Lắp đặt hệ thống điện: Lắp đặt thiết bị điện các Nhà máy điện, Trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ công nghiệp có cấp điện áp đến 500kV;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)...
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác.
- Hoạt động viễn thông khác: Đại lý kinh doanh dịch vụ viễn thông.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Loại trừ: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền phân phối đối với thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải).
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Thi công xây lắp các công trình công nghiệp.

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê nhà sử dụng làm văn phòng.
- Xây dựng công trình công ích khác: Thi công xây lắp trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp dân dụng.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: ho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan.
- Bốc xếp hàng hóa (Loại trừ: Cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, dịch vụ xăng dầu hàng không, dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất, dịch vụ khai thác khu bay).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa (Loại trừ: Cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải).
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí.
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong nghề xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh; Lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy.
- Hoàn thiện công trình xây dựng.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Loại trừ: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền phân phối đối với thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải).
- Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác: Dịch vụ kỹ thuật, bảo trì, bảo dưỡng, đại tu sửa chữa nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan; Bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống kỹ thuật tòa nhà; Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống phòng cháy và chữa cháy.
- Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo: Dịch vụ vận hành Nhà máy điện; Thủy điện, nhiệt điện than, nhiệt điện khí, điện gió, điện mặt trời, điện khác (điện rác).
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu: Tư vấn thiết kế biên dịch, biên soạn tài liệu các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng

lượng, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (không bao gồm thiết kế công trình); Cung cấp giải pháp lắp đặt tích hợp các hệ thống viễn thông và công nghệ thông tin; Các dịch vụ quan trắc khí thải, nước thải... tại nhà máy; Tư vấn lập kế hoạch và quy trình bảo trì công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Bảo trì công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

- Truyền tải và phân phối điện (trừ truyền tải và phân phối điện lưới quốc gia).
- Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy.
- Sản xuất Pin và ắc quy.
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Loại trừ: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền phân phối đối với thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải).
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Hoạt động trang trí nội thất.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn thiết bị phòng cháy chữa cháy, phân bón, thuốc trừ sâu, sản phẩm nông hóa; Bán buôn cao su; Bán buôn hóa chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm); Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (Trừ các loại Nhà nước cấm).
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.
- Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ): Bán buôn thiết bị phòng cháy, chữa cháy, phân bón, thuốc trừ sâu; sản phẩm nông hóa; Bán buôn cao su; Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (trừ các loại Nhà nước cấm).
- Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.
- Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện.
- Hoạt động tư vấn quản lý (Không gồm các dịch vụ tư vấn tài chính, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm và tư vấn pháp lý).
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp.
- Cung ứng nguồn nhân lực khác: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước.
- Vệ sinh chung nhà cửa.
- Dịch vụ kiểm tra và hoạt động bảo vệ tư nhân: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ (Không gồm dịch vụ điều tra).

- Dịch vụ đảm bảo an toàn khác: Giám sát hoặc giám sát từ xa của hệ thống báo động an toàn điện tử, như báo trộm hoặc báo cháy, bao gồm cả việc bảo dưỡng.
- Dịch vụ vệ sinh khác: Dịch vụ vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác; Vệ sinh máy móc công nghiệp; Dịch vụ vệ sinh khu nhà và công trình khác.
- Dịch vụ cảnh quan.
- Dịch vụ hành chính và hỗ trợ văn phòng.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề được quy định tại Khoản 1 Điều này, đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND (Một trăm năm mươi tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 15.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/ 1 Cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào

bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát

hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy [07] ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc các hình thức khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phiếu mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120, Khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty ;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
1. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
 - a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban

Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

4. Tổ chức là cổ đông Công ty cổ phần sở hữu ít nhất 10% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền, sở hữu ít nhất 50% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 08 người đại diện theo ủy quyền.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua;

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết phù hợp với hình thức tổ chức của cuộc họp trực tiếp hoặc trực tuyến:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp/trực tuyến tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất

thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường có thể tổ chức theo hình thức Đại hội truyền thống hoặc Đại hội trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức. Hình thức tổ chức mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quyết định và thông báo cho Cổ đông tại quyết định triệu tập Đại hội.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30)

ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- m. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - k. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;
 - u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 6 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

Việc ủy quyền trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông có tổ chức theo hình thức trực tuyến và/hoặc có bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác sẽ thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán

thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

f. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Nhà nước (đối với các Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch) và hệ thống trực tuyến trong trường hợp có bỏ phiếu điện tử. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất (03) ba ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng với Khoản 4 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp (bao gồm cả dự họp trực tuyến) đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng (30) ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ 2 chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (Bao gồm cả họp trực tuyến).

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự như sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại

hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp; Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp trong trường hợp họp theo hình thức truyền thống. Trường hợp ĐHĐCĐ tổ chức theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp cả hình thức truyền thống và hình thức trực tuyến, cách thức đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thông qua quyết định của ĐHĐCĐ thực hiện theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa đại hội có quyền hoãn Đại hội khi đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273

Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

11. Hàng năm Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất (01) một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông (bao gồm cả tham gia trực tuyến) sẽ được coi là tham gia đại hội và có mặt ở Địa điểm chính của đại hội.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này và Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền.

Trường hợp HĐQT quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có thực hiện theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, nội dung và hình thức Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử/các hình thức điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

d. Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: thực hiện trong trường hợp Hội đồng quản trị có tổ chức lấy phiếu ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc tỷ lệ cụ thể do Điều lệ Công ty

quy định và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

2. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về

công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác;
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có);
- g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cổ đông hoặc nhóm

cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

- Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch;

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc;

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, có tối thiểu ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban

chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty (nếu có).

VIII. GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có một Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc

bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty (nếu có).

2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty (nếu có).

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị (nếu có);

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.



9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp

đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang và có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo uỷ quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình..

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết và biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt

Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải

chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng

cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c. Các trường hợp khác theo pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí liên có quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong

trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 58 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam nhất trí thông qua ngày 28 tháng 04 năm 2022 tại Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam, Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

- a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước;
- b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội;
- c. 04 bản lưu trữ tại Trụ sở Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

